

THÁNG 6 | 2011



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN
NIÊM YẾT TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM



BIDV SECURITIES COMPANY

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN



(Giấy CNĐKKD số 4000102418 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 01/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 06/04/2011)

ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

(Đăng ký niêm yết số: 104/2011/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp ngày 13 tháng 07 năm 2011)

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An

Địa chỉ : 10 Trần Hưng Đạo, P.Minh An, Tp.Hội An, Quảng Nam
Điện thoại : (0510)3 861248 /3 910885 Fax: (0510) 3 911099
Website : www.hoiantourist.com



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính : Tầng 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (04) 222 00 672 Fax : (04) 222 00 669
Website : www.bsc.com.vn



Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 3 8218886 Fax : (08) 3 821 8510

Phụ trách công bố thông tin

Bà : Nguyễn Thị Ngọc Lan Chức vụ: Kế toán trưởng
Điện thoại : (0510) 3861248 Fax : (0510)3911099



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

(Giấy CNĐKKD số 4000102418 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 01/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 06/04/2011)

ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết	: 8.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	: 80.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ : 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 3 8 272 295 Fax: (08) 3 8 272 300

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính : Tầng 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (04) 222 00 672 Fax: (04) 222 00 669

Website : www.bsc.com.vn



Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 3 821 8883 Fax: (08) 3 821 8510



MỤC LỤC

PHẦN 1: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ.....	5
2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP	6
3. RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG	7
4. RỦI RO ĐẶC THÙ	7
5. RỦI RO VỀ TỶ GIÁ	8
6. RỦI RO CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	8
7. RỦI RO KHÁC	8
PHẦN 2: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN.....	9
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP.HCM.....	9
PHẦN 3: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	10
PHẦN 4: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY	11
2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	12
2.1. Các sự kiện quan trọng của Công ty.....	12
2.2. Quá trình tăng vốn điều lệ.....	15
3. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	16
4. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	16
4.1. Đại hội đồng cổ đông.....	17
4.2. Ban kiểm soát.....	18
4.3. Hội đồng quản trị.....	18
4.4. Ban Tổng Giám đốc	18
4.5. Các phòng chức năng	19
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN	20
6. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC.....	20
6.1. Công ty mẹ của Công ty.....	20
6.2. Danh sách các công ty con của Công ty.....	21
6.3. Danh sách các công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối.....	21
6.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối Công ty.....	21
7. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	21
7.1. Các nhóm sản phẩm của Công ty	21
a. Lĩnh vực dịch vụ lưu trú:.....	21
b. Lĩnh vực kinh doanh Ăn uống:.....	21
c. Lĩnh vực kinh doanh lữ hành:.....	22
d. Lĩnh vực kinh doanh Dịch vụ vui chơi - giải trí trên biển:.....	22
e. Lĩnh vực kinh doanh Spa:.....	22



f. Lĩnh vực kinh doanh khác:	23
7.2. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận các sản phẩm, dịch vụ qua các năm:.....	24
7.3. Các yếu tố đầu vào.....	26
7.4. Chi phí sản xuất:.....	27
7.5. Trình độ công nghệ.....	29
7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	29
7.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	29
7.8. Hoạt động marketing.....	30
7.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	32
7.10. Các hợp đồng và dự án lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết.....	33
8. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	33
8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về HĐKD năm 2009, 2010 & Quý 1/2011.....	33
8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD năm 2009 đến nay:.....	34
9. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH.....	35
9.1. Vị thế của Công ty trong ngành.....	35
9.2. Điểm mạnh điểm yếu, cơ hội và thách thức của Công ty.....	38
9.3. Triển vọng của ngành.....	39
9.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành.....	40
10. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	40
10.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động.....	40
10.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp.....	41
11. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....	43
12. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	43
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	43
12.2. Các chỉ tiêu tài chính	45
13. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG	46
13.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT.....	46
13.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên BKS.....	49
13.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc.....	51
13.4. Sơ yếu lý lịch kế toán trưởng	52
14. TÀI SẢN:.....	53
15. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	54
16. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	56
17. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY	57
18. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	57
PHẦN 5: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	57
1. LOẠI CHỨNG KHOÁN	58
2. MỆNH GIÁ.....	58
3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	58
4. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG	58



5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ	58
6. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẢM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	59
7. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN	59
7.1. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp.....	59
7.2. Thuế Giá trị gia tăng.....	60
7.3. Thuế thu nhập cá nhân:.....	60
PHẦN 6: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	61
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:	61
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:	61



PHẦN 1: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của công ty qua đó gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu niêm yết khi các nhà đầu tư xem xét việc đầu tư vào công ty.

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất ngân hàng, tình hình lạm phát, v.v. đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Kinh tế Việt Nam bắt đầu chuyển mình sang kinh tế thị trường từ năm 1986 với trọng tâm phát triển về: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Trải qua quá trình phát triển hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, đến nay về tổng quan Việt Nam đã có những thành tựu mạnh mẽ, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo ra những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Cụ thể, giai đoạn 2000-2008, nền kinh tế tăng trưởng cao và liên tục, GDP bình quân mỗi năm trung bình đạt trên 7,5%, năm 2006-2007 tốc độ tăng trưởng lần lượt là 8,17%, 8,14% (Nguồn: Niên giám thống kê 2006, 2007, 2008 Tổng cục thống kê). Hơn nữa, sự kiện Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của tổ chức Thương Mại thế giới (WTO) sau hơn 11 năm đàm phán bắt đầu từ năm 1995 vào đầu năm 2007 đã đánh dấu bước tiến vượt bậc của Việt Nam, qua đó thể hiện cam kết rõ ràng nhất về sự mở cửa nền kinh tế, dần xóa bỏ cơ chế bảo hộ theo lộ trình đã cam kết với Tổ chức và các nước thành viên.

Tuy nhiên, bước sang năm 2008 tình hình kinh tế thế giới có những diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới bắt đầu đi vào giai đoạn khủng hoảng và suy thoái toàn cầu, khởi nguồn từ cuộc khủng hoảng thị trường nhà đất, tài chính tại Hoa Kỳ dẫn tới sự đổ vỡ hàng loạt hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng và các định chế tài chính lớn khác. Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật chung của bức tranh nền kinh tế toàn cầu. Theo số liệu của Tổng cục thống kê GDP bình quân năm 2008 giảm xuống mức 6,31% và năm 2009 là 5,32%. Đặc biệt, chỉ số giá tiêu dùng bình quân CPI năm 2008 tăng 22,97% so với năm trước đó, đồng thời về lãi suất và tỷ giá ngoại tệ tăng cao gây không ít khó khăn cho sự ổn định và phát triển của Doanh nghiệp trong nước. Nhưng bắt đầu từ cuối năm 2009 và năm 2010, tình hình kinh tế đã có nhiều dấu hiệu tích cực, báo hiệu xu hướng hồi phục của nền kinh tế Việt Nam. Theo các số liệu báo cáo của Tổng cục thống kê GDP năm 2010 tăng trưởng 6,78%, cao hơn 0,28% so mức kế hoạch 6,5% được Quốc hội phê duyệt đầu năm. Tuy tốc độ tăng trưởng chưa cao nhưng đã cho thấy sự suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế đã được ngăn chặn, kinh tế bước sang giai đoạn hồi phục và tăng trưởng trở lại, cùng với quyết tâm thực



hiện các chính sách và giải pháp đề ra của chính phủ, điều này được minh chứng qua mức tốc độ tăng trưởng đều theo các quý trong năm 2010. Cụ thể, tăng trưởng GDP quý 1/2010 đạt 5,84%, quý 2 đã tăng 6,44%, quý 3 tăng 7,18% và cao nhất là quý 4 tăng 7,3%. Theo số liệu của Tổng cục thống kê Chỉ số giá tiêu dùng năm 2010 lên tới 11,75%, tăng bình quân 9,19% so với cùng kỳ năm 2009.

Kinh tế suy thoái, thất nghiệp gia tăng và thu nhập của người lao động giảm sút sẽ dẫn đến hạn chế chi tiêu cho tiêu dùng, trong đó nhu cầu giải trí, giảm đáng kể và du lịch là không nằm ngoài ngoại lệ. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động về lưu trú, lữ hành trong đó có Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An. Tuy nhiên, hòa chung với đà hồi phục của nền kinh tế toàn cầu, dự báo nhu cầu về du lịch, nghỉ dưỡng sẽ đi vào ổn định và phát triển trong thời gian sắp tới và theo sau là sự hồi phục và tăng trưởng mạnh của các doanh nghiệp trong ngành nói chung cũng như Du lịch Hội An nói riêng.

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hiện nay, hệ thống Pháp luật Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện. Bên cạnh những ưu điểm vẫn còn nhiều điều chưa thật sự phù hợp và bất cập trong việc thi hành. Các văn bản Luật được ban hành thường chỉ là khung và thường phải chờ những văn bản hướng dẫn thi hành. Trên thực tế, khi Doanh nghiệp áp dụng các văn bản này phát sinh rất nhiều khó khăn, một số các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa đầy đủ và thường bị chồng chéo lẫn nhau. Có thể nói sự thay đổi về các văn bản Luật và dưới Luật đều ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Riêng đối với ngành du lịch do đặc thù là ngành công nghiệp xanh không khói nên nhận được nhiều sự ủng hộ và quan tâm từ Chính phủ và Xã hội.

Là Công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm du lịch Công ty sẽ gặp những rủi ro về luật pháp như sau:

- Luật doanh nghiệp năm 2005;
- Luật đầu tư năm 2005;
- Luật Du lịch năm 2005;
- Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008;
- Luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008;
- Hệ thống pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Việt Nam;
- Các chuẩn mực kế toán kiểm toán mới;
- Các quy định về thủ tục xuất nhập cảnh, thời gian cấp thị thực, ...



3. RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Trong thời gian vừa qua, tốc độ phát triển của ngành du lịch Việt Nam luôn đạt mức cao. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, lượng khách quốc tế đến Việt Nam với mục đích du lịch và nghỉ dưỡng hằng năm đều đạt gần 3 triệu khách kể từ năm 2005-2010, đồng thời nhu cầu du lịch nghỉ dưỡng nội địa tăng mạnh qua các năm, riêng năm 2009 lượng khách du lịch nội địa đã đạt 25 triệu lượt tăng 19% so với năm 2008 và tăng trưởng mạnh trong 6 tháng đầu năm 2010, với số lượng khách nội địa đạt 14,8 triệu lượt tăng 10% so với cùng kỳ năm 2009.

Sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch lưu trú dẫn đến sự cạnh tranh giữa các Công ty diễn ra ngày càng gay gắt và quyết liệt hơn. Điều này tất yếu sẽ dẫn đến sự giảm giá dịch vụ nhưng vẫn phải đảm bảo và tăng cường chất lượng để giữ vững uy tín với khách hàng. Trong khi đó, các chi phí liên quan tới sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, nhân công... luôn biến động và có chiều hướng gia tăng. Đây cũng đang là bài toán khó đặt ra cho các Doanh nghiệp phải xây dựng và hoạch định cho mình một chiến lược khách hàng hợp lý đồng thời tạo dựng một hệ thống cung cấp dịch vụ hoàn hảo và cũng như việc tiết kiệm các khoản chi phí tối đa hóa lợi nhuận nhằm đảm bảo chỉ tiêu đề ra.

Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An trải qua hơn 20 năm kinh doanh dịch vụ du lịch lưu trú khách sạn và các dịch vụ nghỉ dưỡng khác hiện đang hoạt động trên địa bàn Thành phố Hội An thuộc tỉnh Quảng Nam - đây là địa bàn trọng điểm của ngành công nghiệp du lịch Việt Nam - đồng thời là tâm điểm của hàng loạt các dự án xây dựng khách sạn, resort và khu nghỉ dưỡng cao cấp của nhiều tập đoàn, công ty lớn trên thế giới và Việt Nam. Bên cạnh những thuận lợi, đi theo là thách thức lớn đối với Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An, đặt ra cho công ty yêu cầu phải hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển đào tạo nguồn nhân lực, tìm kiếm mở rộng thị trường khách hàng nhằm đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh trong tương lai.

4. RỦI RO ĐẶC THÙ

Với đặc thù kinh doanh của mình, khi kinh tế suy thoái, lạm phát tăng cao sẽ tác động trực tiếp đến nguồn thu nhập và khi thu nhập giảm dẫn đến chi tiêu cho các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cơ bản như nhu cầu ăn, mặc, ở được ưu tiên hàng đầu, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất các nhu cầu du lịch, vui chơi, nghỉ dưỡng. Đây là nguyên nhân trực tiếp tác động xấu đến sự phát triển của ngành.

Bên cạnh đó, với đặc thù của ngành liên quan đến chính sách xã hội, truyền thống văn hoá, phong tục tập quán của địa phương, việc suy thoái văn hoá cũng ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành du lịch.

Lĩnh vực du lịch biển là một trong những dịch vụ được ưu tiên phát triển hàng đầu nên



những yếu tố khắc nghiệt của môi trường như thiên tai, hạn hán, bão lụt, động đất,... đều ảnh hưởng đến môi trường sinh thái gây ô nhiễm cho các địa điểm du lịch và tạo ra những rủi ro nhất định đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Dịch bệnh luôn là mối đe dọa đối với ngành du lịch, lữ hành. Đây là nguyên nhân gây tác động tâm lý dây chuyền đến các sản phẩm dịch vụ ăn uống, nghỉ dưỡng và đi lại của du khách và qua đó trực tiếp làm giảm doanh thu hoạt động của Doanh nghiệp trong ngành. Thực vậy, năm 2009, hoạt động kinh doanh của Du lịch Dịch vụ Hội An đã chịu ảnh hưởng nhất định từ dịch cúm A H1N1.

Ngoài ra yếu tố an ninh, ổn định về chính trị của quốc gia đều ảnh hưởng mạnh mẽ đến lượng khách du lịch.

5. RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Khi khách hàng thanh toán bằng ngoại tệ, Công ty tiến hành thu và quy đổi theo tỷ giá hạch toán USD/VNĐ ngay tại thời điểm thanh toán, cuối ngày kế toán thanh toán kết sổ và nộp toàn bộ số ngoại tệ vào ngân hàng theo tỷ giá thực tế cuối ngày. Công ty không hạch toán sổ sách kế toán bằng ngoại tệ, vì vậy lãi/lỗ do chênh lệch tỷ giá được theo dõi và điều chỉnh theo từng ngày phát sinh. Bằng cách này, Công ty đã hạn chế được rủi ro chênh lệch tỷ giá.

6. RỦI RO CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Trong năm 2010, Công ty đã tập trung đầu tư nâng cấp Khách sạn Hội An nhằm đạt chuẩn 4 sao⁺ vào năm 2011 và một số hạng mục chính cho các đơn vị: Khách sạn Hội An giai đoạn I vốn đầu tư hơn 15 tỷ đồng, Khu du lịch Biển Hội An, Trung tâm lữ hành, Xí nghiệp giặt, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin và Văn phòng làm việc, đầu tư mở rộng các văn phòng bán hàng tại Úc và Châu Âu. Ngoài ra, Công ty tiến hành lên phương án đầu tư, mua, hoặc thuê lại 01 khách sạn tiêu chuẩn 3 sao. Đây là những hạng mục đầu tư nhằm mục đích nâng cao chất lượng cung cấp sản phẩm, đa dạng hóa tiêu chuẩn mặt hàng, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển nguồn khách hàng cho Công ty. Các hạng mục đầu tư trên đã được Ban lãnh đạo và Hội đồng quản trị của Công ty là những người có thâm niên lâu năm, có trình độ chuyên môn sâu trong lĩnh vực nghiên cứu đánh giá cận kề dựa trên nguồn lực và khả năng phát triển của doanh nghiệp nên rủi ro này có thể được hạn chế.

7. RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro bất khả kháng khác như thiên tai, hỏa hoạn, sạt lở đất, bão lụt, dịch bệnh, khủng bố, chiến tranh... tuy ít có khả năng xảy ra nhưng là những rủi ro không thể tránh khỏi, nếu xảy ra sẽ làm thiệt hại đến tài sản, nhân lực và tình hình hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.



PHẦN 2: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Ông Nguyễn Văn Ban	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Tiến Dũng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Phan Minh Ánh	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty trong tương lai, cũng như đánh giá về cổ phiếu niêm yết.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP.HCM

Ông Nguyễn Quốc Tín	Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh BSC TP. HCM
----------------------------	---

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá, lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An cung cấp.



PHẦN 3: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- ◆ “Công ty” : Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An
- ◆ “Du lịch Dịch Vụ Hội An”: Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An
- ◆ “HoiAn Tourist Service Joint-Stock Co”: Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An
- ◆ “Cổ phiếu”: Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An
- ◆ “Bản cáo bạch”: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư
- ◆ “Ban kiểm soát”: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An
- ◆ “Đại hội đồng cổ đông”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An
- ◆ “Hội đồng quản trị”: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An
- ◆ “Luật chứng khoán”: Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- ◆ “Tổ chức tư vấn”: Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam
- ◆ “Tổ chức kiểm toán”: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt được viết trong bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- BTGD : Ban Tổng Giám đốc
- BKS : Ban kiểm soát
- BSC : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CMND : Chứng minh nhân dân
- CP : Cổ phần
- CPQLDN : Chi phí quản lý doanh nghiệp
- CPSXKDDD : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- CTCP : Công ty cổ phần
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- GCN : Giấy chứng nhận
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- SGDCK : Sở Giao dịch Chứng khoán
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ : Tài sản cố định
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- VNĐ : Việt Nam Đồng
- ISO : Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
- TNDN : Thu nhập Doanh nghiệp
- GTGT : Giá trị gia tăng
- GCNQSD : Giấy chứng nhận quyền sử dụng
- SXKD : Sản xuất kinh doanh



PHẦN 4: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN
- Tên Tiếng Anh : HOI AN TOURIST SERVICE JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : HOIAN TOURIST SERVICE Co
- Logo của Công ty : 
- Vốn Điều lệ : 80.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ trụ sở chính : 10 Trần Hưng Đạo, Tp.Hội An, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại : (84) 510.3861248 - 510.3910885
- Fax : (84) 510.3911 099
- Website : www.hoiantourist.com; www.hoiantravel.com;
: www.hoianhotel.com.vn; www.hoianbeachresort.com.vn.
- Email : reservation@hoianbeachresort.com.vn;
: resa@hoianhotel.com.vn
- Mã số thuế : 4000102418

Các lĩnh vực hoạt động

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000102418 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 01/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 06/04/2011), Công ty được hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Dịch vụ khách sạn
- Dịch vụ ăn uống
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng
- Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế
- Vận tải khách bằng ô tô, vận tải khách theo hợp đồng
- Vận tải ven biển bằng canô
- Vận tải đường sông bằng phương tiện cơ giới
- Đại lý bán vé máy bay
- Đại lý đổi ngoại tệ



- Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình
- Dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu
- Kinh doanh bất động sản
- Dịch vụ internet
- Dịch vụ giặt là
- Mua bán hàng mỹ nghệ

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2.1. Các sự kiện quan trọng của Công ty

- Tiền thân của Công ty : Công ty Dịch vụ - Du lịch Hội An
- Ngày thành lập : 09/04/1990
- Tóm tắt các giai đoạn phát triển của Công ty:

a. Sự hình thành của Công ty

Ngày 09/04/1990, UBND Thành phố ra Quyết định số 189/QĐ.UB về việc hợp nhất Công ty ăn uống - Dịch vụ và Công ty Dịch vụ - Du lịch (cũ) để thành lập Công ty Dịch vụ - Du lịch Hội An và chịu sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp của UBND thị xã Hội An (nay là Thành phố Hội An).

Năm 1992 thực hiện Nghị định 338/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành quy chế giải thể và thành lập lại Doanh nghiệp Nhà nước; theo đó Công ty Dịch vụ - Du lịch Hội An được thành lập và được đổi tên thành Công ty Du lịch - Dịch vụ Hội An theo Quyết định số 2891/QĐ-UB ngày 09/10/1992 của UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) và uỷ quyền cho UBND Thị xã Hội An quản lý trực tiếp và Sở Thương mại - Du lịch quản lý ngành.

Từ tháng 11/1993, Công ty được bàn giao về cho Ban Quản trị Tài chính Tỉnh uỷ Quảng Nam-Đà Nẵng (cũ). Đến tháng 01/1997, khi chia tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành hai đơn vị hành chính Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Nam, Công ty được chuyển về tỉnh Quảng Nam và trực thuộc Văn Phòng Tỉnh uỷ Quảng Nam.

Đến năm 2006, thực hiện Quyết định số 51-QĐ/TU ngày 16/02/2006 Công ty tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu và đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An, đi vào hoạt động chính thức tháng 10/2006, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3303070234 cấp ngày 01/10/2006 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp với vốn điều lệ 50 tỷ đồng.

b. Quá trình xây dựng và phát triển của Công ty

Hành trang cho điểm khởi đầu của Công ty khi Thành phố giao cho khu vực Trường Đảng tỉnh những căn nhà trống, cơ sở vật chất xuống cấp và hư hỏng gần hết. Từ nguồn vốn vay ngân hàng 365 triệu đồng, Công ty đã nâng cấp, cải tạo một khách sạn mini 8 phòng và một nhà hàng, được đưa vào sử dụng tháng 8/1991. Đây là khách sạn đầu tiên



của Công ty và Thành phố, là bước đột phá đầu tiên để phát triển ngành du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn của Thành phố Hội An.

Khách sạn Hội An từ khách sạn mini 8 phòng, với phương châm "lấy ngắn nuôi dài", trong các năm 1992 - 1994 cải tạo, nâng cấp 34 phòng, đầu tư xây dựng mới một khách sạn 33 phòng; đến năm 2000 lên 120 phòng và 160 phòng vào năm 2003.

Năm 1999, trước cơ hội Đô thị cổ Hội An được tổ chức Văn hóa- Giáo dục thế giới (UNESCO) công nhận là di sản văn hoá của nhân loại, lượng khách trong và ngoài nước đến với Thành phố Hội An ngày càng đông, Công ty đã đầu tư xây dựng giai đoạn 01 Khu Du lịch Biển Hội An với 80 phòng tại bãi biển Cửa Đại và đưa vào sử dụng 8/2001 và năm 2002 tiếp tục đầu tư xây dựng giai đoạn 02 của dự án Khu Du lịch Biển Hội An, với số lượng phòng 22 phòng. Năm 2008, vừa tiến hành cải tạo nâng cấp toàn diện Khu Du lịch Biển, vừa xây dựng mới 3 cụm biệt thự, đến nay quy mô đã được nâng lên 120 phòng.

Trung tâm Lễ hành được thành lập và đưa vào hoạt động vào năm 2001. Năm 2004 các dịch vụ vui chơi giải trí trên biển, lặn biển, tham quan Cù Lao Chàm được đưa vào phục vụ du khách. Năm 2006, đầu tư dịch vụ Spa tại hai khách sạn và đưa vào khai thác dịch vụ mới này vào tháng 10/2006. Năm 2008, Công ty đầu tư xây dựng Xí nghiệp Giặt Hội An với công suất 2,3 tấn/ngày.

Hiện nay, Công ty gồm có 2 cơ sở lưu trú: Khách sạn Hội An, 148 phòng đạt chuẩn quốc tế 4 sao, nằm tại Trung tâm phố cổ, được xây dựng quy chuẩn bảo tồn không gian di sản; Khu Du lịch Biển, 120 phòng đạt chuẩn quốc tế 4 sao, nằm bên dòng sông Đế Võng hiền hòa và bãi tắm Cửa Đại hấp dẫn đầy nắng và gió, với những khu biệt thự sang trọng mang dáng dấp làng quê Việt Nam truyền thống.

Hệ thống dịch vụ hỗ trợ chất lượng cao như: Hội trường lớn 400 chỗ, dịch vụ nhà hàng, đội xe du lịch, dịch vụ vui chơi, giải trí trên biển, lặn biển, các chương trình tham quan, dịch vụ Spa và các dịch khác,... ngày càng đa dạng sản phẩm và có sức hấp dẫn du khách thập phương. Điều đặc biệt, hệ thống các sản phẩm của Công ty mang đậm dấu ấn văn hoá và thiên nhiên của mảnh đất có bề dày về truyền thống lịch sử, văn hoá, giàu về tiềm năng du lịch - Hội An như: Dịch vụ lưu trú kết hợp với dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, dịch vụ làm đẹp, tiệc chủ đề "làng chài Hội An", tổ chức dạy và nấu ăn cho du khách với ẩm thực truyền thống của Hội An. Nhiều chương trình tour du lịch sinh thái, văn hoá mới lạ như dịch vụ lặn biển, tham quan, khám phá vẻ đẹp lung linh, huyền ảo của khu dự trữ sinh quyển thế giới - Cù Lao Chàm, hoạt động lễ hành với nhiều chương trình tour đặc sắc: "*Một ngày làm cư dân phố cổ*", tour du lịch khám phá di sản văn hoá thế giới trên "*Con đường di sản văn hoá miền Trung*", tour đường bộ Việt Nam - Lào - Thái Lan và ngược lại.

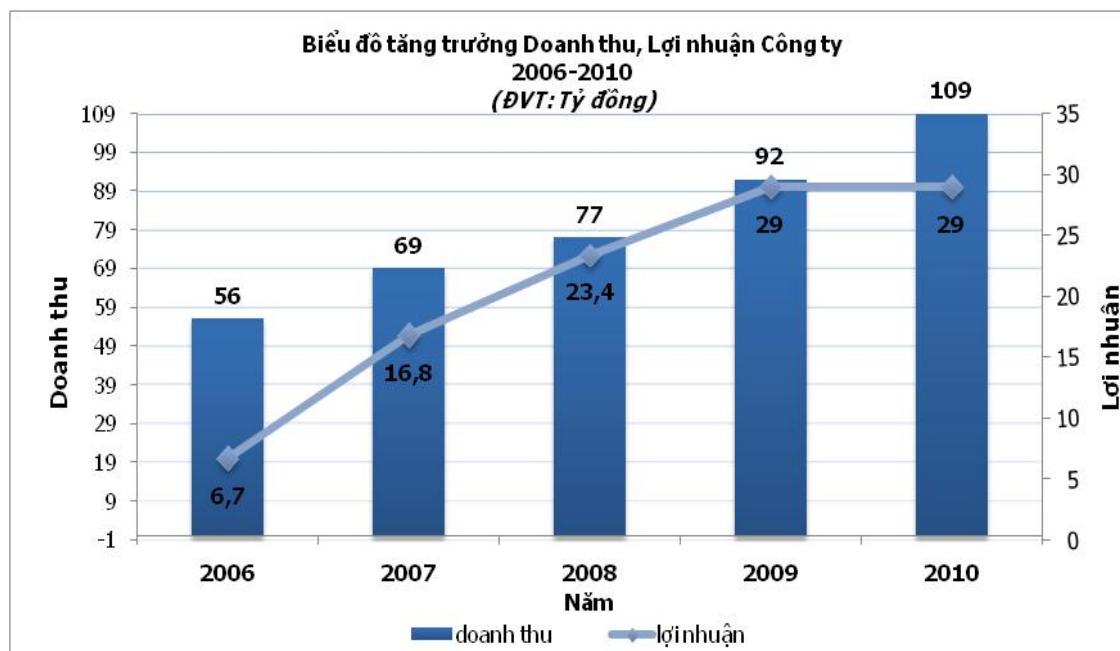
Hiện nay, Công ty có 3 văn phòng giao dịch tại Hà Nội, TP.HCM và Nhật Bản. Là thành viên của các Hiệp hội chuyên ngành thế giới như: Hiệp hội du lịch Hoa Kỳ (ASTA), hiệp hội du lịch Châu Á - Thái Bình Dương (PATA), hiệp hội du lịch Nhật Bản (JATA).



Nguồn nhân lực của Công ty từ 20 năm trước với 40 con người chưa được đào tạo về du lịch đến nay Công ty hiện có trên 450 cán bộ, công nhân lao động có trình độ từ trên Đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp; hầu hết nhân viên được đào tạo nghiệp vụ cơ bản, hiện nay Công ty đang triển khai thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và đào tạo nghiệp vụ theo chuẩn quốc tế nhằm chuẩn hoá đội ngũ.

Chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, cùng với việc kế thừa năng lực sẵn có và bề dày kinh nghiệm sau hơn 10 năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ du lịch lữ hành, khách sạn nghỉ dưỡng, Công ty đã không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng phục vụ, mở rộng thị phần, gia tăng giá trị doanh nghiệp, ngày càng chứng tỏ được khả năng của mình trong cạnh tranh trên đường hội nhập và góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Lợi nhuận của Công ty từ khi cổ phần hóa qua các năm đều tăng, cụ thể về lợi nhuận năm 2006 đạt 6,7 tỷ đồng, năm 2007 đạt 16,8 tỷ đồng tăng 150%, năm 2008 đạt 23,4 tỷ đồng tăng 39%. Năm 2009 và 2010, mặc dù chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu nhưng lợi nhuận vẫn tăng mạnh so với năm 2008 đạt mức trên 29 tỷ đồng tăng 24%.



c. Các thành tích nổi bật Công ty đã đạt được:

- 5 năm liền (1997-2002) Được Bộ Công An tặng cờ thi đua xuất sắc trong phong trào Quân chúng bảo vệ An Ninh Tổ Quốc.
- 5 năm liền (1999-2004) và năm thứ 6 vào năm 2008, khách sạn Hội An đạt danh hiệu "Mười Khách sạn hàng đầu Việt Nam" do Hiệp hội Du lịch và Tổng cục Du lịch Việt Nam bình chọn.
- Được UBND tỉnh Quảng Nam tặng cờ thi đua xuất sắc 10 năm xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Nam.



- Năm 1997-2007 được Bộ Lao Động tặng Bằng khen trong phòng trào đền ơn đáp nghĩa.
- Năm 1998, 2001, 2007, 2008 được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc.
- Năm 1999 : Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba
- Ngày 21/10/2002 theo Quyết định số 368/QĐ-TCDL của Tổng Cục Du lịch, Khu du lịch Biển Hội An được công nhận đạt hạng 4 sao.
- Năm 2004 : Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì
- Ngày 18/04/2005 theo Quyết định số 363/QĐ-TCDL của Tổng Cục Du lịch Khách sạn Hội An được chứng nhận đạt chuẩn 4 sao.
- Năm 2005 : Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.
- Ngày 09/5/2006 Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An đã được Công ty DET NORSKE VERITAS Việt Nam - DNV đã cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 (số: 2785-2006-AQ-SIN-UKAS).
- Ngày 09/09/2009 Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An được Công ty DET NORSKE VERITAS Việt Nam-DNV đã cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 (số: 60227-2009-AQ-SIN-UKAS).
- Năm 2010 : Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất

2.2. Quá trình tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 50.000.000.000 đồng được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3303070234 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 01/10/2006.

Cho đến nay, Công ty có tăng vốn 01 lần từ 50.000.000.000 đồng lên 80.000.000.000 đồng, cụ thể:

Chi tiết các đợt tăng vốn

Thời gian	Nội dung	Căn cứ thực hiện	Số CP phân phối	Loại cổ phiếu	VĐL sau tăng vốn	Số CĐ trước tăng vốn	Số CĐ sau tăng vốn
23/09/2010	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu để tăng VĐL trong năm 2010	Thông báo nhận đầy đủ tài liệu đăng ký phát hành của UBCKNN đăng trên website ngày 23/09/2010	3.000.000	Phổ thông	80 tỷ đồng	177	178

Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

Cơ cấu vốn điều lệ

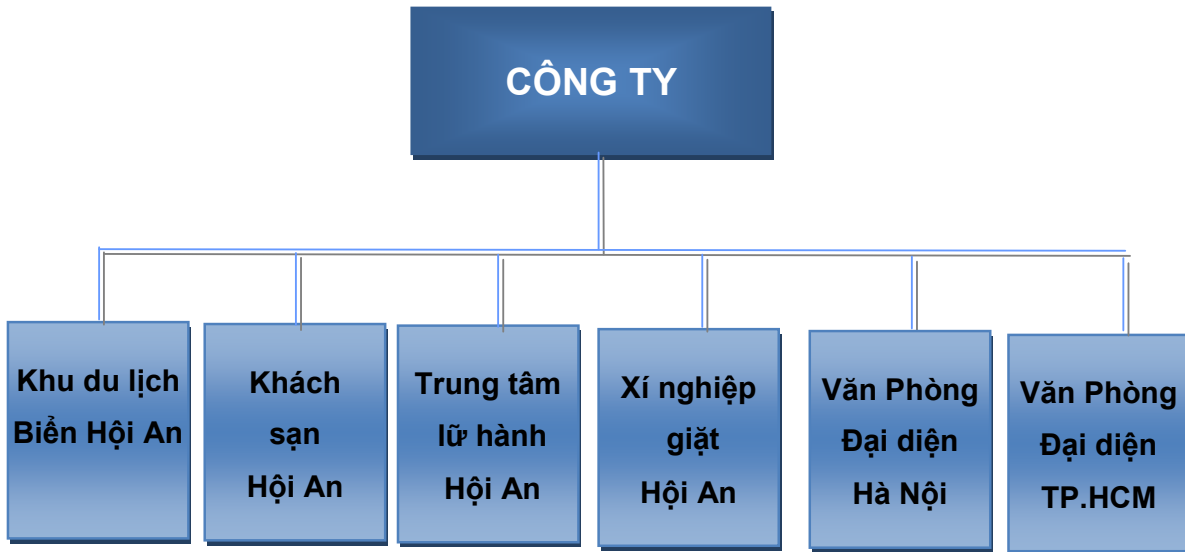
THÀNH PHẦN SỞ HỮU	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ (%)
Cổ đông Nhà nước	4.520.238	56,50%
Cổ đông nội bộ	468.586	5,86%
Cổ đông bên ngoài	3.011.176	37,64%
Tổng số	8.000.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty ngày 04/12/2010



3. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Hình 1: Cơ cấu tổ chức Công ty



Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

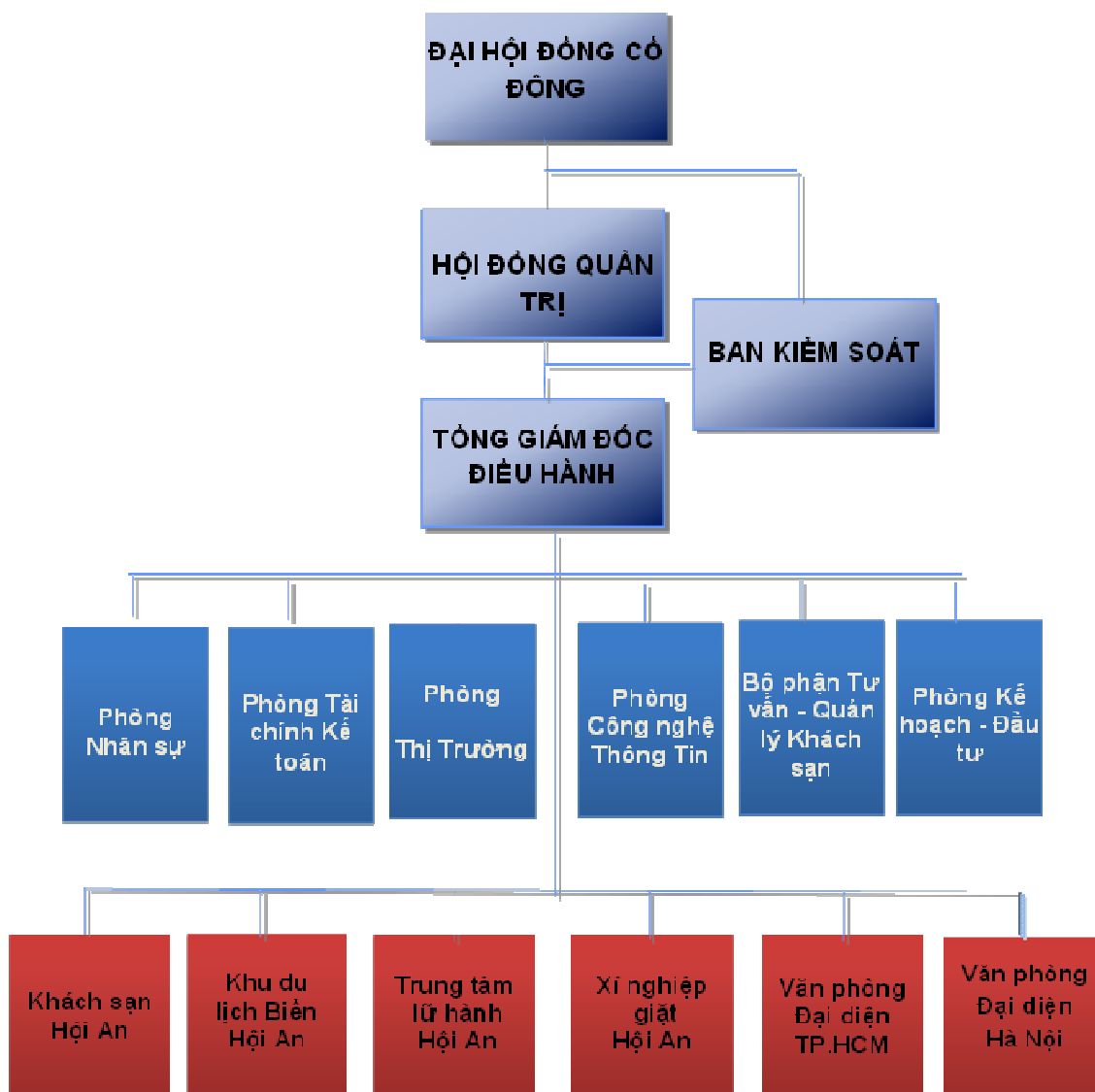
4. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

CTCP Du Lịch - Dịch Vụ Hội An được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bản sửa đổi, bổ sung theo Nghị Quyết số 114/NQ-DLHA-ĐHĐCĐ ngày 18/12/2010;
- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, chi tiết theo sơ đồ dưới đây:



CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp năm 2005 và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông (hoặc đại diện của cổ đông) có quyền biểu quyết của Công ty. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.

ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua điều lệ, định hướng phát triển của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định cơ cấu vốn của Công ty;



- Các quyền và nhiệm vụ khác do Điều lệ của Công ty quy định.

4.2. Ban kiểm soát

Gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông giám sát, đánh giá kết quả kinh doanh và hoạt động quản trị, điều hành của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

4.3. Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 05 thành viên. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc Đại hội đồng cổ đông quyết định.

HDQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển và kế hoạch kinh doanh của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, giám sát hoạt động của Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty;
- Quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông;
- Các quyền và nhiệm vụ khác do Điều lệ của Công ty quy định.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm.

Tổng giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm có ký hợp đồng quy định mức lương, lợi ích và các điều khoản liên quan đến việc tuyển dụng.

Mọi hoạt động quản lý điều hành của Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc phải tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị nhằm bảo đảm lợi ích cao nhất của Công ty. Nếu điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:



- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.
- Được quyết định vượt thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố..., chịu trách nhiệm về những quyết định này và báo cáo ngay cho HĐQT.

4.5. Các phòng chức năng

- Phòng Nhân sự
- Phòng Tài Chính - Kế Toán
- Phòng Thị Trường
- Phòng Công nghệ thông tin
- Bộ phận Tư vấn Quản lý Khách sạn
- Phòng Kế hoạch - Đầu tư

Các đơn vị trực thuộc Công ty:

TT	Xí nghiệp Đơn vị	Sản phẩm chính	Địa chỉ
1	Khách sạn Hội An	Kinh doanh khách sạn, ăn uống, dịch vụ thu đổi ngoại tệ, dịch vụ thẩm mỹ và các dịch vụ bổ sung khác...	10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam
2	Khu du lịch Biển Hội An	Kinh doanh khách sạn, ăn uống, dịch vụ thu đổi ngoại tệ, dịch vụ thẩm mỹ và các dịch vụ bổ sung khác...	01 Cửa Đại, Hội An, Quảng Nam
3	Trung tâm Lữ hành Hội An	Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế, vận chuyển du lịch bằng đường bộ, đường sông, đường biển, dịch vụ bán vé máy bay và	10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam



		các dịch hỗ trợ khác... Tổ chức các chương trình tour In-Outbound, vận chuyển khách du lịch, các tour làng nghề truyền thống...	
4	Xí nghiệp giặt Hội An	Dịch vụ giặt là, dịch vụ nghỉ trọ, dịch vụ giữ và rửa xe ô tô và các dịch vụ bổ sung khác...	99A Cửa Đại, Hội An, Quảng Nam

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Cơ cấu cổ đông tại ngày 04/12/2010

Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông nhà nước	4.520.238	56,50%	1	1	0
Cổ đông bên trong	464.110	5,80%	107	0	107
- Hội đồng quản trị	140.390	1,75%	2	0	2
- Ban Kiểm soát	4.841	0,06%	1	0	1
- Ban Tổng Giám đốc	6.816	0,09%	1	0	1
- CBCNV	312.063	3,90%	103	0	103
Cổ đông bên ngoài	3.015.589	37,69%	66	4	62
- Trong nước	3.015.589	37,69%	66	4	62
- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
Cổ phiếu quỹ	63	0,00%	1	1	0
Tổng cộng	8.000.000	100,00%	175	6	169

Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

Theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 có hiệu lực thi hành 01/07/2006, Điều 84, mục 5: "Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ". Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An thành lập từ ngày 01/10/2006, đến nay đã hơn 04 năm nên quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 04/12/2010

TT	Tên cổ đông	Số CMND / ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	VĂN PHÒNG TÍNH ỦY QUẢNG NAM	22/QĐ-TU	24 Nguyễn Chí Thanh, TP.Tam Kỳ, Quảng Nam	4.520.238	56,50%
2	NGUYỄN LƯU THỤY	010412132	P.303, N.17T3 Trung Hòa, Nhân Chính, Hoàng Đạo Thúy, Cầu Giấy, Hà Nội	964.481	12,06%
3	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A	1013021608	59 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	400.000	5,00%
Tổng				5.884.719	73,56%

Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

6. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC

6.1. Công ty mẹ của Công ty

Không có.



6.2. Danh sách các công ty con của Công ty

Không có.

6.3. Danh sách các công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối

Không có.

6.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối Công ty

Không có.

7. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

7.1. Các nhóm sản phẩm của Công ty

Là Công ty chuyên hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch lữ hành lưu trú và các sản phẩm du lịch liên quan khác. Cụ thể:

a. Lĩnh vực dịch vụ lưu trú:

Khách sạn Hội An và Khu Du lịch Biển Hội An tổng quy mô 268 phòng tiêu chuẩn 4 sao:

Số lượng khách lưu trú tại Khách sạn Hội An và Khu Du lịch Biển

CHỈ TIÊU	ĐVT	2006	2007	2008	2009	2010	Tổng
Tổng Lượng khách	Khách	56.482	62.212	58.025	56.940	56.133	289.792
Quốc tế	Khách	49.425	55.695	53.498	47.300	46.596	252.514
Nội địa	Khách	7.057	6.517	4.527	9.640	9.537	37.278
<i>Chi tiết:</i>							
Khách sạn Hội An	Khách	35.704	37.828	36.225	33.489	31.917	175.163
Khu du lịch Biển	Khách	20.778	24.384	21.800	23.451	24.216	114.629
Ngày khách	Ngày	114.642	130.002	122.413	116.836	118.622	602.515
Quốc tế	Ngày	101.758	118.650	113.667	100.452	104.042	538.569
<i>Ngày khách bình quân</i>		<i>2,06</i>	<i>2,13</i>	<i>2,12</i>	<i>2,12</i>	<i>2,23</i>	<i>2,13</i>
Nội địa	Ngày	12.884	11.352	8.746	16.384	14.580	63.946
<i>Ngày khách bình quân</i>		<i>1,83</i>	<i>1,74</i>	<i>1,93</i>	<i>1,69</i>	<i>1,53</i>	<i>1,71</i>
<i>Chi tiết:</i>							
Khách sạn Hội An	Ngày	65.405	72.473	71.427	62.489	60.783	332.577
<i>Ngày khách bình quân</i>		<i>1,83</i>	<i>1,92</i>	<i>1,97</i>	<i>1,86</i>	<i>1,93</i>	<i>1,9</i>
Khu Du lịch Biển	Ngày	49.237	57.529	50.986	54.347	57.839	269.938
<i>Ngày khách bình quân</i>		<i>2,37</i>	<i>2,36</i>	<i>2,34</i>	<i>2,32</i>	<i>2,39</i>	<i>2,35</i>
Công suất sử dụng phòng	%	65,40%	75,20%	71,40%	66,20%	65,7%	68,78%
Khách sạn Hội An	%	64,00%	72,90%	72,10%	63,10%	63,20%	67,06%
Khu Du lịch biển	%	68,70%	78,50%	70,40%	70,20%	68,10%	71,18%

Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

b. Lĩnh vực kinh doanh Ăn uống:

- Hai nhà hàng chính (nhà hàng Hội An và nhà hàng Cửa Đại) tại 2 khách sạn với hơn 800



chỗ ngồi được thiết kế sang trọng, trang thiết bị tiện nghi hiện đại. Đáp ứng nhu cầu ăn uống của du khách lưu trú trong khách sạn và bên ngoài. Thực đơn phong phú với đầy đủ các món ăn Âu, Á... đặc biệt là phục vụ các món ăn đặc sản đại phương nổi tiếng của Hội An như: Cao lầu, Mì Quảng...

- Café sân vườn Hội An với hơn 500 ghế được thiết kế hài hòa với không gian thơ mộng của khu vườn khách sạn Hội An, cho phép truy cập internet miễn phí... là điểm gặp gỡ của du khách gần xa khi đến Hội An.
- 02 Quầy bar ở 2 khách sạn cung cấp các thức uống nhẹ, cocktails, bia, thức ăn nhẹ, là nơi để du khách thư giãn sau một hành trình vất vả.

c. Lĩnh vực kinh doanh lữ hành:

- Tổ chức du lịch Inbound -Outbound và nội địa: chuyên tổ chức tour du lịch cho khách nước ngoài tham quan tìm hiểu văn hóa Việt Nam, đồng thời cũng tổ chức tour du lịch cho khách trong nước đi du lịch toàn thế giới và nội địa.
- Dịch vụ vận chuyển: cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch nhiều thứ tiếng, vận chuyển các loại xe du lịch cao cấp cho du khách tham quan khu vực Miền Trung, tổ chức du thuyền trên sông, tàu cao tốc đi đảo Cù Lao Chàm.
- Đại lý vé máy bay: đại lý chính của các hãng hàng không lớn như Vietnam Airlines, Jetstar Pacific, Air Asia, Silk Air, Air Mekong,...
- Du lịch làng nghề: khai thác chương trình du lịch cộng đồng tại làng rau Trà Quế, đảo Cù Lao Chàm và miền núi phía tây của Quảng Nam. Tại đây, du khách sẽ hòa mình cùng người dân địa phương làm nông nghiệp, ngư nghiệp, tìm hiểu văn hóa và đời sống thường ngày của người dân địa phương, giúp đỡ và chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng.
- Quảng bá và chào bán chương trình du lịch việt nam qua mạng trực tuyến và hệ thống đặt phòng online trên toàn quốc.

d. Lĩnh vực kinh doanh Dịch vụ vui chơi - giải trí trên biển:

Dịch vụ lặn biển bằng tàu cao tốc tại Cù Lao Chàm: được đầu tư từ cuối năm 2004, nhưng từ đầu năm 2005 cùng với liên doanh Rainbow - dịch vụ lặn biển mới chính thức hoạt động. Hiện nay dịch vụ chủ yếu là đưa khách tham quan, lặn biển bằng tàu cao tốc tại Cù Lao Chàm.

e. Lĩnh vực kinh doanh Spa:

Bắt đầu liên doanh với Công ty Cổ phần ZEN (Hà Nội) khai thác từ quý 3 năm 2006 với thương hiệu ZENSPA, dịch vụ Spa được cung cấp tại 2 địa điểm: Hội An Hotel và khu Du lịch Biển. Với mặt bằng mỗi nơi gần 500 m2 được thiết kế rất quy mô và mang đậm phong cách



Hội An. ZENSPA Hội An hiện được xếp hạng với đẳng cấp rất cao và luôn luôn dẫn đầu thị trường Spa tại đây.

Với tư duy "*Khám phá truyền thống trị liệu Việt Nam*" ZENSPA định hướng các dịch vụ tập trung, có chiều sâu, rất tinh tế, thừa hưởng và phát triển thành công những tinh hoa từ truyền thống trị liệu của người Việt. Sử dụng dịch vụ tại ZENSPA, du khách được thưởng ngoạn tới tận cùng của thú "*ngủ ngơi vương giả*" trong không gian hòa quyện với thiên nhiên.

Với nguyên tắc không sử dụng hóa chất, máy móc, thiết bị và những công nghệ hiện đại, toàn bộ qui trình dịch vụ tại ZENSPA được cung cấp bởi chính con người. Tính nhân bản rất cao này luôn được khẳng định và khách hàng đã để lại nhiều cảm xúc sâu lắng sau khi sử dụng dịch vụ.

ZENSPA Hà Nội đã được hiệp hội Spa Châu Á (Asiaspa) đề cử vào giải thưởng 10 Spa tốt nhất Châu Á năm 2009.

f. Lĩnh vực kinh doanh khác:

Cho thuê hội trường, Tổ chức sự kiện, Sân Tennis, Điện thoại, Bán hàng lưu niệm ...



7.2. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận các sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

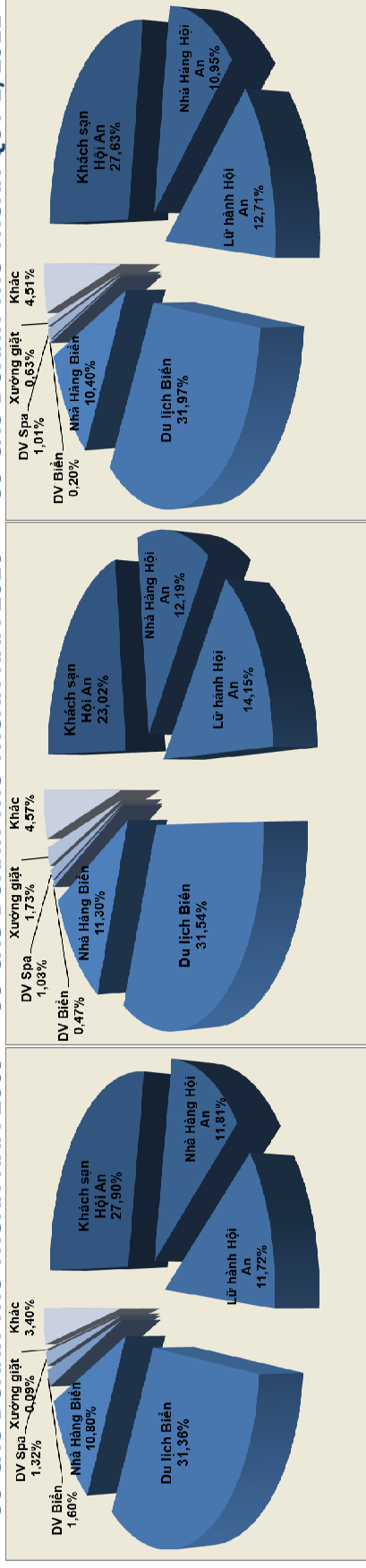
a. Cơ cấu doanh thu theo đơn vị cung cấp dịch vụ:

Cơ cấu doanh thu 2009 - 2010 và Quý 1/2011

Doanh thu thuần	Năm 2009		Năm 2010		Quý 1/2011	
	Giá trị (ngàn VNĐ)	%	Giá trị (ngàn VNĐ)	%	Giá trị (ngàn VNĐ)	%
Khách sạn Hội An	25.710.235	27,90%	24.970.973	23,02%	9.085.638	27,63%
Nhà Hàng Hội An	10.885.608	11,81%	13.220.479	12,19%	3.600.232	10,95%
Lữ hành Hội An	10.796.768	11,72%	15.348.619	14,15%	4.178.596	12,71%
Du lịch Biển	28.890.309	31,36%	34.212.615	31,54%	10.514.751	31,97%
Nhà Hàng Biển	9.948.153	10,80%	12.263.379	11,30%	3.419.762	10,40%
Dịch vụ Biển	1.476.144	1,60%	511.418	0,47%	66.549	0,20%
Dịch vụ Spa	1.213.954	1,32%	1.116.019	1,03%	330.730	1,01%
Xưởng giặt	80.866	0,09%	1.877.819	1,73%	207.564	0,63%
Khác	3.135.310	3,40%	4.962.688	4,57%	1.483.670	4,51%
Tổng cộng	92.137.347	100,00%	108.484.011	100,00%	32.887.492	100,00%

Nguồn: BCTCKT 2009 - 2010 và BCTC Quý 1/2011 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An

Hình 2: Cơ cấu doanh thu năm 2009 - 2010 và Quý 1/2011
CƠ CẤU DOANH THU THUẦN NĂM 2009 CƠ CẤU DOANH THU THUẦN NĂM 2010 CƠ CẤU DOANH THU THUẦN QUÝ 1/2011





b. Cơ cấu lợi nhuận gộp các nhóm hoạt động kinh doanh dịch vụ:

Cơ cấu lợi nhuận gộp 2009 - 2010 và Quý 1/2011

Lợi nhuận gộp	Năm 2009		Năm 2010		Quý 1/2011	
	Giá trị (ngàn VNĐ)	%	Giá trị (ngàn VNĐ)	%	Giá trị (ngàn VNĐ)	%
Khách sạn Hội An	16.185.300	42,04%	12.190.339	29,84%	1.711.289	12,69%
Nhà Hàng Hội An	1.508.161	3,92%	3.575.750	8,75%	965.804	7,16%
Lữ hành Hội An	1.169.922	3,04%	-230.252	-0,56%	-460.601	-3,42%
Du lịch Biển	14.801.728	38,45%	17.355.228	42,48%	8.945.721	66,35%
Nhà Hàng Biển	2.397.686	6,23%	3.892.937	9,53%	1.353.309	10,04%
Dịch vụ Biển	755.098	1,96%	314.608	0,77%	-60.798	-0,45%
Dịch vụ Spa	865.810	2,25%	1.106.085	2,71%	320.136	2,37%
Xưởng giặt	-2.232.377	-5,80%	-2.313.354	-5,66%	-775.100	-5,75%
Khác	3.049.383	7,92%	4.962.688	12,15%	1.483.670	11,00%
Tổng lợi nhuận gộp	38.500.711	100,00%	40.854.029	100,00%	13.483.430	100,00%

Nguồn: BCTCKT 2009 - 2010 và BCTC Quý 1/2011 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An



7.3. Các yếu tố đầu vào

a. Nguồn nguyên vật liệu

Là Công ty chuyên ngành dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành, sản phẩm chủ đạo của Công ty là những tour du lịch trọn gói gồm đi lại và nghỉ dưỡng nên yếu tố đầu vào chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí đó là chi phí khấu hao phòng nghỉ, kể đến là chi phí nhân công. Nhận thức rõ điều này, mỗi năm Công ty đều xây dựng một quỹ riêng để cải tạo, nâng cấp phòng nghỉ cũng như đầu tư trang phục cho nhân viên.

Đối với lĩnh vực khách sạn yếu tố đầu vào chủ yếu là thực phẩm như hải sản, thịt gia súc, gia cầm, rau củ, trái cây, ... Để đảm bảo nguồn thực phẩm sạch, mang lại cảm giác an toàn cho du khách, nguyên liệu chế biến sau khi mua về đều được xử lý rất kỹ trước khi đưa vào chế biến.

b. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên liệu

Theo mô hình hoạt động trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng thì nguồn cung cấp đầu vào không phải là yếu tố quan tâm hàng đầu. Bởi đối với lĩnh vực khách sạn yếu tố đầu vào thường xuyên là các mặt hàng phụ trợ sử dụng cho phòng nghỉ như xà bông, bàn chải đánh răng, ... được cung ứng bởi các đơn vị của Công ty đóng trên các địa bàn, rất phong phú và ổn định. Do vậy, Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An luôn chủ động được nguồn nguyên vật liệu đầu vào. Còn đối với lĩnh vực nhà hàng thì đơn giản hơn rất nhiều, với đội ngũ đầu bếp chuyên nghiệp, việc chế biến sản phẩm thay thế khi nguyên liệu đầu vào khan hiếm hoặc trái mùa không phải là quá khó. Thực đơn mỗi ngày đều được liệt kê và lên danh sách thực phẩm cần mua, khối lượng mua lớn và ổn định mỗi ngày nên các tiểu thương ở chợ đầu mối đều ưu tiên bán cho Hội An.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Giá cả nguyên vật liệu không ảnh hưởng nhiều đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty vì hầu hết giá nguyên liệu đầu vào đều được phản ánh vào giá phòng và thực đơn nhà hàng. Do lợi thế kinh doanh theo mùa và đánh vào nhu cầu du lịch, nghỉ dưỡng của du khách nên vào những mùa cao điểm như mùa hè, dịp lễ, tết thì việc cung ứng đủ số phòng nghỉ được quan tâm hàng đầu.

Ngoài ra, đối với hoạt động kinh doanh khách sạn của Công ty, chi phí điện, nước cũng chiếm tỉ trọng nhất định trong tổng doanh thu, theo đó, yếu tố giá cả nguyên vật liệu này biến động sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng là không nhiều bởi nó tỷ lệ thuận với năng suất phòng nghỉ.



7.4. Chi phí sản xuất:

Tỷ trọng các khoản mục chi phí kinh doanh so với doanh thu thuần

Chi phí	Năm 2009		Năm 2010		Quý 1/2011	
	Giá trị (ngàn VND)	%/DTT	Giá trị (ngàn VND)	%/DTT	Giá trị (ngàn VND)	%/DTT
Giá vốn hàng bán	53.636.636	58,18%	67.629.982	62,10%	19.404.062	59,00%
Chi phí bán hàng	2.244.290	2,43%	3.953.002	3,63%	635.197	1,93%
Chi phí quản lý DN	4.637.509	5,03%	4.856.638	4,46%	1.521.185	4,63%
Tổng chi phí	60.518.435	65,64%	76.439.622	70,19%	21.560.444	65,56%

Nguồn: BCTCKT 2009 - 2010 và BCTC Quý 1/2011 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An

a. Mô hình quản lý chi phí tại Công ty:

Mỗi đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty đều bố trí riêng bộ phận chuyên về lập kế hoạch, theo dõi và xác định định biên chi phí cũng như định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho từng dịch vụ. Theo đó, định kỳ vào cuối tháng hoặc tuần thông qua bảng kê chi phí được lập theo biểu mẫu quy định của từng mảng dịch vụ, bộ phận kiểm soát chi phí tổng hợp, so sánh và phân tích với tháng trước để xác định cần cắt giảm chi phí ở khâu nào.

b. Các bước kiểm soát chi phí áp dụng chung cho các bộ phận của Công ty:

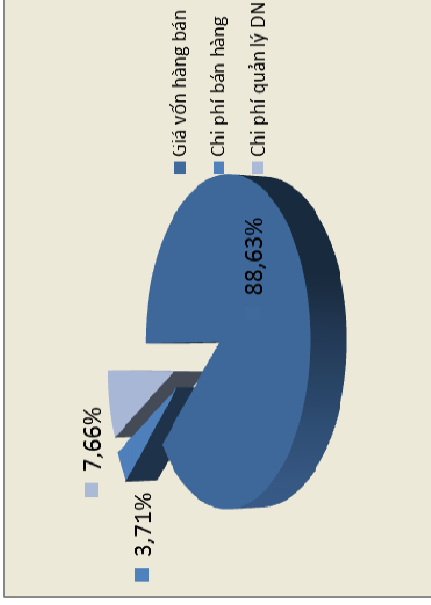
- Bước 1: Lập định mức chi phí phù hợp theo từng dịch vụ: lưu trú, khách sạn, nhà hàng, lễ hành, dịch vụ biển, ...
- Bước 2: Lập bảng kê và phân loại chi phí theo định kỳ: hàng tháng hoặc hàng quý
- Bước 3: Phân tích biến động chi phí định kỳ: so sánh chi phí qua nhiều kỳ, so sánh kỳ này với kỳ trước
- Bước 4: Xác định nguyên nhân biến động chi phí: phát sinh tăng chi phí từ nội tại Công ty hay do mặt bằng giá thị trường chung
- Bước 5: Giải quyết nguyên nhân tăng chi phí.



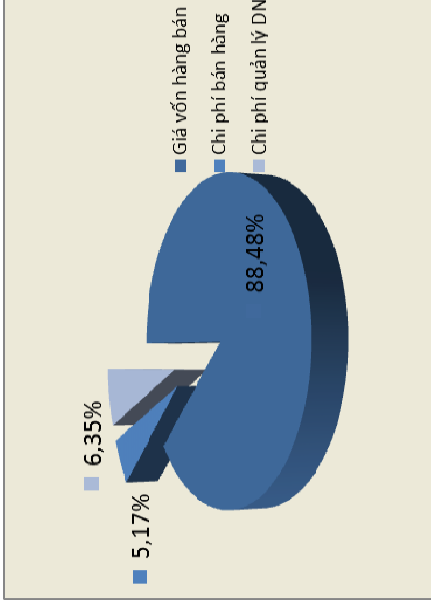
- Bước 6: Áp dụng giải pháp cắt giảm chi phí và giám sát hiệu quả thực hiện.
- Để hiệu quả hơn trong việc áp dụng các biện pháp cắt giảm chi phí, ngay từ khi được tuyển dụng, người lao động trong Công ty đã được truyền đạt ý thức tiết kiệm chi phí vì lợi ích chung cho Công ty nói chung và cá nhân nói riêng và hơn ai hết, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý là người đi đầu trong việc tiết kiệm chi phí. Bên cạnh đó, để khuyến khích tinh thần tiết kiệm chi phí của nhân viên, Tổng Giám đốc Công ty luôn đưa ra chế độ thưởng phạt hợp lý để động viên tính tự giác tiết kiệm trong cán bộ nhân viên.

Hình 4: Cơ cấu chi phí kinh doanh năm 2009,2010 và Quý 1/2011

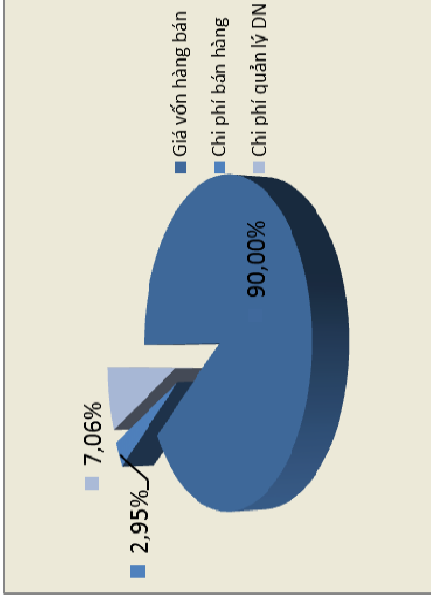
Cơ cấu chi phí kinh doanh năm 2009



Cơ cấu chi phí kinh doanh năm 2010



Cơ cấu chi phí kinh doanh Quý 1/2011



Nguồn: BCTCKT 2009 - 2010 và BCTC Quý 1/2011 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An



7.5. Trình độ công nghệ

Khách sạn Hội An và Khu du lịch Biển Hội An với quy mô 268 phòng đạt chuẩn 4 sao, đầy đủ tiện nghi và thường xuyên được nâng cấp, cải tạo. Dịch vụ lưu trú của công ty được đánh giá là một trong những công ty hàng đầu tại Hội An. Hệ thống phòng họp và hội thảo tại Khách sạn Hội An và Khu du lịch Biển Hội An được trang bị đầy đủ đèn chiếu, hệ thống âm thanh, sân khấu hiện đại, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế về hội nghị, hội thảo, giới thiệu sản phẩm...

Toàn bộ hệ thống các khách sạn và trung tâm lễ hành đã được quản lý điều hành bằng hệ thống phần mềm quản lý khách sạn ASA software, phần mềm kế toán Bravo và được kết nối với hệ thống đặt phòng toàn cầu.

Đối với bộ phận quản lý, tiếp tân, đặt phòng của Công ty đều được trang bị hệ thống máy tính được nối mạng LAN và đường truyền ADSL tốc độ cao để việc trao đổi thông tin giữa các phòng ban, đơn vị trong Công ty và đặc biệt là đặt phòng qua internet được thực hiện một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. Hệ thống mail nội bộ, tường lửa được xây dựng nhằm đáp ứng một cách tốt nhất cho nhiệm vụ chuyên môn.

Các thiết bị hỗ trợ khác như máy đếm tiền, máy soi tiền, máy photo, máy fax, ... được trang bị đầy đủ, phù hợp với điều kiện làm việc của nhân viên với những tính năng ưu việt, an toàn và tiết kiệm điện năng tiêu thụ.

7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với mục đích phát triển quy mô kinh doanh, đa dạng sản phẩm và đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của du khách về số lượng cũng như chất lượng, Công ty tiến hành nghiên cứu, đánh giá và lên kế hoạch mua hoặc thuê để khai thác thêm một số khách sạn 3 - 4 sao, tăng số lượng phòng nghỉ thêm từ 100 - 150 phòng. Đồng thời, phát huy thêm dịch vụ nhà hàng như tiệc cưới, tiệc chủ đề, tổ chức thêm nhiều điểm phục vụ ăn uống trong khách sạn..., tăng cường khai thác các dịch vụ vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe (wellness...), phát huy thêm dịch vụ dã ngoại, cắm trại ngoài trời trên biển, tổ chức trò chơi dân gian, phục vụ những món ăn bình dân,... dịch vụ này hiện đang rất được khách nước ngoài ưa chuộng. Hiện tại, Công ty đang thành lập một bộ phận chuyên trách về nghiên cứu nhu cầu, thị hiếu của khách hàng để phát triển các mảng dịch vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

7.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

➤ **Hệ thống quản lý chất lượng :**

Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 và 9001:2008 trên cơ sở đã được Công ty chứng nhận quốc tế DNV (DET NORSKE VERITAS Việt Nam) đánh giá



và cấp giấy chứng nhận từ 2006 đến nay.

Nhằm duy trì và cải tiến chất lượng chuyên môn, Công ty đã tiến hành biên soạn và áp dụng hệ thống quy trình công việc và các thủ tục kiểm soát chất lượng sản phẩm, kiểm soát hồ sơ, tài liệu và định kỳ được tổ chức đánh giá của công ty DNV (DET NORSEK VERITAS Việt Nam). Đồng thời, đã đào tạo được đội ngũ quản lý với các chức danh là Giám sát, Trưởng bộ phận, Giám đốc bộ phận và Giám đốc điều hành tại các đơn vị cơ sở đủ năng lực để điều hành quản lý công tác kinh doanh trong toàn bộ hệ thống, đặc biệt đã đào tạo được đội ngũ cán bộ chuyên môn cho Bộ phận tư vấn quản lý Khách sạn để đảm đương chuyên trách việc duy trì, nâng cao chất lượng quản lý và chuyên môn một cách chuyên nghiệp. Song song với công tác đào tạo nghiệp vụ quản lý công ty cũng đã thường xuyên quan tâm đào tạo chuyên môn cho người lao động. Công ty đã hợp tác với tổ chức VTCB (Hội đồng cấp chứng chỉ nghiệp vụ Du lịch) của Tổng cục Du lịch tiến hành đào tạo và thẩm định nghề theo tiêu chuẩn EU cho lao động. Tính đến nay, Công ty đã có 75% lao động được VTCB cấp chứng chỉ nghề du lịch Việt Nam.

Quy trình kiểm tra chất lượng: Công ty đã tiến hành xây dựng và ban hành bộ quy trình quản lý chất lượng theo từng khâu, trong đó nêu cụ thể chi tiết từng bước thực hiện, đồng thời đi kèm theo là bộ phận kiểm tra giám sát thực hiện. Cụ thể:

- + Quy trình phục vụ buồng
- + Quy trình thanh toán và tiễn đưa khách
- + Quy trình đón tiếp và đăng ký khách
- + Quy trình công tác bảo vệ
- + Quy trình phục vụ bàn
- + Quy trình phục vụ hội nghị

7.8. Hoạt động marketing

a. Hoạt động xây dựng và quảng bá thương hiệu:

Thương hiệu giữ vai trò quan trọng bậc nhất cho vị thế của Công ty trên thương trường. Không có thương hiệu Công ty không thể đứng vững được trong môi trường kinh doanh đầy cạnh tranh như hiện nay. Sau gần 20 năm thành lập, phát triển và hội nhập, đến nay thương hiệu Hoi An Hotel, Hoi An Beach Resort, Hoi An Travel đã được du khách trong và ngoài nước biết đến.

Để duy trì và gia tăng số lượng du khách đến với Hội An, Công ty đang nỗ lực trong công tác chăm sóc khách hàng ngày một chu đáo hơn và giữ mối quan hệ truyền thống đồng thời chủ động tạo thêm nhiều mối quan hệ hợp tác bền vững với hầu hết các hãng lữ



hành trong nước. Đây là yếu tố quyết định cho lượng khách du lịch hàng năm của Công ty, đồng thời xây dựng cơ chế hợp tác riêng đối với những tập đoàn, công ty lớn trong cả nước thường xuyên đưa khách đến tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc tham quan du lịch nghỉ dưỡng cho nhân viên các khách sạn của Công ty. Năm 2010 được bình chọn và trao giải thưởng thương hiệu nổi tiếng quốc gia.

Công ty đã và đang xây dựng một hệ thống các kênh phân phối hiện đại để đa dạng hóa nguồn thông tin đến với khách du lịch, các đối tác lớn là các công ty lữ hành trong và ngoài nước. Tăng cường kênh thông tin tiếp thị qua mạng internet bằng các phương tiện như e-letter, website, on-lines media...

b. Hoạt động quảng cáo, tiếp thị

Tổ chức quảng cáo, tiếp thị là hoạt động đặc biệt quan trọng góp phần không nhỏ để đưa hình ảnh Công ty đến khách hàng. Trong thời gian qua Công ty đã tiến hành giới thiệu hình ảnh về các sản phẩm khách sạn, chương trình tour... trên các website có uy tín như: Genares, Agoda, Wotif, Asiarooms.com, hotels.com.vn,... và tiến hành quảng bá rộng rãi thương hiệu du lịch Hội An trên CD room, brochures của các hãng lữ hành lớn, danh bạ thành viên các hiệp hội kinh tế, hiệp hội du lịch, các báo và tạp chí lớn chuyên ngành. Đặc biệt, định kỳ hàng năm Công ty đều có tham gia các Hội chợ du lịch quốc tế như: ATF (Diễn đàn du lịch ASEAN - ASEAN Tourism Forum), ITB (Hội chợ du lịch - Internationale Tourismus - Borse) , WTM (Hội chợ quốc tế - World Trade Market), Top Resa (Pháp), MITT (Nga), Jata (Nhật)... và tham gia các Roadshow, hội thảo quảng bá về du lịch để tiếp cận khai thác thị trường du lịch trọng điểm của Công ty.

Công ty đã xây dựng và thực hiện theo lộ trình mở rộng quy mô hoạt động mang cấp quốc gia và từng bước vươn ra tầm thế giới. Hiện nay Công ty đã thành lập được 03 văn phòng đại diện tại Thủ đô Hà Nội, TP. HCM và Nhật Bản.

Hơn nữa, hòa cùng nhịp sống của thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, Công ty đưa vào khai thác triệt để dịch vụ quảng bá và đặt phòng trực tuyến tại các website của công ty như www.hoiantourist.com; www.hoiantravel.com; www.dulichtructuyen.com; www.hoianbeachresort.com.vn; www.hoianhotel.com.vn đảm bảo thông tin đầy đủ, thủ tục đặt tour, đặt phòng nhanh, gọn và kinh tế nhất cho khách hàng. Tại sân bay Đà Nẵng, các điểm cửa ngõ vào Hội An, cũng như các điểm quan trọng khác đều có dán các biển quảng cáo của Hội An để tiện cho du khách tìm hiểu thông tin.

c. Hệ thống phân phối:

Với đặc thù hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực lưu trú, lữ hành và dịch vụ bổ sung, Công ty đã chủ động thiết lập hệ thống phân phối cung cấp sản phẩm dịch vụ của mình thông qua:



- Kênh phân phối gián tiếp: hơn 300 công ty lữ hành quốc tế trong và ngoài nước là đối tác chính ký kết hợp đồng đưa khách du lịch đến công ty. Chiếm trên 82% lượng du khách đến với Hội An mỗi năm.
- Kênh phân phối trực tiếp:
 - + Khách lẻ (FIT): chủ yếu tìm hiểu từ các website, sách hướng dẫn du lịch, các tạp chí du lịch, truyền hình...
 - + Khách tự đến (Walking guest)
 - + Khách khai thác trực tiếp qua mạng
- **Cơ cấu khách nước ngoài và nội địa:**
 - Khách du lịch quốc tế: chiếm tỷ trọng trên 88%, thường đến từ các quốc gia: Úc, Pháp, Nhật, Mỹ, Anh, Đức, Bắc Âu (Đan Mạch, Thụy sĩ, Thụy Điển, Phần Lan, Na Uy...). Nguồn khách hàng này chủ yếu do các hãng lữ hành trong nước đưa khách đi du lịch theo nhóm là chính, ngoài ra cũng có khách lẻ, khách tự đến và khai thác trực tiếp trên Website.
 - Khách du lịch nội địa: chiếm tỷ trọng dưới 12%, lượng khách này đa phần đến từ phía Bắc (Hà Nội và các vùng lân cận), khách công vụ, khách hội nghị, hội thảo, khách theo các công ty trong nước tổ chức đi nghỉ mát... thông qua các đại lý du lịch, khách tự đến, một phần qua website.
- **Cơ cấu khách theo nhu cầu:**
 - 95% khách đến Công ty là khách du lịch thuần túy, khách nghỉ dưỡng.
 - 05 % còn lại là khách công vụ, hội nghị, hội thảo...

d. Chính sách giá cả

- Chính sách giá là vấn đề then chốt, là điểm quan trọng tạo ra giá trị cạnh tranh giữa các Công ty kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành. Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An áp dụng chính sách giá linh hoạt theo thời điểm (dynamic pricing) nhằm khai thác tối đa doanh thu và giảm thiểu sự tác động của tính mùa vụ du lịch. Các thị trường khách khác nhau, đối tượng khách khác nhau sẽ có chính sách giá khác nhau.
- Cấu trúc giá của công ty luôn đảm bảo tính cạnh tranh và được áp dụng theo nhiều sản phẩm dịch vụ như giá trọn gói (package rates) giá dịch vụ từng phần... luôn phù hợp với yêu cầu của khách du lịch và các công ty lữ hành.

7.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Nhãn hiệu : Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An



- Logo



- Nhãn hiệu : Hoian hotel, Hoian Beach Resort, Hoian Travel
- Thời gian bảo hộ : từ năm 2003 đến 2013
- Cơ quan cấp : Cục sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và Công nghệ

7.10. Các hợp đồng và dự án lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Định kỳ vào cuối quý 3 hàng năm, bộ phận thị trường của Công ty sẽ gửi hợp đồng nguyên tắc về dịch vụ lưu trú tại khách sạn Hội An và Hội An Beach Resort cho danh sách các công ty lữ hành của mình sau khi thống nhất khung giá dịch vụ và biên độ giao động giá.

Danh sách các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện

TT	Hợp đồng	Đối tác	Thời gian thực hiện
1	Hợp đồng nguyên tắc	CÔNG TY TNHH DV DL ĐỒNG DƯƠNG	2011
2	Hợp đồng nguyên tắc	CTY TNHH DL VÀ TM Á ĐÔNG	2011
3	Hợp đồng nguyên tắc	CTY TNHH DU LỊCH ĐIỂM ĐẾN CHÂU Á	2011
4	Hợp đồng nguyên tắc	CTY TNHH DU LỊCH MIỀN Á ĐÔNG	2011
5	Hợp đồng nguyên tắc	CTY TNHH LỮ HÀNH HƯƠNG GIANG	2011
6	Hợp đồng nguyên tắc	CTY DU LỊCH LỮ HÀNH SAIGON TOURIST	2011
7	Hợp đồng nguyên tắc	CTY TNHH MTV DL VÀ TT GIAO THÔNG VẬN TẢI	2011
8	Hợp đồng nguyên tắc	CTY TNHH CHÂN TRỜI PHƯƠNG ĐÔNG	2011
9	Hợp đồng nguyên tắc	CTY TNHH DU LỊCH EXOTISSIMO	2011
...	

Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

8. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về HĐKD năm 2009 - 2010 & Quý 1/2011

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010		Quý 1/2011
	Giá trị (ngàn VNĐ)	Giá trị (ngàn VNĐ)	% Tăng giảm	Giá trị (ngàn VNĐ)
Tổng giá trị tài sản	104.366.596	126.233.091	62,10%	117.294.547
Doanh thu thuần	92.137.347	108.484.011	40,95%	32.887.491
Lợi nhuận từ HĐKD	33.119.997	34.962.676	51,96%	13.483.429
Lợi nhuận khác	258.853	392.518	8,09%	10.921
Lợi nhuận trước thuế	33.378.851	35.355.194	51,28%	11.887.197
Lợi nhuận sau thuế	29.123.119	29.188.711	24,90%	11.887.197
Tỉ lệ trả cổ tức	60%	22,15%		

Nguồn: BCTCKT 2009 - 2010 và BCTC Quý 1/2011 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An

Ghi chú:

- Số liệu được so sánh với kỳ gốc là năm 2009
- Năm 2009 Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu



8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD năm 2009 đến nay:

Doanh thu thuần năm 2009 tăng hơn 19,7% so với năm 2008, đồng thời lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng cao đạt mức tăng gần 42,82% so với năm 2008 là do doanh thu từ lưu trú chiếm tỷ trọng cao khoảng 60% và tăng 16,8% so với năm 2008 (nguyên nhân chính là do tại Khu du lịch Biển Hội An đưa vào khai thác thêm 12 phòng ngủ từ tháng 3/2009, giá phòng tăng do tỷ giá hối đoái tăng) không những thế mảng lữ hành và dịch vụ ăn uống cũng tăng trưởng.

Hoạt động lưu trú: hai khách sạn quy mô 268 phòng ngủ, tiêu chuẩn 4 sao, doanh thu từ cho thuê phòng ngủ chiếm tỷ trọng lớn và mang lại hiệu quả cao nhất. Tỷ trọng doanh thu này luôn chiếm khoảng 60%, đồng thời có xu hướng giảm do doanh thu lữ hành và một số dịch vụ biển, Spa đưa vào khai thác tăng. Tốc độ tăng trưởng từ năm 2008-2009 là 16,8%, chủ yếu do tại Hội An Beach Resort đưa vào khai thác thêm 12 phòng ngủ, giá phòng tăng do tỷ giá hối đoái tăng.

Dịch vụ ăn uống: bao gồm 02 nhà hàng - Bar tại hai khách sạn và một quầy cà phê tại sân vườn Khách sạn Hội An. Hoạt động kinh doanh của mảng này chiếm tỷ trọng trên 20%, chiếm tỷ trọng lớn đứng thứ hai sau hoạt động lưu trú. Tốc độ tăng trưởng (2008-2009) tăng khá cao 28%.

Kinh doanh lữ hành: tốc độ tăng trưởng năm 2008-2009 là 27% chủ yếu là do tăng trưởng tại các mảng bán tour In - Outbound và dịch vụ vận chuyển.

Dịch vụ vui chơi - giải trí trên biển: hiện nay dịch vụ chủ yếu là đưa khách tham quan, lặn biển bằng tàu cao tốc. Doanh thu năm 2008-2009 giảm 23,4% do Công ty chấm dứt hợp tác liên doanh với đối tác.

Dịch vụ Spa: hoạt động 10/2006, hình thức hợp tác liên doanh. Doanh thu giảm do cơ sở vật chất chưa được cải thiện.

Dịch vụ giặt ủi: hoạt động năm 2009, cung cấp dịch vụ chủ yếu cho các cơ sở lưu trú, doanh thu chiếm tỉ trọng thấp.

Dịch vụ khác: bao gồm các dịch vụ như điện thoại, giặt ủi, thuê hội trường, tennis, bán hàng lưu niệm... chiếm tỷ trọng nhỏ.

Doanh thu năm 2010 là 108.484.011 ngàn đồng tăng 16.346.664 ngàn đồng so với năm 2009, trong khi đó lợi nhuận sau thuế năm 2010 đạt 29.188.711 ngàn đồng tương đương năm 2009 nguyên nhân chính là: trong năm 2010 ban lãnh đạo công ty chủ trương đẩy mạnh mảng Sale và Marketing vào trung tâm lớn như TP.HCM và Hà Nội đồng thời tiến hành thuê nhân sự cấp cao. Ngoài ra, giá vốn của Xưởng giặt tăng cao gấp đôi năm 2009 do chi phí khấu hao trong năm 2010 tăng dần. Tất cả các nguyên nhân trên dẫn đến ảnh



hưởng về lợi nhuận trong năm 2010 của công ty không tăng trưởng tương đồng theo Doanh thu.

➤ **Giải trình số ngoại trừ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009:**

Trong BCTC kiểm toán 2009 có khoản ngoại trừ 7.228.727.758 đồng, trong đó chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Dự án khu du lịch sinh thái Biển Hội An là 6.491.845.758 đồng và số tiền ứng trước cho các nhà thầu là 736.882.000 đồng không có khả năng thu hồi vì dự án không tiếp tục thực hiện. Trong BCTC 9 tháng năm 2010 số ngoại trừ này đã được Công ty Hội An đưa vào chi phí khi tính kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 và nghị quyết HĐQT số 105/NQ-HĐQT ngày 18/10/2010, cụ thể:

- + Phần thiệt hại đưa vào chi phí: 7.228.727.758 đồng (1)
- + Trừ giá trị thu hồi do bán lại túi địa đựng cát sử dụng cho công trình: 249.000.000 đồng (2)

Phần thiệt hại sau khi trừ giá trị thu hồi đưa vào chi phí: (1) - (2) = 6.979.727.758 đồng

Nguồn xử lý được lấy từ Quỹ dự phòng tài chính của Công ty: 6.293.125.819 đồng và chi phí năm 2010 của Công ty: 686.601.939 đồng. Tuy nhiên, cuối năm 2010, Công ty đã thực hiện thỏa thuận với một số bên đối tác bên ngoài để thành lập Công ty CP Đầu tư An Viên Hội An trên cơ sở kế thừa dự án cũ, trong đó phía Công ty góp 7,5 tỷ đồng tương ứng với số chi phí mà Công ty đã bỏ ra để đầu tư cho Dự án. Hiện tại, Công ty An Viên đang làm các thủ tục để khắc phục sự cố, xây dựng lại dự án nêu trên. Khi khắc phục được sự cố, làm thủ tục chuyển giao quyền sở hữu của Công ty cho Công ty An Viên thì Công ty sẽ ghi tăng khoản đầu tư, ghi giảm phần chi phí dở dang đã bỏ ra cho dự án.

9. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

a. Tổng quan về Du lịch Quảng Nam và Trung tâm Du lịch Phố cổ Hội An:

Tỉnh Quảng Nam có diện tích vào khoảng 10.406,83 km² thuộc khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ. Đây là khu vực có thế mạnh để phát triển Du lịch và là một trong những vùng trọng điểm về phát triển du lịch tại Việt Nam, trung bình mỗi năm Quảng Nam đón lượng khách quốc tế chiếm trên 30% của tổng số khách đến Việt Nam. Cụ thể, trong năm 2009, tỉnh đón hơn 2.320.000 du khách tăng 8,0% so với năm 2008, trong đó khách quốc tế đạt 1.140.000 lượt khách và khách nội là 1.180.000 lượt khách tăng 25% (*Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Quảng Nam*).

Thành phố Hội An là trung tâm du lịch trọng điểm của tỉnh Quảng Nam. Tháng 12 năm 1999, tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) đã chính thức công



nhận khu phố cổ Hội An là di sản văn hoá thế giới. Đến thời điểm hiện tại, Thành phố Hội An đã có 1.360 di tích, danh thắng. Các di tích được phân thành 11 loại gồm: 1.068 nhà cổ, 19 chùa, 43 miếu thờ thần linh, 23 đình, 38 nhà thờ tộc, 5 hội quán, 11 giếng nước cổ, 1 cầu, 44 ngôi mộ cổ. Trong khu vực đô thị cổ có hơn 1.100 di tích. Bên cạnh đấy, Hội An còn là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa đa dạng và đặc sắc như nền văn hóa Sa Huỳnh, nhiều làng nghề truyền thống tiêu biểu như làng Gốm Thanh Hà, làng rau Trà Quế,... đặc biệt đây cũng là nơi tập trung nhiều bãi biển đẹp như Bãi biển Cửa Đại rất thơ mộng và nhiều thắng cảnh đẹp.

Với nguồn danh lam thắng cảnh này, Thành phố Hội An là nơi lý tưởng cho du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng và tìm hiểu lịch sử di sản văn hóa.

Với sự nhạy bén cùng với ý tưởng kinh doanh táo bạo, Du lịch Dịch vụ Hội An đã không bỏ qua những gì thiên nhiên ban tặng, Công ty đã tận dụng địa hình một bên là biển, một bên là sông để xây khu Resort được mệnh danh là "*Ốc đảo bình yên*". Đến đây du khách vừa có thể vui đùa trên biển vừa thưởng ngoạn phong cảnh thiên nhiên trên sông với những thú tiêu khiển như câu cá, lặn xem san hô...

b. Về vị thế Công ty Du lịch Dịch vụ Hội An:

Chính thức chuyển sang mô hình Công ty cổ phần từ cuối năm 2006, tiếp nối kinh nghiệm gần 20 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An đã không ngừng phát triển nguồn nhân lực, tài chính đồng thời hoàn thiện về bộ máy quản lý cũng như nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ. Qua từng giai đoạn phấn đấu tăng trưởng không ngừng, Công ty đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về uy tín chất lượng như danh hiệu "*Mười khách sạn hàng đầu của Việt Nam*" do Hiệp hội Du Lịch Việt Nam và Tổng cục Du lịch Việt Nam bình chọn và nhiều bằng khen, giấy khen, cờ thi đua của nhiều cơ quan, ban ngành từ địa phương đến Trung ương tặng. Thành quả đó đã giúp Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An trở thành một trong những doanh nghiệp du lịch lớn tại Miền Trung, thương hiệu công ty đã được khẳng định trên thị trường du lịch trong và ngoài nước. Năm 2010, Công ty Hội An được bình chọn là "*Thương hiệu nổi tiếng quốc gia*".

c. Cơ sở vật chất - kỹ thuật:

Tài sản	Năm 2009		Năm 2010		Quý 1/2011
	Giá trị (ngàn đồng)	(+-%) thay đổi	Giá trị (ngàn đồng)	(+-%) thay đổi	Giá trị (ngàn đồng)
Tài sản ngắn hạn	43.484.236	75,11%	49.520.789	13,88%	36.382.294
Tài sản dài hạn	60.882.360	14,78%	76.712.302	26,00%	80.912.253
Tổng tài sản	104.366.596	34,02%	126.233.091	20,95%	117.294.547

Nguồn: BCTCKT 2009 - 2010 và BCTC Quý 1/2011 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An

Sau giai đoạn sau cổ phần hóa 2006, Công ty không ngừng đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị phòng nghỉ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách, thể hiện



qua chỉ tiêu tổng tài sản tăng bình quân hàng năm là 21,06%. Chất lượng cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn 4 sao: phòng ngủ rộng rãi, trang thiết bị tiện nghi, đồng thời đầy đủ các khu chức năng của một khách sạn cao cấp như: khu lễ tân, nhà hàng, bar, hồ bơi, tennis, vui chơi thể thao trên biển, phương tiện vận chuyển, có hệ thống WIFI phủ toàn bộ các khu vực khách sạn, không gian sân vườn rộng rãi, nhiều không gian xanh và sạch,... đáp ứng nhu cầu của du khách về thư giãn, nghỉ dưỡng kết hợp khám phá giá trị văn hóa truyền thống độc đáo tại đây.

d. Thị phần của Công ty:

Lượt khách lưu trú đến Hội An và Công ty từ năm 2006 - 2010

Năm	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng lượng khách lưu trú đến Hội An	323.760	463.476	484.501	515.166	576.676
<i>Loại Khách sạn 4 sao trở lên</i>	<i>146.283</i>	<i>215.671</i>	<i>218.767</i>	<i>175.134</i>	<i>215.182</i>
<i>Hai Khách sạn của Công ty</i>	<i>56.482</i>	<i>62.212</i>	<i>58.025</i>	<i>56.940</i>	<i>56.133</i>
<i>Thị phần của Công ty</i>	<i>39%</i>	<i>29%</i>	<i>27%</i>	<i>33%</i>	<i>26,08%</i>

Nguồn: Phòng Thương mại - Du lịch Hội An và Công ty

Trong giai đoạn 2006-2008, thị phần của Công ty tại Hội An có xu hướng giảm, năm 2006 thị phần của Công ty chiếm 39%, năm 2007 giảm còn 29% và sang năm 2008 là 27%. Nguyên nhân do trước năm 2006, trên địa bàn Hội An có ít khách sạn 4 sao, nhưng sau năm 2006 nhiều khu nghỉ mát mới với quy mô lớn đã được đưa vào khai thác như: Victoria, Life Resort, Palm Garden, Goden Sand, River Beach Resort, Agribank... nên số lượng du khách đến Hội An ngày càng nhiều trong khi khả năng đáp ứng của Công ty không tăng lên dẫn đến thị phần của Công ty sụt giảm. Trên thực tế, chất lượng dịch vụ lưu trú và các dịch vụ khác của Công ty Du lịch Hội An được đánh giá tốt nên lượng du khách lưu trú tại các khách sạn của Công ty vẫn ổn định qua các năm, duy trì công suất phòng của Công ty luôn đạt mức cao từ 65 - 70%, trong khi các khách sạn và khu du lịch biển khác tỉ lệ này đạt khoảng trung bình 40,4%.

e. Đánh giá năng lực cốt lõi:

Công ty Du lịch Hội An luôn đi đầu trong phát triển du lịch Hội An là nhờ có vị trí, địa điểm kinh doanh thuận lợi, có quan hệ truyền thống, gắn bó với các hãng lữ hành, có đội ngũ nhân viên thân thiện, chu đáo, tận tình phục vụ khách du lịch, có tiềm lực tài chính, có thương hiệu đã được khẳng định trên thị trường du lịch Việt Nam.

Từ khi thành lập đến nay, qua gần 20 năm, Công ty Du lịch Hội An luôn phát huy năng lực cốt lõi của mình, vượt qua nhiều khó khăn thử thách để khai thác tiềm năng và thế mạnh du lịch của Hội An. Công ty liên tục đầu tư mở rộng để đón đầu các cơ hội kinh doanh. Từ quy mô ban đầu chỉ có 8 phòng, đến nay đã tăng lên 268 phòng đạt chuẩn 4 sao với đầy đủ tiện nghi mang lại doanh thu và lợi nhuận cao cho Công ty, góp phần tăng thu ngân sách của địa phương, tạo việc làm và nâng cao đời sống của người lao động.



9.2. Điểm mạnh điểm yếu, cơ hội và thách thức của Công ty

🚩 Điểm mạnh

- Thương hiệu Công ty (Hội An Hotel, Hội An Beach Resort, Hội An Travel) đã được khẳng định trên thị trường du lịch trong và ngoài nước.
- Khách sạn và Khu du lịch Biển Hội An được xây dựng và quản lý theo tiêu chuẩn 4 sao, thường xuyên được nâng cấp cải tạo, mang đậm phong cách truyền thống và cách bố trí Việt Nam, đồng thời tại đây cung cấp rất nhiều dịch vụ tiện nghi đặc biệt cho du khách nước ngoài.
- Cả hai khách sạn của Công ty có vị trí địa lý thuận lợi cho việc phát triển kinh doanh.
- Nguồn nhân lực có kinh nghiệm trong nhiều năm, có truyền thống đoàn kết, gắn bó với Công ty, thân thiện với khách hàng, hầu hết đã qua đào tạo.
- Có quan hệ truyền thống lâu dài với các hãng lữ hành - nơi đưa khách thường xuyên đến dùng sản phẩm dịch vụ của Công ty, mức độ lấp phòng tốt.
- Tình hình tài chính công ty qua các năm ổn định và tăng trưởng đều.
- Công ty nhận được nhiều sự hỗ trợ của chính quyền địa phương.

🚩 Điểm yếu

- Chưa làm tốt công tác định hướng lượng khách hàng mục tiêu, còn ảnh hưởng theo du lịch đại trà.
- Chưa khai thác hiệu quả các dịch vụ gia tăng như tổ chức hội nghị, Spa, ăn uống....
- Chưa phát huy hiệu quả văn hóa doanh nghiệp.
- Chưa khai thác hết tiềm lực nội tại.

🚩 Cơ hội

- Việt Nam là điểm đến du lịch hấp dẫn với tình hình chính trị ổn định, an toàn, thân thiện và hấp dẫn với nhiều thắng cảnh tự nhiên đẹp.
- Hội An là một địa danh du lịch nổi tiếng, thu hút hàng triệu khách du lịch trong và ngoài nước với hai di sản văn hóa thế giới là phố cổ Hội An và khu đền tháp Mỹ Sơn cùng một Khu dự trữ sinh quyển thế giới là Cù lao Chàm được UNESCO công nhận.
- Hội An luôn nhận được sự quan tâm của Chính phủ và Chính quyền địa phương trong việc phát triển ngành du lịch, xem du lịch là ngành kinh tế trọng điểm. Các chính sách phát triển được áp dụng như ưu đãi về thuế (giảm VAT, thuế TNDN), phát triển du lịch (miễn thị thực cho các thị trường du lịch lớn, thủ tục hải quan đơn giản, mở nhiều đường bay trực tiếp đến các quốc gia phát triển du lịch: Tây Bắc Âu, Mỹ, Úc, Nhật,...)



- Khủng hoảng kinh tế thế giới và bất ổn ở một số quốc gia đang tạo cơ hội làm ăn cho du lịch Việt Nam.

Thách thức

- Đang có nhiều đối thủ cạnh tranh và sẽ có nhiều đối thủ cạnh tranh mới, nhất là đối với du lịch nghỉ dưỡng, loại hình resort.
- Xu hướng khách đến từ các hãng lữ hành truyền thống giảm dần, thương hiệu công ty đang bị khách hàng quên dần do có nhiều thương hiệu mới nổi tiếng.
- Việc thiếu hụt lao động phổ thông và sự cạnh tranh lôi kéo nhân lực có năng lực trong ngành cũng là vấn đề nan giải.
- Du lịch và kinh doanh khách sạn rất nhạy cảm với những thiên tai và bệnh dịch. Trong lịch sử du lịch tại Việt Nam, lượng du khách đã bị giảm đáng kể vì bệnh SARS vào năm 2003 và 2004, ...

9.3. Triển vọng của ngành

Việt Nam có nguồn tài nguyên du lịch phong phú, sở hữu một đường bờ biển dài hơn 3.200 km từ Bắc vào Nam, 125 bãi biển và vịnh đẹp và hàng nghìn các đảo lớn nhỏ, các khu di tích lịch sử có giá trị, khí hậu ôn đới gió mùa đặc biệt là từ miền Nam Trung Bộ đổ vào khí hậu ẩm áp, nắng quanh năm. Về dân cư, Việt Nam có 54 thành phần dân tộc khác nhau với đời sống văn hóa, tín ngưỡng cùng các phong tục tập quán đa dạng.

Trong suốt giai đoạn mở cửa, kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng mạnh mẽ mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động kể từ năm 2009. Dự kiến năm 2010, GDP sẽ là tăng khoảng 6,5 - 7% so với năm 2009. Thu nhập bình quân đầu người năm 2009 ước đạt 1.064USD/người, tại các thành phố lớn như Hà Nội và Hồ Chí Minh con số này lên tới 1.700USD/người. Kinh tế tăng trưởng tốt tạo điều kiện cho người dân gia tăng thu nhập điều này dẫn đến thúc đẩy nhu cầu du lịch. Đồng thời, việc gia nhập vào WTO vào ngày 07/11/2007, ngành du lịch là một trong những ngành được cam kết mở rộng nhất. Một số các điều kiện thủ tục đối với khách du lịch được giảm nhẹ như việc miễn visa đối với khách du lịch các nước Đông Nam Á cũng như việc mở rộng tăng cường quảng bá du lịch Việt Nam ra thế giới thông qua các sự kiện kinh tế và văn hóa. Số lượng khách du lịch quốc tế tới Việt Nam ngày càng gia tăng. Năm 2006 số lượng khách du lịch quốc tế là 3,6 triệu lượt khách, năm 2007 là 4,23 triệu lượt và đến hết năm 2009 mặc dù khủng hoảng kinh tế và xu hướng hạn chế chi tiêu của các nước nhưng số lượng khách quốc tế vẫn đạt khoảng 4 triệu lượt khách. Dự kiến trong năm 2010, chúng ta sẽ đón khoảng 5 triệu lượt khách quốc tế.

Số lượng khách du lịch hàng năm



Năm	1995	2000	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Khách quốc tế	1.520.100	2.140.100	3.477.500	3.583.486	4.229.349	4.253.740	3.772.359	5.049.855
% thay đổi	126,9%	40,8%	62,5%	3,0%	18,0%	0,6%	-11,3%	34,8%
Khách nội địa (ngàn khách)	6.900	11.200	16.100	17.500	19.200	20.500	25.000	28.000
% thay đổi	35,3%	62,3%	43,8%	8,7%	9,7%	6,8%	22,0%	12,0%

Nguồn: Tổng cục thống kê

9.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành

Chất lượng phục vụ: tiếp tục đầu tư, cải tạo hệ thống các khách sạn, từng bước đưa khách sạn Hội An, Khu du lịch biển Hội An đạt đúng chuẩn quốc tế 4 sao⁺⁺ vào năm 2011 - 2012 cả về cơ sở vật chất lẫn chất lượng phục vụ.

Lữ hành: tăng cường phương tiện vận chuyển, mở rộng tour đường bộ qua hành lang kinh tế Đông - Tây, tiếp tục mở một số đại lý bán vé máy bay để khai thác lượng du khách.

Các dịch vụ: gia tăng phương tiện tàu cao tốc cho dịch vụ vui chơi - giải trí trên biển, đầu tư dịch vụ wellness tại Khu du lịch Biển... Đầu tư thêm thiết bị tăng năng suất Xí nghiệp giặt Hội An...

Thị trường: thâm nhập mạnh hơn nữa thị trường hiện tại và tìm cơ hội gia nhập vào thị trường mới. Tập trung khai thác tối đa thị trường khách nội địa, tập trung vào thị trường ít ảnh hưởng bởi khủng hoảng: các nước ASEAN,... Tăng cường quảng bá tiếp thị, mở rộng mạng lưới khai thác khách.

Tính bảo hòa: xét về lâu dài, thị trường du lịch tại Hội An, Đà Nẵng sẽ bảo hòa, công ty đang nghiên cứu một số địa điểm mới để đầu tư như bãi biển Tam Thanh tại Tam Kỳ, Huế, Nha Trang, Đà Lạt...

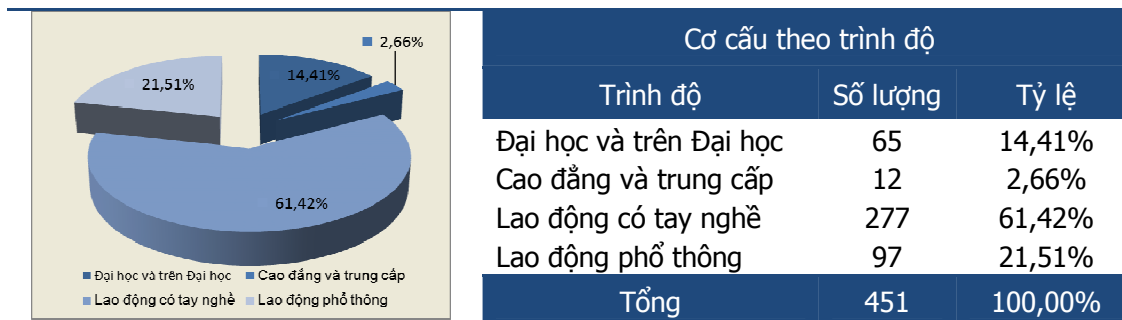
Mở rộng kinh doanh: đa dạng ngành nghề kinh doanh là định hướng của Công ty, mục tiêu nhằm tới là việc mở rộng sang lĩnh vực bất động sản dưới hình thức vừa xây dựng các biệt thự để bán vừa quản lý để khai thác kinh doanh du lịch.

Trên đây là những tiêu điểm Công ty hoạch định và đi theo tiến trình chi tiết, điều này cho thấy khả năng nắm bắt cơ hội của Công ty trước làn sóng du khách quốc tế đến Việt Nam tăng trưởng mạnh trong tương lai, phù hợp với định hướng chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

10. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

10.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động Công ty



Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

10.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp

Với chiến lược phát triển hiện nay, Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An xác định yếu tố "con người" sẽ quyết định sự thành công hay thất bại của Công ty.

Đi đôi với việc bảo đảm lợi ích các cổ đông thông qua duy trì chính sách cổ tức tốt thì vấn đề người lao động sẽ được công ty đầu tư đúng mức, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm gắn bó với công ty, thông qua việc xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp minh bạch rõ ràng, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tôn trọng, kỷ luật nghiêm minh. Trước đây, khu vực riêng dành cho nhân viên như: khu vệ sinh, thay trang phục, phục vụ ăn giữa ca, giặt ủi trang phục... gần như ít được quan tâm.

Kể từ năm 2010, tại mỗi cơ sở kinh doanh, Công ty sẽ bố trí khu vực riêng biệt, đầu tư tương đối tiện nghi dành cho nhân viên và hỗ trợ suất ăn giữa ca tại chỗ là 12.000 đến 15.000 đồng/suất, giặt ủi trang phục cho nhân viên.

Ngoài ra, Công ty sẽ tăng thu nhập cho nhân viên thông qua tăng tỷ lệ trích phí phục vụ, khen thưởng kịp thời cho người lao động có những thành tích xuất sắc; các chế độ chính sách đối với người lao động được thực hiện tốt, như: các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, khám sức khỏe định kỳ, tham quan, nghỉ dưỡng; tinh thần tương trợ, giúp nhau trong khó khăn, hoạn nạn được phát huy đúng mức, hỗ trợ kịp thời cho người lao động khi có ma chay, hiếu hỉ...

Quy hoạch cán bộ có năng lực và gửi đi đào tạo trong và ngoài nước nhằm tăng cường cho đội ngũ quản lý Khách sạn của Công ty. Thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn Châu Âu (EU), nâng cao tay nghề cho người lao động...

a. Tuyển dụng

Mục tiêu xây dựng Công ty trở thành một thương hiệu mạnh, mang tính chuyên nghiệp cao và toàn cầu với đội ngũ nhân viên tận tâm, nhiệt huyết và đầy năng lực. Vì vậy chính sách tuyển dụng Công ty luôn hướng đến việc đa dạng hóa nguồn ứng viên. Tiêu chí tuyển dụng là sàng lọc và chọn lựa từ các sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, các ứng viên có



kỹ năng thích hợp, có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao phù hợp với yêu cầu công việc được giao. Công tác tuyển dụng được xem xét trên quan điểm ưu tiên tạo việc làm cho nguồn lao động tình nhà, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính và tuổi tác.

Hàng năm, vào mùa cao điểm Công ty thường tận dụng nguồn sinh viên thực tập. Qua quá trình áp dụng kiến thức học đường vào thực tế, khả năng vận dụng, sáng tạo, tự chủ trong công việc và kết quả đạt được từ phiếu thăm dò ý kiến khách hàng. Theo đó, dựa trên đề xuất của cán bộ quản lý các bộ phận, Công ty sẽ chọn các sinh viên có năng lực và tuyển dụng theo thứ tự ưu tiên.

b. Chính sách đào tạo

Công ty đã quy hoạch được đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn và trên cơ sở đó đã xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm để triển khai công tác đào tạo quản lý chuyên môn dưới hình thức đào tạo tại chỗ và gửi đi học trong nước hoặc nước ngoài. Đến nay Công ty đã đào tạo tại chỗ các cán bộ quản lý điều hành các đơn vị cơ sở đủ năng lực đảm đương được hoạt động kinh doanh toàn Công ty. Dự định trong thời gian tới, đội ngũ này sẽ được Công ty đưa đi đào tạo quản lý ở nước nước. Đã đào tạo được đội ngũ chuyên môn từ các chức danh là giám sát, trưởng bộ phận, giám đốc bộ phận đủ năng lực để điều hành quản lý công tác chuyên môn trong toàn hệ thống. Đặc biệt Công ty đã đào tạo được đội ngũ cán bộ chuyên môn cho bộ phận Tư vấn quản lý Khách sạn để đảm đương chuyên trách việc duy trì, nâng cao chất lượng, quản lý một cách chuyên nghiệp trong toàn hệ thống. Song song với công tác quản lý Công ty cũng đã thường xuyên quan tâm đến đào tạo chuyên môn cho người lao động bằng việc hợp tác với tổ chức VTCB (Hội đồng cấp chứng chỉ nghiệp vụ Du lịch) của Tổng cục Du lịch tiến hành đầu tạo và thẩm định nghề cho lao động đến nay đã có 75% lao động được VTCB cấp chứng chỉ nghề Du lịch Việt Nam.

c. Chính sách lương thưởng

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2010 là: 4.000.000 đồng/người/tháng, mức thu nhập này là tương đối cao so với mặt bằng thu nhập chung của tỉnh Quảng Nam (theo đánh giá của Hội đồng Nhân dân Tỉnh Quảng Nam hàng năm về thu nhập bình quân của người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam).

Chính sách lương, thưởng được Công ty Hội An quy định cụ thể, rõ ràng trong "*Quy chế trả lương, thưởng*" và "*Thỏa ước lao động tập thể*" và phổ biến rộng rãi đến từng người lao động trong Công ty. Cụ thể, tiền lương được phân phối theo lao động dựa trên hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị trực thuộc và trình độ chuyên môn, năng lực công tác, tính chất công việc đảm nhận và năng suất, chất lượng hoàn thành công việc của người lao động. Hàng năm, Công ty luôn trích tối đa 5% lợi nhuận sau thuế để khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp vào sự phát triển của Công ty cũng như thực hiện các công trình



phúc lợi cho Công ty.

11. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

- Cổ tức là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư, người góp vốn vào Công ty.
 - + Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:
 - + Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
 - + Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quy định của pháp luật.
 - + Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm hoạt động và kế hoạch trong năm tới, tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
 - + Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức số cổ tức dự kiến.
 - + Cổ tức năm 2008 là 21,14%/mệnh giá tương đương 2.114 đồng/cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu), năm 2009 Công ty không trả cổ tức bằng tiền, toàn bộ số cổ tức năm 2009 và một phần quỹ đầu tư phát triển được Công ty tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện 10:6.
 - + Cổ tức năm 2010 là 22,15%/mệnh giá tương đương 2.215 đồng/cổ phiếu.
- Cổ tức dự tính trong các năm tiếp theo như sau:
 - + Năm 2011: 25%
 - + Năm 2012: 25%

Cổ tức của Công ty từ năm 2008 -2011

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	5.000.000	5.000.000	5.500.000	8.000.000
Tỷ lệ cổ tức bằng tiền (%/VĐL)	21,14%	0%	22,15%	25%
Tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu (%)	0%	60%	0%	

Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

Ghi chú: năm 2009 Công ty không trả cổ tức bằng tiền, mà thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ lên 80 tỷ trong năm 2010. Nguồn thực hiện từ lợi nhuận giữ lại chưa phân phối 2009 và một phần quỹ đầu tư phát triển năm 2009.

12. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Trích Khấu hao Tài sản cố định



Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao theo khung thời gian quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2003.

Số khấu hao năm cho các loại tài sản cố định

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	04-20
2	Máy móc, thiết bị	10-20
3	Phương tiện vận tải	10-20
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	20-33

Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

b. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay cho Ngân hàng và các đối tác cung cấp nguyên vật liệu, nhân công, không có nợ quá hạn. Hiện nay, Công ty đang được ngân hàng và khách hàng đánh giá cao về khả năng thanh toán.

c. Các khoản phải nộp theo luật định

Chi tiết các khoản phải nộp Nhà nước từ năm 2009 - 2010 & Quý 1/2011

Chỉ tiêu	Năm 2009 (ngàn VNĐ)	Năm 2010 (ngàn VNĐ)	Quý 1/2011 (ngàn VNĐ)
Thuế GTGT	800.048	472.840	518.231
Thuế TTĐB	5.742	57.776	65.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.255.732	3.523.167	1.599.491
Thuế thu nhập cá nhân	29.409	72.658	187.364
Thuế nhà đất	0	0	0
Tiền thuê đất	222.689	205.184	231.000
Các loại thuế khác	400	400	0
Tổng	5.314.020	4.332.025	2.601.105

Nguồn: BCTCKT 2009 - 2010 và BCTC Quý 1/2011 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An

Ghi chú: Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm 2007 & 2008 và giảm 50% thuế TNDN trong 02 năm 2009 & 2010 theo quy định của Luật thuế TNDN 2003 số 09/2003/QH11 của Quốc hội ngày 17/06/2003 áp dụng cho Công ty mới thành lập từ dự án đầu tư (cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước).

d. Trích lập các quỹ

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể như sau:

Chi tiết các quỹ từ năm 2009 - 2010 & Quý 1/2011

Chỉ tiêu	Năm 2009 (ngàn VNĐ)	Năm 2010 (ngàn VNĐ)	Quý 1/2011 (ngàn VNĐ)
Quỹ đầu tư phát triển	18.231.139	5.634.379	7.769.173
Quỹ dự phòng tài chính	529.693	6.293.125	6.720.085
Quỹ khen thưởng phúc lợi	880.816	725.126	1.059.676
Tổng	19.641.648	12.652.630	15.548.934

Nguồn: BCTCKT 2009 - 2010 và BCTC Quý 1/2011 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An



e. Dư nợ vay

Chi tiết các khoản nợ vay từ 2009 - 2010 & Quý 1/2011

Chỉ tiêu	Năm 2009 (ngàn VNĐ)	Năm 2010 (ngàn VNĐ)	Quý 1/2011 (ngàn VNĐ)
Vay ngắn hạn	0	0	0
Vay dài hạn	0	0	0
Tổng	0	0	

Nguồn: BCTCKT 2009 - 2010 và BCTC Quý 1/2011 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An

Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An luôn chi trả đúng hạn các khoản vay đồng thời không có bất khoản nợ quá hạn nào.

f. Tình hình công nợ hiện nay

Chi tiết các khoản phải thu từ 2009 - 2010 & Quý 1/2011

Chỉ tiêu	Năm 2009 (ngàn VNĐ)	Năm 2010 (ngàn VNĐ)	Quý 1/2011 (ngàn VNĐ)
Phải thu khách hàng	6.468.745	8.894.344	12.646.689
Trả trước cho người bán	1.713.571	1.824.082	4.604.505
Phải thu khác	1.440.519	13.061.369	549.654
Tổng	9.622.835	23.779.795	17.800.848

Nguồn: BCTCKT 2009 - 2010 và BCTC Quý 1/2011 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An

Chi tiết các khoản phải trả từ 2009 - 2010 & Quý 1/2011 (trừ nợ vay)

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Quý 1/2011
	(ngàn VNĐ)	(ngàn VNĐ)	(ngàn VNĐ)
Phải trả cho người bán	2.321.547	1.993.514	2.352.867
Người mua trả tiền trước	404.125	608.995	589.438
Phải trả công nhân viên	2.536.359	2.781.937	2.915.606
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.314.020	4.332.025	2.601.105
Các khoản phải trả khác	1.384.944	2.288.685	1.548.066
Tổng	11.960.995	12.005.156	10.007.082

Nguồn: BCTCKT 2009 - 2010 và BCTC Quý 1/2011 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An

g. Các khoản đầu tư tài chính: không

12.2. Các chỉ tiêu tài chính

Chi tiết chỉ tiêu tài chính từ 2009 đến Quý 1/2011

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	Năm 2009	Năm 2010	Quý 1/2011
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,64	3,84	2,95
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,47	3,76	2,85
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	11,70%	10,21%	10,53%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	13,20%	11,38%	11,77%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	27,79	45,94	17,01
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,88	0,86	0,28
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	31,60%	26,91%	36,15%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	31,60%	25,75%	11,33%



Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS	%	27,90%	23,12%	10,13%
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	36,00%	32,23%	41,00%

Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần

Thu nhập trên cổ phần	VNĐ/CP	5.825	3.534	1.486
-----------------------	--------	-------	-------	-------

Nguồn: Tổng hợp từ BCTCKT 2009 - 2010 và BCTC Quý 1/2011 của Hội An

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty đều ở mức tốt và có sự thay đổi tích cực qua các năm.

Về cơ cấu vốn, Công ty có tỷ trọng nợ trên tổng tài sản thấp (nhỏ hơn 50%) và có xu hướng giảm. Do hiện tại Công ty đang tập trung vốn để đầu tư cho các dự án mở rộng kinh doanh, nguồn vốn nhân rồi chưa sử dụng Công ty gửi Ngân hàng. Để không phải mất tiền lãi do rút tiền gửi trước kỳ hạn, trong năm Công ty cầm cố các sổ tiền gửi để vay thanh toán lương và phục vụ hoạt động kinh doanh với thời hạn, lãi suất theo từng lần nhận nợ và khoản vay này được tất toán vào cuối năm tài chính, nên số số dư nợ cuối kỳ không có.

Vòng quay hàng tồn kho của công ty nhanh do đặc thù của ngành nghề dịch vụ kinh doanh du lịch, lưu trú.

Các hệ số sinh lời đều nằm ở mức khá, tăng trưởng ổn định và mạnh qua các năm.

Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần và Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần có xu hướng tăng do việc cắt giảm trong chi phí quản lý doanh nghiệp và doanh thu thuần tăng mạnh so với giá vốn bán hàng (giá phòng cung cấp dịch vụ tăng).

13. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TGD VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

13.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ	Họ và tên	Năm sinh	Số CMTND
Chủ tịch HĐQT	Ông Nguyễn Văn Ban	09/04/1960	205577832
Ủy viên HĐQT	Ông Hồ Thái Ba	07/12/1954	200022410
Ủy viên HĐQT	Ông Lê Tiến Dũng	24/01/1964	205399629
Ủy viên HĐQT	Ông Phan Hồng Quân	04/05/1970	024879496
Ủy viên HĐQT	Ông Vũ Hiền	15/10/1962	011109857

Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

Ông NGUYỄN VĂN BAN	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	09/04/1960
Số CMTND:	205577832 cấp ngày 26/01/08 tại CA tỉnh Quảng Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	Khối phố 3, thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, QN
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	0510.3851711
Trình độ văn hóa:	12/12



Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Từ 8/1985 - 8/1987	Công tác tại Công ty Kinh doanh Tổng hợp Điện Bàn
+ Từ 9/1987 - 9/1995	Công tác tại Xí nghiệp May Điện Bàn
+ Từ 10/1995 - 12/1996	Công tác tại Sở Công Nghiệp Quảng Nam - Đà Nẵng
+ Từ 01/1997 - 5/2005	Công tác tại Sở Công nghiệp Quảng Nam
+ Từ 6/2005 - 8/2009	Công tác tại Công ty CP May Trường Giang
+ Từ 9/2009 - 14/02/2011	Công tác tại Sở Công thương tỉnh Quảng Nam
+ Từ 15/02/2011 đến nay	Công tác tại văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch và Dịch vụ Hội An
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Phó văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam
Số cổ phần nắm giữ:	Nắm giữ cá nhân: 0 cổ phần Đại diện vốn Nhà nước: 4.520.238 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên
Cổ phần người có liên quan:	không

Ông HỒ THÁI BA**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	07/12/1954
CMTND:	200022410 cấp ngày 07/07/2009 tại CA TP Đà Nẵng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Duy Hải, Duy Xuyên, Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	61/7 Tiểu La, TP.Đà Nẵng
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(0510) 3.852.416
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Xây dựng
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Năm 1966 - 1982	Đi học và hoạt động tham gia kháng chiến Chống Mỹ
+ Năm 1982 - 1997	Công tác tại Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng
+ Năm 1997 - đến nay	Công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam
Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không



Lợi ích liên quan đối với Công ty: Theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên
Cổ phần người có liên quan: không

Ông LÊ TIÊN DŨNG**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 24/01/1964
Số CMTND: 205399629 cấp ngày 03/08/2006 tại CA Quảng Nam
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Cẩm Châu - Thành phố Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Địa chỉ thường trú: 152/6 Trần Phú - Minh An - Thành phố Hội An
Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 0510.3861522
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán
Quá trình công tác:
+ Năm 1983 - 1985 Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Hội An
+ Năm 1985 - 1990 Công ty Ăn Uống - Dịch vụ Hội An
+ Năm 1990 - đến nay Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư An Viên
Số cổ phần nắm giữ: 103.590 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên
Cổ phần người có liên quan: không

Ông PHAN HỒNG QUÂN**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 04/05/1970
Số CMTND: 024879496 cấp ngày 02/07/2008 tại CA TP.HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Quốc Oai, Hà Nội
Địa chỉ thường trú: 8/18 Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08)38219930 (ext 201)
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đầu tư - Tài chính
Quá trình công tác:
+ Năm 1992 - 1997: Công tác tại Petrolimex Sài Gòn, Nisho Coop
+ Năm 1997 - 1998: Công tác tại Ủy ban Chứng khoán nhà nước



+ Năm 2000 - 2001:	Công tác tại Công ty IFC
+ Năm 2001 - 2007:	Công tác tại Công ty Chứng khoán SSI
+ Năm 2007 - 2008	Công tác tại Euro Capital
+ Năm 2008 - đến nay	Công tác tại VinaCapital
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Giám đốc phát triển Vina Capital
Số cổ phần nắm giữ:	36.800 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên
Cổ phần người có liên quan:	không

Ông VŨ HIỀN	UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
-------------	---------------------------

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/10/1962
CMTND:	011109857 cấp ngày 09/11/2009 tại CA Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Số 5 ngõ 178 Tây Sơn, P.Trung Liệt, Q.Đống Đa, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(04) 39410510
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Hàng Hải
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Năm 1985 - 1989	Thuyền phó Công ty Vận tải biển Hà Nội
+ Năm 1989 - 1995	Thuyền phó Công ty Vận tải biển Ngoại Thương
+ Năm 1996 - 1998	Trưởng phòng kinh doanh tiếp thị Công ty Vận tải biển Vũng Tàu - Chi nhánh Hà Nội
+ Năm 1998 - 2006	Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Tài chính IPA
+ Năm 2006 - đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch Dịch vụ Hội An
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đầu tư IPA
Số cổ phần sở hữu cá nhân:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên
Cổ phần người có liên quan:	không

13.2. Danh sách và sơ yếu lí lịch các thành viên BKS



Danh sách thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ	Họ và tên	Năm sinh	Số CMTND
Trưởng ban BKS	Phan Minh Ánh	15/04/1954	200440920
Ủy viên BKS	Nguyễn Văn Cư	21/01/1969	205769621
Ủy viên BKS	Phạm Hồng Hoa	09/06/1983	012149344

Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

Sơ yếu lí lịch các thành viên BKS

Ông PHAN MINH ÁNH	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/04/1954
CMTND:	200440920 cấp ngày 07/08/2010 tại CA TP Đà Nẵng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Điện Hòa - Điện Bàn - Tỉnh Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	112/6 Quang Trung, Thành phố Đà Nẵng
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(0510) 3852411
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính Kế toán
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Năm 1972 - 1975	Tham gia kháng chiến
+ Năm 1975 - 1982	Học bổ túc Văn hóa và Đại học Bách khoa Đà Nẵng
+ Năm 1983 - 1996	Công tác tại Ban tài chính Quản trị Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) Công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam
+ Năm 1997 - đến nay	Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An
Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam
Số cổ phần sở hữu cá nhân:	100 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên
Cổ phần người có liên quan:	không
Ông NGUYỄN VĂN CƯ	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	21/01/1969
CMTND:	205769621 cấp ngày 29/05/2010 tại CA Quảng Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thôn Bằng An, Xã Điện An, Điện Bàn, Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	Tổ 09, khối Sơn phồ II, phường Cẩm Châu, Tp.Hội An, tỉnh Quảng Nam
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(0510) 3501045
Trình độ văn hóa:	12/12



Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế - Chứng chỉ sau đại học do chương trình giảng dạy kinh tế FULBRIGHT
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Năm 1993 - đến nay:	Công tác tại CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên BKS kiêm Giám đốc Kế hoạch - Đầu tư CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân:	4.841 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên
Cổ phần người có liên quan:	Vợ: Đinh Thị Thuý Lan, số cổ phần: 3.385 cổ phần

Bà PHẠM HỒNG HOA	UỶ VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	09/06/1983
CMTND:	012149344 cấp ngày 01/07/1998 tại CA Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nam Định
Địa chỉ thường trú:	Số 35 ngõ 75 Cầu Đất, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(04) 39410510
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Năm 2005 - 2005:	Nhân viên Công ty kiểm toán và Tư vấn ACPA
+ Năm 2005 - 2007:	Nhân viên Công ty Cổ phần Gas Petrolimex
+ Năm 2007 - 2008:	Nhân viên Công ty CP Chứng khoán VNDirect
+ Năm 2008 - đến nay	Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đầu tư IPA
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên BKS CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đầu tư IPA
Số cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên
Cổ phần người có liên quan:	không

13.3. Danh sách và sơ yếu lí lịch Ban Tổng Giám đốc

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

Chức vụ	Họ và tên	Năm sinh	Số CMTND
Tổng Giám đốc	Lê Tiến Dũng	24/01/1964	205399629
Phó Tổng Giám đốc	Huỳnh Văn Ty	20/12/1951	205670760



Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

Sơ yếu lí lịch các thành viên Ban Tổng giám đốc

Ông LÊ TIẾN DŨNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Theo mục 13.1	
Ông HUỖNH VĂN TỴ	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/12/1951
CMTND:	205670760 cấp ngày 23/04/2009 tại CA Quảng Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thôn 2, xã Cẩm Thanh, Hội An, Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	280 Cửa Đại, P. Cẩm Châu, Hội An, Quảng Nam
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(0510) 3910926
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học Quản trị Kinh doanh
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Năm 1965 – 1975	Thoát ly gia đình, tham gia cách mạng đến ngày quê hương hoàn toàn giải phóng; công tác tại Xưởng Dệt Quảng Đà, Văn phòng Tỉnh Ủy Quảng Đà, Văn phòng Thị ủy Hội An, Khu 2 Hòa Vang, Thị Ủy Hội An
+ Năm 1975 – 1977	Công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ), đi học bổ túc văn hóa.
+ Năm 1978 – 1984	Công tác tại Ủy Ban Kinh Tế Thị Ủy Hội An
+ Năm 1986- 1987	Đi học tại Trường Nguyễn Ái Quốc - Trung Ương III
+ Năm 1988- 2010	Phó Tổng Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Công ty Ăn Uống Dịch vụ, Công ty Du lịch - Dịch vụ Hội An, CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An
+ Từ năm 2010 - đến nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng giám đốc CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân:	6.816 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên
Cổ phần người có liên quan:	Con - Huỳnh Phước Vũ, Số lượng cổ phần: 6.600CP

13.4. Sơ yếu lí lịch kế toán trưởng

Chức vụ	Họ và tên	Năm sinh	Số CMTND
Kế toán trưởng	Nguyễn Thị Ngọc Lan	28/01/1969	205670238

Sơ yếu lí lịch kế toán trưởng

Bà NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	KẾ TOÁN TRƯỞNG
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	28/01/1969
CMTND:	205670238 cấp ngày 09/04/2009 tại CA Quảng Nam
Quốc tịch:	Việt Nam



Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Duy Xuyên - Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	04 Chu Văn An - Hội An - Quảng Nam
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(0510) 3861248
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học tài chính - Chuyên ngành Tài chính Tín dụng
Quá trình công tác:	
+ Năm 1989 – 1990	Công tác tại Bộ phận thu quốc doanh - Phòng tài chính Hội An
+ Năm 1990 – 2000	Công tác tại Đội Quản lý thuế DN-Chi cục Thuế Hội An
+ Năm 2000 - đến nay	Công tác tại CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An
Chức vụ công tác hiện nay:	Kế toán trưởng CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An
Số cổ phần sở hữu cá nhân:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên
Những người có liên quan:	Chồng : Phạm Văn An. Số lượng cổ phần: 3.822 CP

14. TÀI SẢN:

Chi tiết tài sản cố định tại 31/12/2010

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ
TSCĐ Hữu hình	126.890.566	66.443.745	60.446.821	47,64%
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>84.420.773</i>	<i>44.186.222</i>	<i>40.234.551</i>	<i>47,66%</i>
<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>22.784.765</i>	<i>12.785.538</i>	<i>9.999.227</i>	<i>43,89%</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>18.668.407</i>	<i>8.920.927</i>	<i>9.747.480</i>	<i>52,21%</i>
<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>1.016.621</i>	<i>551.058</i>	<i>465.563</i>	<i>45,80%</i>
TSCĐ Vô hình	1.176.011	619.714	556.297	47,30%
TỔNG	128.066.577	67.063.459	61.003.118	47,63%

Nguồn: BCTCKT năm 2009 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An

Chi tiết tài sản cố định tại Quý 1/2011

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ
TSCĐ Hữu hình	128.315.530	67.310.066	61.005.464	47,54%
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>84.604.354</i>	<i>45.244.774</i>	<i>39.359.580</i>	<i>46,52%</i>
<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>24.149.000</i>	<i>12.426.110</i>	<i>11.722.890</i>	<i>48,54%</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>18.386.019</i>	<i>9.045.220</i>	<i>9.340.799</i>	<i>50,80%</i>
<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>1.176.157</i>	<i>593.962</i>	<i>582.195</i>	<i>49,50%</i>
TSCĐ Vô hình	1.176.011	707.855	468.156	39,81%
TỔNG	129.491.541	68.017.921	61.473.620	47,47%

Nguồn: BCTC Quý 1 năm 2011 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An

Bất động sản:



TT	Khoản mục	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Khu Du lịch Biển Hội An	01 Cửa Đại, TP.Hội An, Quảng Nam	19.067,6	Đất SXKD	Đất thuê
2	Khách sạn Hội An	10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam	16.340,5	Đất SXKD	Đất thuê
3	Xí nghiệp giặt	99A Cửa Đại, Hội An, Quảng Nam	1.801	Đất SXKD	Đang chuyển quyền sử dụng đất

15. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 và 2012

Chỉ tiêu	Năm 2010			Năm 2011		Năm 2012	
	Kế hoạch (Triệu đồng)	Thực hiện (Triệu đồng)	% thay đổi so với TH	Kế hoạch (Triệu đồng)	% thay đổi so với TH 2010	Kế hoạch (Triệu đồng)	% thay đổi so với KH 2011
Vốn ĐT của CSH	80	80	0,00%	80	0,00%	80	0,00%
Doanh thu thuần	110	109	-0,91%	141	29,36%	162	14,89%
LN sau thuế	29,5	29,1	-1,36%	30	3,09%	33	10,00%
TS LN sau thuế/DT	26,82%	26,70%	-0,12%	21,28%	-5,42%	20,37%	-0,91%
TS LN sau thuế/VĐTCSH	36,88%	36,38%	-0,50%	37,50%	1,13%	41,25%	3,75%
Tỷ lệ cổ tức	25%	22,15%	-2,85%	25%	2,85%	25%	0,00%

Nguồn: CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

a. Các giả định làm cơ sở cho kế hoạch trên:

Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 doanh thu thuần của Công ty là 108.484 triệu đồng; lợi nhuận sau thuế trên 29.189 triệu đồng.

Số liệu kế hoạch năm 2011 được Công ty xây dựng trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 và tổng hợp kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh từ các đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty.

Năm 2011, dự kiến doanh thu thuần tăng trên 29%, lợi nhuận sau thuế tăng trên 3% so với thực hiện năm 2010.

Từ năm 2012, dự kiến doanh thu tăng đều 15% và lợi nhuận sau thuế tăng đều 10%.

b. Căn cứ để đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Năm 2010, kế hoạch doanh thu thuần của Công ty là 110.000 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 29.500 triệu đồng. Theo số liệu báo cáo kết quả sản xuất kinh năm 2010 Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình như đã đặt mục tiêu ngay từ đầu năm.

Năm 2011, dự kiến doanh thu thuần đạt 141.000 triệu đồng tăng 29% và lợi nhuận sau thuế đạt 30.000 triệu đồng tăng 3% so với năm 2010, cụ thể như sau:



Cơ sở kinh doanh	Số lượng phòng	Giá phòng bq/ngày (ngàn đồng)	Công suất sử dụng bình quân	Doanh thu (triệu đồng)	Chi phí kinh doanh	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế TNDN
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)x(2)x(3)	(5)	(6)=(4)-(5)	(7)=(6)x75%
Khách sạn Hội An				54.974	35.520	19.454	14.590
- Phòng nghỉ	148	950	66%	33.871			
- Nhà hàng, bar				17.857			
- Spa				1.082			
- Khác (phí dịch vụ)				2.164			
Khu du lịch biển				61.977	41.524	20.453	15.340
- Phòng nghỉ	120	1.260	69%	38.080			
- Nhà hàng, bar				15.422			
- Dịch vụ biển				574			
- Spa				988			
- Khác				4.143			
- Phí dịch vụ				2.770			
Trung tâm lễ hành	0	0	0	19.000	17.970	1.030	773
Xí nghiệp giặt	0	0	0	5.800	5.568	232	174
Tổng cộng				141.750	100.582	41.168	30.876

Ghi chú:

- + *Doanh thu Phòng nghỉ = số phòng x giá phòng bình quân/ngày x 365 ngày x công suất sử dụng phòng bình quân*
- + *Chi phí kinh doanh gồm giá vốn dịch vụ, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, được tính dựa trên chi phí thực tế phát sinh thống kê qua từng năm và được dự kiến tăng giảm trong biên độ cho phép của Công ty theo nguyên tắc thận trọng nhất.*
- + *Ngoài doanh thu phòng nghỉ, doanh thu còn lại được dự tính dựa trên tỷ trọng tổng doanh thu của cơ sở kinh doanh.*

c. Định hướng đầu tư của Công ty trong năm 2011:

- *Tại khách sạn Hội An: tổng mức đầu tư ước tính 7.720 triệu đồng, cụ thể:*
 - + Đầu tư nâng cấp phòng: thay TV LCD 32 inch, sơn vôi, PU đồ gỗ cải tạo nhà vệ sinh, xây thêm phòng ngủ, cải tạo sảnh, nối rộng ban công ra vườn. Tổng mức đầu tư ước tính khoảng 2.010 triệu đồng;
 - + Đầu tư khu vực cảnh quan: cải tạo, nâng cấp sân đường bộ toàn khu, hồ nước, cổng, tường rào, sân vườn, hệ thống thoát nước, hệ thống điện và cây xanh. Tổng mức đầu tư ước tính khoảng 4.450 triệu đồng;
 - + Đầu tư khu hồ bơi: thay mới nền hồ bơi bằng sàn gỗ, cải tạo lòng hồ, hệ thống thu gom nước. Tổng mức đầu tư ước tính khoảng 800 triệu đồng;
 - + Đầu tư khu vực cà phê sân vườn: nâng cấp sân vườn, cải tạo khu nhà bát giác, thay mới bàn ghế, trang thiết bị,... Tổng mức đầu tư ước tính khoảng 460 triệu đồng.
- *Tại khu du lịch biển: tổng mức đầu tư ước tính 20.710 triệu đồng, chi tiết:*
 - + Đầu tư tổng thể: cải tạo hội trường lớn, nhà hàng, cảnh quan. Tổng mức đầu tư ước



- tính khoảng 1.600 triệu đồng;
- + Đầu tư khu vực nhà hàng, Bar: nâng cấp bar tại hồ bơi, mở rộng bar ra khu bãi biển, cải tạo nội thất nhà hàng, bếp, hệ thống điện nước. Tổng mức đầu tư ước tính khoảng 5.340 triệu đồng;
- + Đầu tư thay đổi công năng khu hội trường thành Khu lễ tân, hội trường: nâng cấp nội thất sảnh lễ tân, hội trường. Tổng mức đầu tư ước tính khoảng 5.500;
- + Đầu tư mới dãy kios trước hội trường. Tổng mức đầu tư ước tính khoảng 825 triệu đồng;
- + Đầu tư công cụ dụng cụ, tài sản cố định: đầu tư thiết bị hệ thống IP TV (Internet Protocol Television), thay toàn bộ hệ thống khóa từ cho phòng ngủ, mua xe điện, xe chuyên dụng. Tổng mức đầu tư ước tính khoảng 6.445 triệu đồng;
- + Đầu tư khu vực cảnh quan: cải tạo cổng chính, cổng hội trường, thay nền và hệ thống đèn sân vườn. Tổng mức đầu tư ước tính khoảng 1.000 triệu đồng.

Mục tiêu đầu tư nâng cấp cho 02 khu lưu trú, nghỉ dưỡng này là tạo ra không gian mới, lịch sự, trang trọng, cho ra đời những sản phẩm phòng nghỉ mới với trang thiết bị hiện đại, cảnh quan thiên nhiên xanh, sạch, đẹp tạo cảm giác sản khoái, thư giãn cho du khách.

- *Tại trung tâm lưu hành: tổng mức đầu tư ước tính 1.390, gồm đầu tư xây dựng nhà hàng tại Cù lao Chàm, thiết kế hệ thống định vị GPRS (General packet radio service) để quản lý xe; xây dựng điểm bán vé tàu đi Cù lao Chàm, mở rộng dịch vụ dạy nấu ăn tại làng rau Trà Quế.*
- *Đầu tư khác: đầu tư phần mềm quản lý tour, mua bản quyền phần mềm quản lý, ... Tổng mức đầu tư ước tính khoảng 710 triệu đồng.*

Năm 2012, để loại trừ tối đa khả năng thời tiết xấu, mưa bão nghịch mùa, dịch bệnh, bất ổn kinh tế, chính trị, xã hội trong nước cũng như thế giới và theo nguyên tắc thận trọng nhất, Công ty dự kiến doanh thu thuần đạt 162.000 triệu đồng tăng 15% và lợi nhuận sau thuế đạt 33.000 triệu đồng tăng 10% so với kế hoạch năm 2011.

16. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An, Công ty Chứng khoán Đầu tư cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của



Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An dự kiến trong giai đoạn 2011 -2012 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An.

17. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY

Không có

18. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

Không có



PHẦN 5: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. LOẠI CHỨNG KHOÁN

- Cổ phiếu phổ thông

2. MỆNH GIÁ

- 10.000 đồng/cổ phần

3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết : 8.000.000 cổ phiếu
 - Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết : 80.000.000.000 đồng

4. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

- Cổ đông sáng lập : 0 cổ phiếu
 - Cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng 100% cổ phiếu năm giữ trong 06 tháng từ ngày niêm yết và 50% cổ phiếu năm giữ trong 06 tháng tiếp theo:

- Hội Đồng Quản Trị : 140.390 cổ phần
- Ban Kiểm Soát : 4.941 cổ phần
- Ban Tổng giám đốc : 6.816 cổ phần
- Kế toán trưởng : 0 cổ phần

- Cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Công ty: 0 cổ phần

5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

Giá trị sổ sách trên cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách trên cổ phiếu} = \frac{\text{Tổng tài sản} - (\text{Tổng nợ} + \text{Tài sản cố định vô hình})}{\text{Số cổ phần lưu hành}}$$

Căn cứ theo báo cáo tài chính Quý 1 năm 2011, giá trị sổ sách trên cổ phiếu của Công ty tại thời điểm Quý 1 năm 2011 là **13.059 đồng**

TT	Mã CK	Số lượng CP đang lưu hành	Giá	EPS	Bv	Giá trị vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	Tỷ trọng theo giá trị vốn hóa thị trường	P/E	P/B
1	SGH	1.766.300	74.400	5.010	21.760	131,41	44,74%	14,9	3,4
2	CTC	8.000.000	7.400	1.900	12.690	59,20	20,15%	3,9	0,6
3	DNT	5.032.700	8.100	1.770	13.340	40,76	13,88%	4,6	0,6
4	VIR	5.240.000	11.900	730	10.050	62,36	21,23%	16,3	1,2
Bình quân ngành						293,73	100,00%	11,52	1,98

Ghi chú:

- Giá thị trường của các cổ phiếu đang niêm yết được sử dụng trên đây là giá đóng



của đối với các cổ phiếu niêm yết tại HOSE vào ngày 20/06/2011, tương ứng với mức Vn-Index là 431,63 điểm.

- Tuy nhiên, trong bảng tính trên không bao gồm cổ phiếu VPL, NVT, RIC, OCH vì chỉ số P/E quá cao so với các công ty trong cùng ngành.

Tính đến 31/03/2011, Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của CTCP Du lịch Dịch vụ - Hội An là 13.118 đồng/cổ phần. Tổng lợi nhuận sau thuế 4 Quý gần nhất là: 30.956.910.790 đồng, EPS 4 Quý gần nhất là: 3.869 đồng/cp

- Giá Hội An tính theo phương pháp P/E = 11,52 x 3.869 = 44.571 đồng
- Giá Hội An tính theo phương pháp P/B = 1,98 x 13.118 = 25.974 đồng
- Bình quân 2 phương pháp: 35.270 đồng

Tuy nhiên, vì Công ty chưa niêm yết tại thời điểm hiện tại 20/06/2011 nên áp dụng mức chiết khấu giảm 50%. Do đó, giá cổ phiếu được xác định như sau: 35.270 x 50% = 17.635 đồng/cổ phần. Với cách tính như trên, giá tham chiếu của Công ty được xác định là 17.600 đồng.

🚩 Như vậy giá tham chiếu dự kiến của Hội An là 17.600 đồng/cổ phiếu.

6. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẴM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu niêm yết của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Ngày 15/4/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg quy định tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2009 và thay thế Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông là người nước ngoài tại Công ty hiện nay là 0 %.

7. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

7.1. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

- Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm 2007 & 2008 và giảm 50% thuế TNDN trong 02 năm 2009 & 2010 theo quy định của Luật thuế TNDN 2003 số 09/2003/QH11 của Quốc hội ngày 17/06/2003 áp dụng cho Công ty mới thành lập từ dự án đầu tư (cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước).
- Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế của Công ty (Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ban hành ngày 03/06/2008).



- Theo tiết 2.2. điểm 2, tiết 3.1 điểm 3. Phần E Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế TNDN; Thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là 25%.
- Đối với Nhà thầu nước ngoài và Nhà thầu phụ nước ngoài (là Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam, thực hiện theo Thông tư 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam. Theo đó, nếu các đối tượng trên có thu nhập từ đầu tư chứng khoán phải nộp thuế TNDN trên cơ sở doanh thu tính thuế TNDN và tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế, trong đó, doanh thu tính thuế là tổng doanh thu bán chứng khoán tại thời điểm chuyển nhượng; tỷ lệ % thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán là 0,1%.

7.2. Thuế Giá trị gia tăng

- Theo Thông tư 129/2008/TT -BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 thì kinh doanh chứng khoán, hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và các hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

7.3. Thuế thu nhập cá nhân:

- Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2009;
- Nghị định 100/2008/NĐCP ngày 8/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN;
- Thông tư số 84/2008/TTBTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNCN và hướng dẫn thi hành Nghị định 100/2008/NĐCP.
- Khi cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ chịu sự chi phối của Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập cá nhân, và các quy định hiện hành trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính, UBCKNN và SGDCK.



PHẦN 6: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐT&PT VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 222 00 672 Fax: (84.4) 222 00 669

Website : www.bsc.com.vn



CHI NHÁNH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN BIDV TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Lầu 9, Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 3 8 218 508

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Địa chỉ : 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38 272 295 Fax: (84.8) 38 272 300



CÁC HỒ SƠ KÈM THEO

Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Phụ lục 2: Điều lệ của Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu của Công ty niêm yết;

Phụ lục 3: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Quý 1/2011

Phụ lục 4: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 85/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2010 thông qua việc niêm yết,
Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2011 số 07/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/02/2011.



Hội An, ngày 20 tháng 06 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN BAN

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ TIẾN DŨNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

PHAN MINH ÁNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐT&PT VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TP. HCM**



NGUYỄN QUỐC TÍN

PHỤ LỤC 1:

**BẢN SAO HỢP LỆ GIẤY CHỨNG
NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH QUẢNG NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4000102418

*Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 10 năm 2006
Đăng ký thay đổi lần thứ 5: ngày 06 tháng 04 năm 2011*

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOI AN TOURIST SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HOI AN TOURIST SERVICE CO.

2. Địa chỉ trụ sở chính

10 Trần Hưng Đạo, Phường Minh An, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại: 0510.861522

Email: hoianhotel@gng.vn

Fax: 0510.911099

Website: www.hoiantourist.com

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khách sạn	55101(Chính)
2	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển	9311
3	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế	7912
4	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải ven biển bằng ca nô	5011
5	Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	50211
6	Đại lý, môi giới, đầu giá Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý đối ngoại tệ	4610
7	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
8	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
9	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình	9312

STT	Tên ngành	Mã ngành
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
11	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	56101
12	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng	9329
13	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng	4932
14	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ internet	6190
15	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ	4649

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 8.000.000

5. Số cổ phần được quyền chào bán 0

6. Vốn pháp định 6.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

7. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập	Ghi chú
1	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN (ĐẠI DIỆN: LÊ NGỌC CƠ)	23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	3	4106000129	

2	PHÂN VON NHÀ NƯỚC: VĂN PHÒNG TỈNH ỦY QUẢNG NAM (ĐẠI DIỆN: NGUYỄN VĂN BAN)	Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.520.2 38	45.202.380.000	56,5		
3	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NGÂN HÀ	92 Triệu Việt Vương, Phường Búi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	0	0	0		

8. Người đại diện theo pháp luật

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Họ và tên: *LÊ TIỀN DŨNG*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *24/01/1964*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *205399629*

Ngày cấp: *03/08/1964*

Nơi cấp:

Công an tỉnh Quảng Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Đ/152 Trần Phú, Phường Minh An, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Đ/152 Trần Phú, Phường Minh An, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

- Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CP DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN - KHÁCH SẠN HỘI AN
Địa chỉ chi nhánh: *Số 10 Trần Hưng Đạo, Phường Minh An, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*
Mã chi nhánh: *4000102418-001*
- Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CP DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN - KHU DU LỊCH BIỂN HỘI AN
Địa chỉ chi nhánh: *01 Cửa Đại, Phường Cửa Đại, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*
Mã chi nhánh: *4000102418-003*
- Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CP DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN - TRUNG TÂM LỮ HÀNH HỘI AN
Địa chỉ chi nhánh: *10 Trần Hưng Đạo, Phường Minh An, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*
Mã chi nhánh: *4000102418-004*

4. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN - XI NGHIỆP GIẶT HỘI AN
Địa chỉ chi nhánh: 99A Cửa Đại, Phường Cẩm Châu, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Mã chi nhánh: 4000102418-005

10. Thông tin về văn phòng đại diện

1. Tên văn phòng đại diện: VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH-DỊCH VỤ HỘI AN (TỈNH QUẢNG NAM)
Địa chỉ văn phòng đại diện: 149 Đề Thám, Phường Cổ Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã văn phòng đại diện: 4000102418-006
2. Tên văn phòng đại diện: VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH- DỊCH VỤ HỘI AN
Địa chỉ văn phòng đại diện: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã văn phòng đại diện:

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh

TRƯỞNG PHÒNG



CHỨNG THỰC

Đoàn Ngọc Minh

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH



Đương Chi Hoàn

PHỤ LỤC 2:

**ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY PHÙ HỢP
VỚI ĐIỀU LỆ MẪU CỦA CÔNG TY
NIÊM YẾT**

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN

DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

*(Được thông qua theo Nghị quyết số 114 /NQ-DLHA-ĐHĐCĐ
ngày 18 tháng 12 năm 2010 của Đại hội đồng cổ đông)*

Tháng 12/2010

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 9. Thu hồi cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	13
Điều 16. Thay đổi các quyền	14
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	25
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	29
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý	29
Điều 30. Cán bộ quản lý	29
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	29
Điều 32. Thư ký Công ty	31
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	31

Điều 33. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.....	31
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	33
X. BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát.....	33
Điều 37. Ban kiểm soát	34
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	35
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	36
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn	36
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	36
Điều 40. Cổ tức	36
Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	37
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	37
Điều 42. Tài khoản ngân hàng	37
Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	38
Điều 44. Năm tài khóa	38
Điều 45. Hệ thống kế toán.....	38
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	38
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	38
Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	39
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	39
Điều 48. Kiểm toán	39
XVII. CON DẤU.....	40
Điều 49. Con dấu.....	40
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	40
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	40
Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	40
Điều 52. Gia hạn hoạt động.....	41
Điều 53. Thanh lý.....	41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	42
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	42
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	Error! Bookmark not defined.
Điều 56. Ngày hiệu lực	Error! Bookmark not defined.
Điều 57. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.	Error! Bookmark not defined.

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 18 tháng 12 năm 2010

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn Điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn và quản lý.
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – DỊCH VỤ HỘI AN.**
- Tên tiếng Anh: **HOIAN TOURIST SERVICE JOINT-STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **HOIAN TOURIST SERVICE Co.**
- Tên viết tắt:

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: 10 Trần Hưng Đạo, phường Minh An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Điện thoại: (084) 0510.861522-0510.861248-0510.910885

- Fax: (084) 0510.911099

- Website: <http://www.hoiantourist.com>

4. Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh khách sạn, du lịch, ăn uống công cộng, các dịch vụ hỗ trợ; lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế, kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào, vận tải đường sông, đường biển bằng ca-nô cao tốc, dịch vụ thu đổi ngoại tệ, dịch vụ vui chơi - giải trí, thể thao trên biển, dịch vụ lặn biển tại Cù Lao Chàm, dịch vụ đại lý bán vé máy bay, dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp bấm luyệt, vật lý trị liệu, trò chơi điện tử có thưởng. Kinh doanh Xuất nhập khẩu hàng hoá, kinh doanh bất động sản.

- Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, nhu cầu phát triển Công ty và khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể đăng ký bổ sung, thay đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh. Tổ chức liên kết, liên doanh và hợp tác đầu tư với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phát triển sản xuất, mở rộng thị trường phù hợp với qui định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; tăng

cổ tức cho các cổ đông; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 VNĐ (*bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng*). Trong đó vốn của Đảng Quảng Nam chiếm 56,5%.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 8.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại điều 11.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và

Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc điều hành;
- d. Ban kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

b. Nhận cổ tức;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 36.2;
- b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài

chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo [Điều 119](#) Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và điều 20 .

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c .

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
- d. Các trường hợp khác.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đem tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty

c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là

vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị [và số tiền thù lao cho từng thành viên] phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo

kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.

3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc

thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 5 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4a và Điều 34.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành

viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành hoặc một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Các Giám đốc các đơn vị trực thuộc đều nằm dưới sự quản lý và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động của mình. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 5 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất

Điều 32. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc

một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của

công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng, có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Bankiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là [hai] người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định mỗi năm. Mức thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong 24.3 và 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc

trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 44. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngày sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó

Điều 45. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và

lỗi của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website của Công ty. Công ty phải đăng tải toàn văn Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm trên một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc kèm theo địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính hoặc địa chỉ cung cấp báo cáo tài chính để nhà đầu tư tham khảo.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Con dấu chính thức của Công ty được khắc và quản lý theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều lệ Công ty CP Du lịch Dịch vụ Hội An
(được thông qua theo Nghị quyết 114/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/12/2010)

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Du Lịch – Dịch vụ Hội An nhất trí thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2010 tại Hội An và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 bản đăng ký tại Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh;
- b. 09 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty và nộp cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc Người đại diện theo pháp luật, hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 57. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – DỊCH VỤ HỘI AN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



HỘI AN
T. HỘI AN - T. QUẢNG NAM

LÊ TIỀN DŨNG

PHỤ LỤC 3:

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN
NĂM 2009, 2010 VÀ BCTC QUÝ 1/2011**

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

BÁO CÁO CHUYỂN TIỀN TỆ QUẢN LÝ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2009	13 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Du lịch Dịch vụ Hội An theo Quyết định số 51/QĐ-TU ngày 16 tháng 02 năm 2006 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3303070234 ngày 01 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 3 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do thay đổi hoạt động sản xuất kinh doanh, bổ sung các Chi nhánh, thay đổi mã số thuế và thay đổi Tổng Giám đốc của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 03 ngày 27 tháng 04 năm 2009 là: 50.000.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông góp vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Phần vốn Nhà nước (Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam)	28.251.490.000	56,5
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ngân Hà	5.000.000.000	10
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	1.500.000.000	3
Các cổ đông khác	15.248.510.000	30,5
Cộng	50.000.000.000	100

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại : (84) 0510.3.861.373 – 3.861.445 – 3.861.362
Fax : (84) 0510.3.861.636
Mã số thuế : 4000102418

Ngành nghề Kinh doanh:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn
- Dịch vụ ăn uống
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế
- Vận tải khách bằng ô tô, vận tải khách theo hợp đồng
- Vận tải ven biển bằng ca nô
- Vận tải đường sông bằng phương tiện cơ giới
- Dịch vụ bán vé máy bay
- Kinh doanh ngoại hối
- Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình
- Kinh doanh tầm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu
- Kinh doanh bất động sản
- Dịch vụ internet
- Dịch vụ giặt là
- Mua bán hàng mỹ nghệ

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Do ảnh hưởng của cơn bão số 9 trong năm 2009 chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang tại Dự án khu du lịch sinh thái Biển Hội An là 6.491.845.758 đồng đã bị tổn thất, số tiền ứng trước cho các Nhà thầu là 736.882.000 đồng không có khả năng thu hồi và dự án không thể tiếp tục thực hiện.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 28).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Võ Thị Thu	Chủ tịch	27 tháng 09 năm 2006	21 tháng 02 năm 2009
Ông Ngô Văn Hùng	Chủ tịch	21 tháng 02 năm 2009	
Ông Lê Tiến Dũng	Ủy viên	27 tháng 09 năm 2006	
Ông Phạm Hồng Quân	Ủy viên	21 tháng 02 năm 2009	
Ông Vũ Hiền	Ủy viên	27 tháng 09 năm 2006	
Ông Hồ Thái Ba	Ủy viên	27 tháng 09 năm 2006	
Ông Don Di Lâm	Ủy viên	27 tháng 09 năm 2006	21 tháng 02 năm 2009

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Minh Ánh	Trưởng ban	27 tháng 09 năm 2006	
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Ủy viên	27 tháng 09 năm 2006	21 tháng 02 năm 2009
Bà Trần Thị Phương Loan	Ủy viên	21 tháng 02 năm 2009	
Ông Nguyễn Văn Cư	Ủy viên	27 tháng 09 năm 2006	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Tiến Dũng	Tổng giám đốc	15 tháng 04 năm 2009	
Huỳnh Văn Ty	Phó Tổng giám đốc	01 tháng 12 năm 2006	
Bà Huỳnh Thị Kinh	Phó Tổng giám đốc	01 tháng 12 năm 2006	01 tháng 10 năm 2009
Ông Lê Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc	01 tháng 12 năm 2006	15 tháng 04 năm 2009
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán trưởng	01 tháng 12 năm 2006	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Lê Tiên Dũng

Ngày 24 tháng 02 năm 2010



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300
 Branch in Hanoi : 40 Giang Vu St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869
 Branch in Nha Trang-Khánh Hòa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
 Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kien District, Can Tho City - Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

www.aandcconsult.com.vn

Số: 39/2010/BCTC-KTTV-KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 09 tháng 02 năm 2010, từ trang 6 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An năm 2008 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán. Kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 49/BCKT-AAC ngày 16 tháng 02 năm 2009 có dạng ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Các vấn đề chưa thống nhất trong xử lý kế toán

Do ảnh hưởng của cơn bão số 9 trong năm 2009 chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang tại Dự án khu du lịch sinh thái Biển Hội An là 6.491.845.758 đồng đã bị tổn thất, số tiền ứng trước cho các Nhà thầu là 736.882.000 đồng không có khả năng thu hồi và dự án không thể tiếp tục thực hiện. Công ty đã nhận được Công văn số 641/CT-TTHT ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Cục thuế tỉnh Quảng Nam hướng dẫn lập hồ sơ và xử lý tổn thất vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Công ty chưa lập hồ sơ để làm cơ sở xử lý và ghi nhận giá trị tổn thất vào chi phí kinh doanh trong năm.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Thị Hồng Thanh

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0053/KTV
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2010

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Việt

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

0013
TỈNH
Y
HỮU
HẠN
KIỂM
TOÁN
VÀ
TƯ
VẤN
H.Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.484.236.304	24.832.767.093
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.934.107.799	7.778.552.311
1. Tiền	111		9.634.107.799	3.778.552.311
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.300.000.000	4.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.000.000.000	7.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	18.000.000.000	7.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.593.223.791	8.887.915.439
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	6.468.744.547	6.017.356.504
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1.713.571.021	2.791.048.900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1.440.518.723	109.120.535
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(29.610.500)	(29.610.500)
IV. Hàng tồn kho	140		1.929.904.715	474.544.328
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.929.904.715	474.544.328
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.000.000	691.755.015
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	-	686.755.015
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	27.000.000	5.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.882.359.962	53.041.383.810
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		58.787.736.022	52.251.297.123
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	50.873.264.459	46.899.284.886
<i>Nguyên giá</i>	222		111.944.988.345	104.163.609.781
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(61.071.723.886)	(57.264.324.895)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	949.834.389	100.185.492
<i>Nguyên giá</i>	228		1.176.010.728	453.192.876
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(226.176.339)	(353.007.384)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	6.964.637.174	5.251.826.745
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.094.623.940	790.086.687
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.388.427.023	90.402.727
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	706.196.917	699.683.960
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		104.366.596.266	77.874.150.903

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, tỉnh Quang Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.192.432.159	9.949.607.579
I. Nợ ngắn hạn	310		11.960.994.593	9.723.840.979
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.15	2.321.547.178	1.253.491.688
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	404.125.110	273.091.726
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	5.314.019.682	459.501.522
5. Phải trả người lao động	315	V.18	2.536.358.757	3.578.250.570
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	1.384.943.866	4.159.505.473
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		231.437.566	225.766.600
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	57.000.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	57.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	174.437.566	168.766.600
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.174.164.108	67.924.543.324
I. Vốn chủ sở hữu	410		91.293.347.633	64.521.711.349
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.231.139.458	13.975.407.704
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		529.693.000	529.693.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.532.515.175	16.610.645
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		880.816.475	3.402.831.975
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.23	880.816.475	3.402.831.975
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		104.366.596.266	77.874.150.903

 10/1
 10/1

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		235.107	32.910
Euro (EUR)		24.800	20.683
Dollar Singapore (SGD)		185	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Phạm Thị Phương Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lập ngày 24 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	92.197.236.132	77.047.363.459
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	59.889.076	78.582.537
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		92.137.347.056	76.968.780.922
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	53.636.635.978	50.000.751.875
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.500.711.078	26.968.029.047
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.837.797.199	2.212.639.646
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	336.711.452	94.786.717
Trong đó: chi phí lãi vay	23		28.517.508	94.786.717
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	2.244.290.379	125.058.334
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	4.637.508.991	5.953.422.933
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.119.997.455	23.007.400.709
11. Thu nhập khác	31	VI.8	533.111.670	482.071.127
12. Chi phí khác	32	VI.9	274.258.424	118.930.125
13. Lợi nhuận khác	40		258.853.246	363.141.002
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.378.850.701	23.370.541.711
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.255.731.754	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>29.123.118.948</u>	<u>23.370.541.711</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>5.825</u>	<u>4.674</u>

Người lập biểu

Phạm Thị Phương Lan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lập ngày 24 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc

Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.378.850.701	23.370.541.711
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5.899.385.897	4.720.691.733
- Các khoản dự phòng	03		-	29.610.500
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		116.578.682	680.350
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.671.707.581)	(2.297.941.045)
- Chi phí lãi vay	06		28.517.508	94.786.717
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.751.625.207	25.918.369.966
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(733.821.309)	(2.004.499.963)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.455.360.387)	(51.496.805)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.757.321.121)	(3.720.743.204)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(611.269.281)	(301.837.390)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(28.517.508)	(94.786.717)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	50.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.522.015.500)	(1.963.573.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.643.320.101	17.831.432.887
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.461.708.828)	(16.043.464.553)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		229.073.636	364.954.537
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	(28.834.712.250)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.000.000.000	37.834.712.250
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.468.517.977	2.015.475.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.764.117.215)	(4.663.034.548)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.074.480.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.074.480.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.607.068.717)	(12.174.736.416)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.607.068.717)	(12.174.736.416)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.272.134.169	993.661.923
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 7.778.552.311	6.785.570.738
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(116.578.682)	(680.350)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 13.934.107.799	7.778.552.311

Người lập biểu



Phạm Thị Phương Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lập ngày 24 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, khách sạn
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm** :
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn
 - Dịch vụ ăn uống
 - Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế
 - Dịch vụ bán vé máy bay
 - Dịch vụ giặt là

4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Do ảnh hưởng của cơn bão số 9 trong năm 2009 chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang tại Dự án khu du lịch sinh thái Biển Hội An là 6.491.845.758 đồng đã bị tổn thất, số tiền ứng trước cho các Nhà thầu là 736.882.000 đồng không có khả năng thu hồi và dự án không thể tiếp tục thực hiện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc và thiết bị	10 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20 - 33

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 lần.

Tiền thuê đất, văn phòng trả trước, bảo hiểm tài sản

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

9. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3 % quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

TRANG 15/15

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- **Thặng dư vốn cổ phần:** chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- **Vốn khác:** hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25 % trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50 % trong 2 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi, tuy nhiên thời gian hoạt động của năm đầu tiên là 3 tháng nên Công ty chọn thời gian miễn thuế bắt đầu từ năm 2007.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

14. **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
25.723,81 VND/EUR
200,7 VND/JPY

15. **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	256.705.179	320.560.031
Tiền gửi ngân hàng	9.301.415.194	3.410.816.899
Tiền đang chuyển	75.987.426	47.175.381
Các khoản tương đương tiền	4.300.000.000	4.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	4.300.000.000	4.000.000.000
Cộng	<u>13.934.107.799</u>	<u>7.778.552.311</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn dưới 1 năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Đông Dương	238.426.036	494.147.685
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Chi nhánh Đà Nẵng	628.151.418	617.929.199
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Á Đông	522.255.211	504.870.661
Travel Indochina	245.326.414	123.652.568
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam tại Hà Nội	91.723.535	301.663.202
Công ty TNHH và Thương mại và Dịch vụ Phương Hoàng	77.279.720	122.339.833
Công ty Thương mại Dịch vụ Xuân Nam	139.985.651	205.265.092
Công ty TNHH Hành Trình Đông Dương	92.684.116	120.819.243
Công ty Liên doanh Du lịch Apex Việt Nam	216.161.359	201.671.168
Công ty TNHH Du lịch Exotissimo Cesais	70.556.522	112.921.718
Cty TNHH DL 1 thành viên Du lịch Trâu Việt Nam	66.008.300	127.210.903
Công ty TNHH Du lịch Đường mòn Châu Á	190.976.690	159.051.456
Công ty TNHH Du lịch Miền Á Đông	46.585.542	188.974.431
Gulliver Travel	89.602.080	148.612.637
Công ty TNHH Du lịch Lữ Hành Phương Uy	3.286.770	229.217.820
Công ty TNHH Du lịch Quốc tế Sao Bắc	71.640.441	310.140.441
Công ty TNHH Chân Trời Phương Đông	174.941.951	313.941.567
Công ty Du lịch Hoàng Hải Tùng	219.230.985	-
Viet Travell	222.269.717	86.046.594
Phải thu khách hàng của Khách sạn Hội An	340.186.257	46.824.211
Phải thu khách hàng của Trung tâm Lữ hành	489.719.680	187.512.849

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng của Nhà hàng Hội An	-	70.247.626
Phải thu khách hàng của Khu du lịch biển	737.110.928	2.794.048
Phải thu khách hàng của Zen Spa Hội An	-	45.459.649
Phải thu khác	1.494.635.224	1.296.041.903
Cộng	6.468.744.547	6.017.356.504

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kiến Tạo	-	14.000.000
Cty TNHH quảng cáo Dolphin	-	9.680.000
Công Ty TNHH Kiểm Toán và Kế Toán AAC	-	27.500.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây Dựng Thanh Bình	-	176.293.000
Công Ty TNHH Xây Dựng và Dịch vụ Truyền hình số VII	-	2.000.000.000
Công ty AA (Nhà sinh Dã Nặng)	-	26.055.900
VN Bussines Forum	-	1.500.000
Công ty Truyền thông Đồng Nam Á	-	16.500.000
Ngô Thị Xuân	-	1.200.000
Phan Văn Tiến	-	253.000.000
Dương Hồng Hiền	-	265.320.000
Công ty TNHH Xây Dựng và Dịch Vụ Tân Phước	297.000.000	-
Công Ty TNHH Metro Cash và Carry Việt nam	27.384.021	-
Công ty Cổ Phần Cơ điện lạnh và Chi nhánh môi trường GTE	263.825.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội	55.000.000	-
Công Ty TNHH 1 Thành viên Crespi Montes Vich Châu Á	77.480.000	-
Công Ty TNHH 1 Thành Viên Duy Dũng	223.000.000	-
Công Ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn Thuế ATAX	15.000.000	-
Trần Huy Chương	18.000.000	-
Công ty 508(Nhà thầu thực hiện dự án khu du lịch Sinh thái Biển)	736.882.000	-
Cộng	1.713.571.021	2.791.048.900

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	-	38.016.661
Phòng vé máy bay	1.270.507.606	71.103.874
Phải thu lãi vay tạm tính	140.766.667	-
Phải thu khác	29.244.450	-
Cộng	1.440.518.723	109.120.535

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Là khoản dự phòng phải thu khó đòi quá hạn dưới 1 năm.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.494.412.605	79.575.571
Công cụ, dụng cụ	111.445.958	120.877.670
Hàng hóa	324.046.152	274.091.087
Cộng	<u>1.929.904.715</u>	<u>474.544.328</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Công cụ dụng cụ</u>
Số đầu năm	686.755.015
Tăng trong năm	1.023.839.444
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(1.213.116.700)
Kết chuyển giảm khác (do phân loại sang dài hạn)	(497.477.759)
Cộng	<u>-</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng của cán bộ công nhân viên Công ty.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quân lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	74.888.501.000	17.453.171.128	11.032.806.428	789.131.225	104.163.609.781
Tăng trong năm	6.850.889.582	1.208.635.861	1.284.567.354	481.128.750	9.825.221.547
<i>Mua sắm mới</i>	<i>2.355.749.863</i>	<i>1.208.635.861</i>	<i>1.284.567.354</i>	<i>481.128.750</i>	<i>5.330.081.828</i>
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	<i>4.495.139.719</i>	-	-	-	<i>4.495.139.719</i>
<i>Giảm trong năm do thanh lý</i>	<i>(48.356.809)</i>	<i>(1.202.952.008)</i>	<i>(344.290.909)</i>	<i>(448.243.257)</i>	<i>(2.043.842.983)</i>
Số cuối năm	<u>81.691.033.773</u>	<u>17.458.854.981</u>	<u>11.973.082.873</u>	<u>822.016.718</u>	<u>111.944.988.345</u>

*Trong đó:*Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 27.504.134.080**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	36.465.661.205	12.681.658.600	7.434.364.814	682.640.276	57.264.324.895
Tăng trong năm do khấu hao	3.774.347.410	882.865.228	1.039.469.490	124.592.481	5.821.274.609

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giảm trong năm do thanh lý	(39.271.824)	(1.202.952.008)	(323.408.529)	(448.243.257)	(2.013.875.618)
Số cuối năm	40.200.736.791	12.361.571.820	8.150.425.775	358.989.500	61.071.723.886
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	38.422.839.795	4.771.512.528	3.598.441.614	106.490.949	46.899.284.886
Số cuối năm	41.490.296.982	5.097.283.161	3.822.657.098	463.027.218	50.873.264.459

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy ví tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	453.192.876
Tăng do mua trong năm	923.676.852
Giảm trong năm do thanh lý	(200.859.000)
Số cuối năm	1.176.010.728
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	290.859.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	353.007.384
Tăng trong năm do khấu hao	78.111.288
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	(204.942.333)
Số cuối năm	226.176.339
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	100.185.492
Số cuối năm	949.834.389

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
CT cải tạo các hạng mục tại Biển	1.114.831.293	27.394.460	989.994.781	152.230.972	-
CT cải tạo các hạng mục tại Hội An	-	8.739.536	-	-	8.739.536
Xây mới cụm biệt thự 12 phòng	30.634.546	4.571.211.483	3.505.144.938	831.701.092	264.999.999
Hạng mục cải tạo TTLH- VP làm việc	-	199.051.881	-	-	199.051.881
XDCB dở dang-Khu sinh thái Biển	4.106.360.906	2.398.575.761	-	13.090.909	6.491.845.758
Cộng	5.251.826.745	7.204.973.121	4.495.139.719	997.022.973	6.964.637.174

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Bảo hiểm tài sản	14.142.727	47.208.182	29.878.788	31.472.121
Chi phí thuê mặt bằng	76.260.000	255.798.000	209.842.500	122.215.500
Chi phí thuê vận phòng	-	76.887.273	53.850.909	23.036.364
Phần mềm vius	-	77.701.800	38.850.900	38.850.900
Chi phí sửa chữa tài sản	-	79.790.272	39.895.136	39.895.136
Công cụ dụng cụ	-	1.721.952.327	588.995.325	1.132.957.002
Cộng	90.402.727	2.259.337.854	961.313.558	1.388.427.023

14. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kỳ quỹ tại ngân hàng ICB do theo thông tư 03/2002/TT-NHNN về quản lý tiền kỳ quỹ của các doanh nghiệp Lữ Hành	271.196.917	264.683.960
Kỳ quỹ tại Sở kế hoạch đầu tư để đảm bảo thực hiện đầu tư khu du lịch Sinh thái biển Hội An	435.000.000	435.000.000
Cộng	706.196.917	699.683.960

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Người Sánh Ấn	106.473.257	92.259.464
Công Ty TNHH Hàn Việt	203.540.873	5.777.200
Phạm Văn Tiến	74.700.000	-
Phùng Bồng	75.039.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng và Dịch vụ Truyền hình số VII	698.700.763	-
Công ty Cổ phần Tin học Ánh Sao Vina	169.968.652	-
Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo	136.458.000	-
Dương Thanh Hữu	136.624.000	-
Cty TNHH Tư vấn và Trang trí Nội thất Mỹ Cư	-	110.192.727
Cty CP Sản xuất và Thương mại Lý Bảo Minh	29.466.800	443.509.241
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát Triển Xây dựng Hội An	-	196.761.105
Công ty Xây dựng và Xây lắp điện Hội An	-	51.928.440
Cty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Tân Phước	-	88.107.855
Khách sạn Kim Đô	-	53.363.718
Đối tượng khác	690.575.833	211.591.938
Cộng	2.321.547.178	1.253.491.688

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ann's Tourist	-	7.828.720
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Quốc tế Vina Tour	-	13.299.421
Hà Nội Toserco	-	892.018
Công ty Lữ hành Sài Gòn Tourist Hà Nội	-	500.000
Công ty TNHH Hải Vệ Nữ	336.283	-
Người mua trả tiền trả trước của Khu du lịch biển	130.074.378	-
Người mua trả tiền trả trước của Trung tâm Lữ hành	13.608.000	-
Người mua trả tiền trả trước của Khách sạn Hội An	61.620.367	128.130.043
Người mua trả tiền trước khác	198.486.082	122.441.524
Cộng	<u>404.125.110</u>	<u>273.091.726</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	95.647.869	2.948.335.258	2.243.935.290	800.047.837
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.519.372	59.889.076	60.666.315	5.742.133
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.255.731.754	-	4.255.731.754
Thuế thu nhập cá nhân	26.130.563	74.825.769	71.547.172	29.409.160
Thuế nhà đất	331.203.718	1.270.367.301	1.378.882.221	222.688.798
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	400.000	-	400.000
Cộng	<u>459.501.522</u>	<u>8.615.549.158</u>	<u>3.761.030.998</u>	<u>5.314.019.682</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ vận chuyển	5 %
Dịch vụ kinh doanh khách sạn	10 %

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh dịch vụ Spa, trị dưỡng, thư giãn và chăm sóc sức khỏe với thuế suất 30 %.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.378.850.701	23.370.541.711
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	666.714.682	137.679.650
- Các khoản điều chỉnh tăng	666.714.682	138.360.000
<i>Thu lao hội đồng quản trị</i>	<i>514.396.000</i>	<i>114.000.000</i>
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>116.578.682</i>	-
<i>Các khoản hỗ trợ, đóng góp</i>	<i>36.028.646</i>	<i>24.360.000</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(680.350)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>-</i>	<i>(680.350)</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	34.045.854.029	23.508.221.361
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	8.511.463.507	6.582.301.981
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(4.255.731.754)	(6.582.301.981)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.255.731.754	-

Tiền thuế đất

Công ty phải nộp tiền thuế đất theo thông báo của chi cục thuế Hội An.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả công nhân viên	2.536.358.757	3.578.250.570
Cộng	2.536.358.757	3.578.250.570

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	99.721.072	-
Lãi vay Văn phòng Trung ương	-	496.767.191
Liên doanh Zen Spa	123.181.345	112.587.807
Cổ tức phải trả	326.852.786	3.168.082.792
Phí phục vụ	744.413.947	319.106.683
Phải trả, phải nộp khác	90.774.716	62.961.000
Cộng	1.384.943.866	4.159.505.473

20. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn của lái xe Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	168.766.600
Số trích lập trong năm	39.752.166
Số chi trong năm	(34.081.200)
Số cuối năm	174.437.566

22. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	50.000.000.000	5.925.079.722	236.088.000	15.930.295	56.177.098.017
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	23.370.541.711	23.370.541.711
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	8.050.327.982	293.605.000	(23.369.861.361)	(15.025.928.379)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	13.975.407.704	529.693.000	16.610.645	64.521.711.349
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	13.975.407.704	529.693.000	16.610.645	64.521.711.349
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	29.123.118.948	29.123.118.948
Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 50% tăng quỹ đầu tư phát triển	-	4.255.731.754	-	(4.255.731.754)	-
Phí phục vụ	-	-	-	(2.351.482.664)	(2.351.482.664)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	18.231.139.458	529.693.000	22.532.515.175	91.293.347.633

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.034.284.463	-	1.899.522.000	134.762.463
Quỹ phúc lợi	1.368.547.512	-	622.493.500	746.054.012
Cộng	3.402.831.975	-	2.522.015.500	880.816.475

HỘI AN CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	92.197.236.132	77.047.363.459
<i>Doanh thu Khách sạn Hội An</i>	25.710.234.827	24.397.394.394
<i>Doanh thu Nhà hàng Hội An</i>	10.885.607.773	10.215.816.320
<i>Doanh thu Lữ hành Hội An</i>	10.796.768.061	8.500.396.170
<i>Doanh thu Du lịch biển</i>	28.890.308.823	22.360.966.360
<i>Doanh thu Nhà hàng biển</i>	9.948.152.680	6.033.688.529
<i>Doanh thu dịch vụ biển</i>	1.476.144.188	1.926.419.859
<i>Doanh thu Spa</i>	1.273.843.149	1.383.582.637
<i>Doanh thu Xương giật</i>	80.866.408	-
<i>Doanh thu khác</i>	3.135.310.223	2.229.099.190
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	(59.889.076)	(78.582.537)
	(59.889.076)	(78.582.537)
Doanh thu thuần	<u>92.137.347.056</u>	<u>76.968.780.922</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Giá vốn Khách sạn Hội An</i>	9.524.934.718	11.588.656.675
<i>Giá vốn Nhà hàng Hội An</i>	9.377.447.025	9.202.351.206
<i>Giá vốn Lữ hành Hội An</i>	9.626.845.969	7.685.995.711
<i>Giá vốn Du lịch biển</i>	14.088.581.387	13.521.023.918
<i>Giá vốn Nhà hàng biển</i>	7.550.466.508	5.947.610.612
<i>Giá vốn dịch vụ biển</i>	721.046.465	1.565.110.939
<i>Giá vốn Spa</i>	348.144.355	281.182.531
<i>Giá vốn Xương giật</i>	2.313.242.851	208.820.283
<i>Giá vốn khác</i>	85.926.700	-
Cộng	<u>53.636.635.978</u>	<u>50.000.751.875</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.468.517.977	2.015.475.468
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	89.730.571	-
Lãi kỳ quỹ	6.512.957	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	273.035.694	190.110.096
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	680.350
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	6.373.732
Cộng	<u>1.837.797.199</u>	<u>2.212.639.646</u>

30/01/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	28.517.508	94.786.717
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	191.615.262	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	116.578.682	-
Cộng	<u>336.711.452</u>	<u>94.786.717</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	362.850.254	-
Chi phí vật liệu, bao bì	2.137.500	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.686.559	-
Chi phí bằng tiền khác	1.820.616.066	125.058.334
Cộng	<u>2.244.290.379</u>	<u>125.058.334</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.148.891.416	3.165.676.457
Chi phí đồ dùng văn phòng	100.110.928	46.769.353
Chi phí khấu hao TSCĐ	85.980.652	71.902.748
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	33.620.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	432.280.238	332.940.880
Chi phí bằng tiền khác	1.864.245.757	2.302.513.370
Cộng	<u>4.637.508.991</u>	<u>5.953.422.933</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý các vật liệu hỏng	136.385.270	6.545.455
Thanh lý tài sản	229.073.636	364.954.537
Tiền hoa hồng bảo hiểm	1.904.000	5.255.000
Xử lý công nợ	29.674.496	61.621.843
Tiền bán hồ sơ mời thầu	6.090.909	7.272.728
Phí chuyển nhượng cổ phần	-	3.690.000
Tiền chiết khấu, khuyến mại	96.213.799	351.114
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	31.158.700
Thu nhập khác	33.769.560	1.221.750
Cộng	<u>533.111.670</u>	<u>482.071.127</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	14.987.132	35.168.963
Giá trị còn lại của TS đã thanh lý	29.968.365	82.488.960
Xử lý hàng hỏng	2.123.024	317.657
Chi thường chiết khấu thương mại	69.106.569	-
Chi phí khắc phục bão số 9	119.006.062	-
Chi phí thiết kế và dự toán làng quê sông nước Cẩm Thanh	35.774.545	-
Chi phí khác	3.292.727	954.545
Cộng	<u>274.258.424</u>	<u>118.930.125</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.123.118.948	23.370.541.711
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Số lượng Cổ phiếu lưu hành bình quân	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>5.825</u>	<u>4.674</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	714.041.711	768.751.500
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	4.725.100	6.878.000
Tiền thưởng	88.558.000	270.300.000
Cộng	<u>807.324.811</u>	<u>1.045.929.500</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư IPA	Cổ đông góp vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư IPA.</i>		
Thuế văn phòng tại Hà Nội	84.576.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan đã thanh toán hết.

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

2. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2010

Người lập biên

Phạm Thị Phương Lan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
DỊCH VỤ HỘI AN

Lưu Kế Toán Trưởng

kglem

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2010.	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2010.	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010.	13 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Du lịch Dịch vụ Hội An theo Quyết định số 51/QĐ-TU ngày 16 tháng 02 năm 2006 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3303070234 ngày 01 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 4 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do thay đổi hoạt động sản xuất kinh doanh, bổ sung các Chi nhánh, thay đổi mã số thuế và thay đổi Tổng Giám đốc của Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 4000102418 ngày 12 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sửa đổi lần thứ 04 (ngày 12 tháng 11 năm 2010) là: 80.000.000.000 đồng.

Cổ đông	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Phần vốn Nhà nước (Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam)	45.202.380.000	57 %
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hậu cần VTS	3.648.350.000	4,56%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phòng	3.600.000.000	4,5%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư LP.A	4.000.000.000	5 %
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	2.400.000.000	3 %
Các cổ đông khác	21.149.270.000	26 %
Cộng	80.000.000.000	100 %

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ :	Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại :	(84) 0510.3.861.373 - 3.861.445 - 3.861.362
Fax :	(84) 0510.3.861.636
Mã số thuế :	4 0 0 0 1 0 2 4 1 8

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khách sạn Hội An	Số 10 Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Khu du lịch biển Hội An	Số 01 Cửa Đại - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Trung tâm Lễ hành Hội An	Số 10 Trần Hưng Đạo TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Xí nghiệp giặt Hội An	Số 99A Cửa Đại - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Ngành nghề Kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
- Dịch vụ ăn uống.
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển.
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.
- Kinh doanh lễ hành nội địa, quốc tế.
- Vận tải khách bằng ô tô, vận tải khách theo hợp đồng.
- Vận tải ven biển bằng ca nô.
- Vận tải đường sông bằng phương tiện cơ giới.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dịch vụ bán vé máy bay.
- Kinh doanh ngoại hối.
- Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình.
- Kinh doanh tắm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm luyệt, vật lý trị liệu.
- Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ internet.
- Dịch vụ giặt là.
- Mua bán hàng mỹ nghệ./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 13 đến trang 27).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Hùng	Chủ tịch	21 tháng 02 năm 2009
Ông Lê Tiến Dũng	Ủy viên	27 tháng 09 năm 2006
Ông Phạm Hồng Quân	Ủy viên	21 tháng 02 năm 2009
Ông Vũ Hiến	Ủy viên	27 tháng 09 năm 2006
Ông Hồ Thái Ba	Ủy viên	27 tháng 09 năm 2006

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Minh Ánh	Trưởng ban	27 tháng 09 năm 2006	
Ông Nguyễn Văn Cư	Ủy viên	27 tháng 09 năm 2006	
Bà Trần Thị Phương Loan	Ủy viên	21 tháng 02 năm 2009	28 tháng 02 năm 2010
Bà Phạm Hồng Hoa	Ủy Viên	28 tháng 02 năm 2010	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Tiến Dũng	Tổng giám đốc	15 tháng 04 năm 2009
Ông Huỳnh Văn Ty	Phó Tổng giám đốc	01 tháng 12 năm 2006
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán trưởng	01 tháng 12 năm 2006

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Tiên Dũng

Ngày 24 tháng 06 năm 2011



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 274/2011/BCTC-KTTV-KT1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 14 tháng 02 năm 2011, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Chúng tôi đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 08/2011/BCTC-KTTV-KT1 ngày 14 tháng 02 năm 2011. Tuy nhiên, trên Báo cáo tài chính đính kèm theo Báo cáo kiểm toán đã phát hành thì khoản 63 cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình phát hành cổ phiếu thưởng chưa được trình bày tại chi tiêu "Cổ phiếu quỹ" như phương án phát hành.

Khoản cổ phiếu lẻ này đã được Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An trình bày lại trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 lập ngày 24 tháng 06 năm 2011, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo này thay thế Báo cáo kiểm toán số 08/2011/BCTC-KTTV-KT1 ngày 14 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Hoàng Đức
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV
Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2011

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Việt
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

1/3
JUN
TU

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.520.789.129	43.484.236.305
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.407.489.515	13.934.107.799
1. Tiền	111		8.407.489.515	9.634.107.799
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.000.000.000	18.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	16.000.000.000	18.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.670.494.672	9.593.223.791
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	8.894.344.249	6.468.744.547
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1.824.082.684	1.713.571.021
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	13.061.369.090	1.440.518.723
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(109.301.351)	(29.610.500)
IV. Hàng tồn kho	140		1.014.275.564	1.929.904.715
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.014.275.564	1.929.904.715
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		428.529.378	27.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	372.329.378	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	56.200.000	27.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.712.302.235	60.882.359.962
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		71.351.146.310	58.787.736.022
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	60.446.818.755	50.873.264.459
<i>Nguyên giá</i>	222		126.890.564.832	111.944.988.345
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(66.443.746.077)	(61.071.723.886)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	556.296.234	949.834.389
<i>Nguyên giá</i>	228		1.176.010.728	1.176.010.728
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(619.714.494)	(226.176.339)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	10.348.031.321	6.964.637.174
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.361.155.925	2.094.623.940
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	4.638.285.790	1.388.427.023
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	722.870.135	706.196.917
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		126.233.091.364	104.366.596.267

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.894.360.290	13.073.248.634
I. Nợ ngắn hạn	310		12.730.281.849	12.841.811.068
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	-
2. Phải trả người bán	312	V.16	1.993.513.640	2.321.547.178
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	608.994.787	404.125.110
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	4.332.025.379	5.314.019.682
5. Phải trả người lao động	315		2.781.936.505	2.536.358.757
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.288.684.730	1.384.943.866
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	725.126.808	880.816.475
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		164.078.441	231.437.566
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	72.000.000	57.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	92.078.441	174.437.566
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		113.338.731.074	91.293.347.633
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	113.338.731.074	91.293.347.633
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(630.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.634.379.244	18.231.139.458
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.293.125.819	529.693.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.411.856.011	22.532.515.175
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		126.233.091.364	104.366.596.267

Báo cáo này phải được lập cùng với Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		121.422,03	235.107,26
Euro (EUR)		120,00	24.800,00
Dollar Singapore (SGD)		100,00	185,00
Yên Nhật (¥)		16.000,00	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 24 tháng 06 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thu Quanh

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	108.901.720.993	92.197.236.132
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		417.709.917	59.889.076
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		108.484.011.076	92.137.347.056
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	67.629.982.046	53.636.635.978
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.854.029.030	38.500.711.078
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.219.249.247	1.837.797.199
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	300.962.054	336.711.452
Trong đó: chi phí lãi vay	23		204.176.666	28.517.508
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.953.001.952	2.244.290.379
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4.856.638.287	4.637.508.991
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.962.675.984	33.119.997.455
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.852.489.804	533.111.670
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.459.971.323	274.258.424
13. Lợi nhuận khác	40		392.518.481	258.853.246
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.355.194.465	33.378.850.701
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		6.166.483.011	4.255.731.754
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.188.711.454	29.123.118.947
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.534	5.825

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan



Lê Tiên Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.355.194.465	33.378.850.701
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.367.838.284	5.899.385.897
- Các khoản dự phòng	03	79.690.851	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	46.676.261	116.578.682
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.350.709.518)	(1.671.707.581)
- Chi phí lãi vay	06	204.176.666	28.517.508
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	40.702.867.009	37.751.625.207
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.186.161.732)	(733.821.308)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	915.629.151	(1.455.360.387)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.994.508.106)	(2.757.321.121)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.622.188.145)	(611.269.281)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(204.176.666)	(28.517.508)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.129.313.443)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	20.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.399.629.518)	(2.522.015.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.102.518.550	29.643.320.102
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(20.013.170.254)	(12.461.708.828)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	218.682.727	229.073.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.000.000.000)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	16.000.000.000	9.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.213.948.473	1.468.517.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.580.539.054)	(21.764.117.215)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

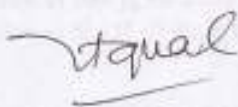
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

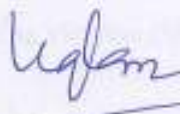
CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	16.000.000.000	5.074.480.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.000.000.000)	(5.074.480.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.000.000.000)	(1.607.068.717)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(12.000.000.000)</i>	<i>(1.607.068.717)</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(5.478.020.504)	6.272.134.170	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	13.934.107.799	7.778.552.311	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(48.597.780)	(116.578.682)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	8.407.489.515	13.934.107.799	

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan



Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, khách sạn
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
 - Dịch vụ ăn uống.
 - Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.
 - Dịch vụ bán vé máy bay.
 - Dịch vụ giặt là.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 403 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 382 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc và thiết bị	10 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20 - 33

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 lần.

Tiền thuê đất, văn phòng trả trước, bảo hiểm tài sản

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

9. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi, tuy nhiên thời gian hoạt động của năm đầu tiên là 03 tháng nên Công ty chọn thời gian miễn thuế bắt đầu từ năm 2007.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/12/2010 : 18.932 VND/USD

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	841.508.117	256.705.179
Tiền gửi ngân hàng	7.415.406.317	9.301.415.194
Tiền đang chuyển	150.575.081	75.987.426
Các khoản tương đương tiền	-	4.300.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	4.300.000.000
Cộng	<u>8.407.489.515</u>	<u>13.934.107.799</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty	1.879.662.421	4.904.349.034
Phải thu khách hàng của Khách sạn Hội An	3.578.614.337	340.186.257
Phải thu khách hàng của Trung Tâm Lễ hành	1.908.757.326	489.719.680
Phải thu khách hàng của Khu du lịch biển	1.157.442.480	734.489.576
Phải thu khách hàng của Xí nghiệp Giặt	369.867.685	-
Cộng	<u>8.894.344.249</u>	<u>6.468.744.547</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công Ty TNHH Tư Vấn Kiến trúc Xây dựng Việt Sơn Hà	1.347.090.000	-
Công ty 208 (Nhà thầu thực hiện dự án khu du lịch sinh thái biển)	-	736.882.000
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Tân Phước	-	297.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh và Công nghệ môi trường GTE	-	263.825.000
Công ty TNHH một thành viên Duy Dũng	-	223.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Trương Tài	101.076.000	-
Công ty TNHH 1 Thành viên Cresoi Montes Vich Châu Á	139.425.000	77.480.000
TTG Asia Media Pte Ltd	68.457.954	-
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội	60.500.000	55.000.000
Đối tượng khác	107.533.730	60.384.021
Cộng	<u>1.824.082.684</u>	<u>1.713.571.021</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng cổ tức năm 2010	12.000.000.000	-
Phòng vé máy bay	548.308.882	1.270.507.606
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	483.045.333	140.766.667
Phải thu tiền BHXH	25.027.507	-
Các khoản phải thu khác	4.987.368	29.244.450
Cộng	<u>13.061.369.090</u>	<u>1.440.518.723</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	109.301.351	29.610.500
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	79.690.851	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	29.610.500	29.610.500
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>109.301.351</u>	<u>29.610.500</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	29.610.500	29.610.500
Trích lập dự phòng bổ sung	79.690.851	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>109.301.351</u>	<u>29.610.500</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	258.981.751	1.494.412.605
Công cụ, dụng cụ	376.809.968	111.445.958
Hàng hóa	378.483.845	324.046.152
Cộng	<u>1.014.275.564</u>	<u>1.929.904.715</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	327.757.935	-
Chi phí bảo hiểm	27.165.890	-
Các khoản chi phí thuê ngoài	17.405.553	-
Cộng	<u>372.329.378</u>	<u>-</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	81.691.033.773	17.458.854.981	11.973.082.873	822.016.718	111.944.988.345
Tăng do mua sắm mới	2.417.066.962	4.477.016.765	7.243.915.465	222.692.729	14.360.691.921
Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành	462.671.880	1.806.412.306	-	-	2.269.084.186
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(150.000.000)	(957.519.400)	(548.591.820)	(28.088.400)	(1.684.199.620)
Số cuối năm	84.420.772.615	22.784.764.652	18.668.406.518	1.016.621.047	126.890.564.832
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	40.200.736.791	12.361.571.820	8.150.425.775	358.989.500	61.071.723.886
Tăng do trích khấu hao	4.135.485.609	1.299.564.132	1.319.093.185	220.157.203	6.974.300.129
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(150.000.000)	(875.597.718)	(548.591.820)	(28.088.400)	(1.602.277.938)
Số cuối năm	44.186.222.400	12.785.538.234	8.920.927.140	551.058.303	66.443.746.077
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	41.490.296.982	5.097.283.161	3.822.657.098	463.027.218	50.873.264.459
Số cuối năm	40.234.550.215	9.999.226.418	9.747.479.378	465.562.744	60.446.818.755

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm vi tính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.176.010.728	226.176.339	949.834.389
Tăng trong năm do khấu hao	-	393.538.155	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.176.010.728	619.714.494	556.296.234

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công trình cải tạo các hạng mục tại Hội An	8.739.536	8.511.814.255	1.805.032.306	3.511.812.358	3.203.709.127
Công trình xây mới cụm biệt thự 12 phòng	264.999.999	-	264.999.999	-	-
Khu sinh thái biển	6.491.845.758	736.882.000	-	249.000.000	6.979.727.758
Hạng mục cải tạo Văn phòng làm việc	199.051.881	-	199.051.881	-	-
Xây dựng hệ thống IPTV	-	160.958.072	-	-	160.958.072
Công trình cải tạo các hạng mục ở Biển	-	3.636.364	-	-	3.636.364
Cộng	6.964.637.174	9.413.290.691	2.269.084.186	3.760.812.358	10.348.031.321

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	1.171.807.902	1.294.838.050	1.482.642.197	984.003.755
Chi phí thuê nhà, quảng cáo	145.251.864	268.034.000	313.988.530	99.297.334
Chi phí bảo hiểm tài sản	31.472.121	48.034.545	47.483.636	32.023.030
Chi phí sửa chữa khách sạn	39.895.136	3.511.812.358	234.995.823	3.316.711.671
Chi phí đào tạo nhân viên	-	206.250.000	-	206.250.000
Cộng	1.388.427.023	5.328.968.953	2.079.110.186	4.638.285.790

14. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam theo thông tư 03/2002/TT-NHNN về quản lý tiền ký quỹ của các doanh nghiệp lữ hành	277.870.135	271.196.917
Ký quỹ tại sở kế hoạch đầu tư để đảm bảo thực hiện đầu tư Khu du lịch sinh thái biển Hội An	435.000.000	435.000.000
Ký quỹ tại hãng Taxi Mai Linh	10.000.000	-
Cộng	722.870.135	706.196.917

15. Vay và nợ ngắn hạn

Trong năm, Công ty có vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam, số tiền 16.000.000.000 đồng để thanh toán lương và phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty với thời hạn và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố các sổ tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay như sau:

Số đầu năm	
Số tiền vay phát sinh	16.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(16.000.000.000)
Số cuối năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp cho Văn Phòng Công ty	1.015.498.007	2.321.547.178
Nhà cung cấp cho Khách sạn Hội An	793.518.735	-
Nhà cung cấp cho Khu du lịch Biển Hội An	122.066.510	-
Nhà cung cấp cho Trung tâm Lễ hành	44.523.200	-
Nhà cung cấp cho Xí nghiệp Giặt	17.907.188	-
Cộng	<u>1.993.513.640</u>	<u>2.321.547.178</u>

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng của Văn phòng Công ty	84.597.022	198.822.365
Khách hàng của Khách sạn Hội An	111.091.981	61.620.367
Khách hàng của Khu du lịch Biển Hội An	319.641.153	130.074.378
Khách hàng của Trung tâm Lễ Hành	93.664.631	13.608.000
Cộng	<u>608.994.787</u>	<u>404.125.110</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	800.047.837	5.781.276.538	6.108.484.196	472.840.179
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.742.133	417.709.917	365.676.272	57.775.778
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.255.731.754	7.396.748.358	8.129.313.443	3.523.166.669
Thuế thu nhập cá nhân	29.409.160	671.475.085	628.225.942	72.658.303
Thuế nhà đất	-	3.976.800	3.976.800	-
Tiền thuế đất	222.688.798	873.324.472	890.828.820	205.184.450
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	400.000	-	-	400.000
Cộng	<u>5.314.019.682</u>	<u>15.144.511.170</u>	<u>16.126.505.473</u>	<u>4.332.025.379</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh dịch vụ Spa với thuế suất 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ phí phục vụ	1.230.265.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	6.166.483.011
Cộng	<u>7.396.748.358</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh xem thuyết minh số IV.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.355.194.465	33.378.850.701
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	802.877.102	667.003.328
- <i>Thù lao hội đồng quản trị</i>	802.877.102	667.003.328
- <i>Thù lao hội đồng quản trị</i>	728.308.114	514.396.000
- <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	46.676.261	116.578.682
- <i>Các khoản hỗ trợ, đóng góp</i>	27.892.727	36.028.646
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Thu nhập tính thuế	36.158.071.567	34.045.854.029
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính được giảm thuế</i>	27.879.528.244	34.045.854.029
<i>Thu nhập không phải từ hoạt động kinh doanh chính</i>	8.278.543.323	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	9.039.517.893	8.511.463.508
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	<u>(3.484.941.032)</u>	<u>(4.255.731.754)</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	5.554.576.861	4.255.731.754
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	611.906.150	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>6.166.483.011</u>	<u>4.255.731.754</u>

Tiền thuế đất, thuế nhà đất

Công ty phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	123.689.158	99.721.072
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	91.315.292	326.852.786
Công ty Cổ phần Zen	98.919.135	123.181.345
Phí phục vụ	1.736.056.279	744.413.947
Thù lao Hội đồng Quản trị	138.810.222	-
Phải trả phải nộp khác	99.894.644	90.774.716
Cộng	<u>2.288.684.730</u>	<u>1.384.943.866</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	134.762.463	1.717.158.392	1.719.260.700	132.660.155
Quỹ phúc lợi	746.054.012	505.108.241	658.695.600	592.466.653
Cộng	880.816.475	2.222.266.633	2.377.956.300	725.126.808

21. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	174.437.566	168.766.600
Số trích lập bổ sung	251.467.000	39.752.166
Số đã chi	(333.826.125)	(34.081.200)
Số cuối năm	92.078.441	174.437.566

23. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	50.000.000.000	-	13.975.407.704	529.693.000	16.610.645	64.521.711.349
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	29.123.118.948	29.123.118.948
Tăng quỹ ĐTPT từ thuế TNDN được giảm	-	-	4.255.731.754	-	(4.255.731.754)	-
Phí phục vụ	-	-	-	-	(2.351.482.664)	(2.351.482.664)
Số cuối năm trước	50.000.000.000	-	18.231.139.458	529.693.000	22.532.515.175	91.293.347.633
Số đầu năm nay	50.000.000.000	-	18.231.139.458	529.693.000	22.532.515.175	91.293.347.633
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	29.188.711.454	29.188.711.454
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	1.709.435.871	5.763.432.819	(9.695.135.323)	(2.222.266.633)
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	17.179.230.966	-	(17.179.230.966)	-	-	-
Mua lại cổ phiếu lẻ	-	(630.000)	-	-	-	(630.000)
Tăng vốn từ cổ tức phải trả	12.820.769.034	-	-	-	(12.820.139.034)	630.000
Tăng quỹ ĐTPT từ thuế TNDN được giảm	-	-	2.873.034.881	-	(2.873.034.881)	-
Phí phục vụ	-	-	-	-	(4.921.061.380)	(4.921.061.380)
Số cuối năm nay	80.000.000.000	(630.000)	5.634.379.244	6.293.125.819	21.411.856.011	113.338.731.074

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>
Trả cổ tức năm trước	-
Tạm ứng cổ tức năm nay	12.000.000.000
Cộng	12.000.000.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	108.901.720.993	92.197.236.132
<i>Doanh thu Dịch vụ khách sạn</i>	<i>62.230.295.511</i>	<i>54.600.543.650</i>
<i>Doanh thu Dịch vụ nhà hàng</i>	<i>26.765.507.487</i>	<i>20.833.760.453</i>
<i>Doanh thu Dịch vụ lữ hành du lịch</i>	<i>15.950.414.430</i>	<i>10.796.768.061</i>
<i>Doanh thu Dịch vụ Spa</i>	<i>1.533.729.170</i>	<i>1.273.843.149</i>
<i>Doanh thu Dịch vụ giặt là</i>	<i>1.883.471.070</i>	<i>80.866.408</i>
<i>Doanh thu dịch vụ khác (*)</i>	<i>538.303.325</i>	<i>4.611.454.411</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(417.709.917)	(59.889.076)
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(417.709.917)</i>	<i>(59.889.076)</i>
Doanh thu thuần	108.484.011.076	92.137.347.056

(*) Doanh thu phí phục vụ của dịch vụ khách sạn và dịch vụ nhà hàng năm trước trình bày tại nội dung này, năm 2010 phân ánh vào doanh thu của từng dịch vụ trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn Dịch vụ khách sạn	31.013.641.612	23.613.516.105
Giá vốn Dịch vụ nhà hàng	18.183.274.642	16.927.913.533
Giá vốn Dịch vụ lữ hành du lịch	14.129.289.590	9.626.845.969
Giá vốn Dịch vụ Spa	6.758.534	348.144.355
Giá vốn Dịch vụ giặt là	4.191.173.814	2.313.242.851
Giá vốn dịch vụ khác	105.843.854	806.973.165
Cộng	<u>67.629.982.046</u>	<u>53.636.635.978</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.213.948.473	1.468.517.977
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	793.202.690	96.243.528
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	212.098.084	273.035.694
Cộng	<u>3.219.249.247</u>	<u>1.837.797.199</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	204.176.666	28.517.508
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	46.676.261	116.578.682
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.109.127	191.615.262
Cộng	<u>300.962.054</u>	<u>336.711.452</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.436.761.942	362.850.254
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	358.518.154	2.137.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.982.556.828	58.686.559
Chi phí hàng tiền khác	175.165.028	1.820.616.066
Cộng	<u>3.953.001.952</u>	<u>2.244.290.379</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.222.651.189	2.148.891.416
Chi phí vật liệu quản lý	9.065.227	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	171.223.260	100.110.928
Chi phí khấu hao TSCĐ	330.516.310	85.980.652
Thuế, phí và lệ phí	58.133.359	6.000.000
Chi phí dự phòng	79.690.851	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	921.607.751	432.280.238
Chi phí bằng tiền khác	1.063.750.340	1.864.245.757
Cộng	<u>4.856.638.287</u>	<u>4.637.508.991</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	218.682.727	229.073.636
Thanh lý các vật liệu hỏng	1.527.439.544	136.385.270
Xử lý công nợ	14.972.619	29.674.496
Tiền bán hồ sơ mời thầu	16.540.909	6.090.909
Phí chuyển nhượng cổ phần	46.063.184	-
Tiền chiết khấu, khuyến mại	10.817.000	96.213.799
Thu nhập khác	17.973.821	35.673.560
Cộng	<u>1.852.489.804</u>	<u>533.111.670</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	81.921.682	29.968.365
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ thanh lý	1.310.646.325	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	23.001.352	14.987.132
Chi thường chiết khấu thương mại	31.121.173	69.106.569
Chi phí khác phục bảo số 9	-	119.006.062
Chi phí khác	13.280.791	41.190.296
Cộng	<u>1.459.971.323</u>	<u>274.258.424</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.188.711.454	29.123.118.947
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.188.711.454	29.123.118.947
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.649</u>	<u>3.640</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 30 tháng 11 năm 2010 từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>8.000.000</u>	<u>8.000.000</u>

Năm 2010 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 5.825 VND xuống còn 3.640 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	840.000.000	718.766.811
Tiền thưởng	126.000.000	88.558.000
Cộng	966.000.000	807.324.811

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư IPA	Cổ đồng góp vốn

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với Công ty Cổ phần Đầu tư IPA như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thuế văn phòng tại Hà Nội	52 681 860	84.576.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan đã thanh toán hết.

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Lập, ngày 24 tháng 06 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Quanh

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lê Tiến Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN
10 TRẦN HƯNG ĐẠO - HỘI AN - QUẢNG NAM
MÃ SỐ THUẾ : 4000102418

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I
NĂM 2011

Tháng 06 / 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2011

DVT : VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)	100		36 382 294 043	49 520 789 129
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3 226 778 203	8 407 489 515
1. Tiền	111	V.01	3 226 778 203	8 407 489 515
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	11A		302 560 727	841 508 117
- Tiền gửi Ngân hàng	11B		2 889 118 472	7 415 406 317
- Tiền đang chuyển	11C		35 099 004	150 575 081
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	14 000 000 000	16 000 000 000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		14 000 000 000	16 000 000 000
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	12A			
- Đầu tư ngắn hạn khác	12B		14 000 000 000	16 000 000 000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17 714 143 980	23 670 494 672
1. Phải thu của khách hàng	131		12 646 688 938	8 894 344 249
2. Trả trước cho người bán	132		4 604 504 543	1 824 082 684
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
- Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	13Z			
- Phải thu nội bộ khác	13Y			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	549 654 350	13 061 369 090
- Phải thu khác 138	13A		549 654 350	553 296 250
- Phải thu khác -1381	13B			
- Phải thu khác 334	13C			
- Phải trả khác 3388	13E			12 508 072 840
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		- 86 703 851	- 109 301 351
IV. Hàng tồn kho	140		1 140 464 591	1 014 275 564
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1 140 464 591	1 014 275 564
- Hàng mua đang đi trên đường	148			
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		245 607 223	258 981 751
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143		461 225 453	376 809 968
- Chi phí SXKD dở dang	144			
- Thành phẩm tồn kho	145			
- Hàng hóa tồn kho	146		433 631 915	378 483 845
- Hàng hoá kho bảo thuế	14A			
- Hàng gửi đi bán	147			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		300 907 269	428 529 378
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		114 598 269	372 329 378
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
- Thuế GTGT đầu vào	153			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		186 309 000	56 200 000
- Tài sản ngắn hạn khác (1381)	15A			
- Tài sản ngắn hạn khác (141)	15B		186 309 000	56 200 000
- Tài sản ngắn hạn khác (144)	15C			
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		80 912 252 805	76 712 302 235
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
- Phải thu dài hạn khác (244)	21A			
- Phải thu dài hạn khác (138..)	21B			
- Phải thu dài hạn khác (331..)	21C			
- Phải thu dài hạn khác (338..)	21D			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220	V.08	74 162 097 340	71 351 146 310
1. TSCĐ hữu hình	221		61 005 463 490	60 446 818 755
- Nguyên giá	222		128 315 529 705	126 890 564 832
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-67 310 066 215	-66 443 746 077
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	468 155 247	556 296 234
- Nguyên giá	228		1 176 010 728	1 176 010 728
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		- 707 855 481	- 619 714 494
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	12 688 478 603	10 348 031 321
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
- Đầu tư vào công ty liên kết	25A			
- Đầu tư vào công ty liên doanh	25B			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		6 750 155 465	5 361 155 925
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	6 025 614 776	4 638 285 790
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		724 540 689	722 870 135
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		117 294 546 848	126 233 091 364
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		12 352 555 670	12 894 360 290
I. Nợ ngắn hạn	310		12 099 773 979	12 730 281 849
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
- Vay ngắn hạn	A31			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
- Nợ dài hạn đến hạn trả	B31			
2. Phải trả cho người bán	312		2 352 867 141	1 993 513 640
3. Người mua trả tiền trước	313		589 437 513	608 994 787
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	2 601 104 951	4 332 025 379
5. Phải trả người lao động	315		2 915 606 256	2 781 936 505
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1 033 016 000	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1 548 066 164	2 288 684 730
- Phải trả&phải nộp khác(3388)	31A		1 378 193 452	1 339 974 120
- Phải trả&phải nộp khác(138)	31B		83 007 388	99 894 644
- Phải trả&phải nộp khác(3382)	31C		115 075 938	123 689 158
- Phải trả&phải nộp khác(3383)	31D		- 28 313 581	
- Phải trả&phải nộp khác(3381)	31E			
- Phải trả&phải nộp khác(3384)	31F		71 285	
- Phải trả&phải nộp khác(3389)	31C		31 682	
- Phải trả&phải nộp khác(451)	31G			
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1 059 675 954	725 126 808
II. Nợ dài hạn	330		252 781 691	164 078 441
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333		72 000 000	72 000 000
- Phải trả dài hạn khác (3385)	33A			
- Phải trả dài hạn khác (344)	33B		72 000 000	72 000 000
- Phải trả dài hạn khác (338--)	33C			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
- Vay dài hạn	33E			
- Nợ dài hạn	33D			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		180 781 691	92 078 441
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		104 941 991 178	113 338 731 074
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	104 941 991 178	113 338 731 074
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80 000 000 000	80 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		- 630 000	- 630 000
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		- 20 849 518	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7 769 173 137	5 634 379 244
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6 720 084 598	6 293 125 819
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10 474 212 961	21 411 856 011
- Lãi chưa phân phối	41A		10 474 212 961	21 411 856 011
- Lãi lỗ chưa kết chuyển trong kỳ	41B			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	43A			
- Chi sự nghiệp	43B			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		117 294 546 848	126 233 091 364
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	000			
1. Tài sản thuê ngoài	N01			
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	N02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	N03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	N04			
5. Ngoại tệ các loại	N05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	N06			
- Hạn mức kinh phí trung ương	N07			
- Hạn mức kinh phí còn lại	N08			

Hội An, ngày 24 tháng 06 năm 2011


KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ NGỌC LAN


LÊ TIẾN DŨNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
QUÝ I NĂM 2011

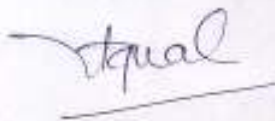
Chi tiêu	Thuyết minh	QUÝ I/2011	QUÝ I/2010	Lũy kế (Năm nay)	Lũy kế (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	VL25	33 055 825 040	28 939 003 509	33 055 825 040	28 939 003 509
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		168 333 833	82 779 832	168 333 833	82 779 832
- Thuế tiêu thụ ĐB phải nộp		168 333 833	82 779 832	168 333 833	82 779 832
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)		32 887 491 207	28 856 223 677	32 887 491 207	28 856 223 677
4. Giá vốn hàng bán	VL27	19 404 062 118	17 448 617 817	19 404 062 118	17 448 617 817
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		13 483 429 089	11 407 605 860	13 483 429 089	11 407 605 860
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VL26	553 644 602	369 627 181	553 644 602	369 627 181
7. Chi phí tài chính	VL28	4 415 356	57 762 631	4 415 356	57 762 631
- Trong đó: Lãi vay phải trả					
8. Chi phí bán hàng		635 197 376	617 771 115	635 197 376	617 771 115
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1 521 185 000	1 000 630 917	1 521 185 000	1 000 630 917
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		11 876 275 959	10 101 068 378	11 876 275 959	10 101 068 378
11. Thu nhập khác		24 606 779	54 611 134	24 606 779	54 611 134
12. Chi phí khác		13 685 571	36 681 681	13 685 571	36 681 681
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		10 921 208	17 929 453	10 921 208	17 929 453
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11 887 197 167	10 118 997 831	11 887 197 167	10 118 997 831
Trong đó :LN Từ PPV		1 476 901 286	1 303 666 127	1 476 901 286	1 303 666 127
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VL30				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VL30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		11 887 197 167	10 118 997 831	11 887 197 167	10 118 997 831

Hội an, ngày 24 tháng 06 năm 2011

LẬP BẢN

KÊ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU QUANH



NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

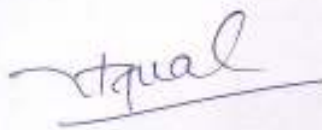
LÊ TIẾN DŨNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
QUÝ I NĂM 2011**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12 370 242 500	10 118 997 831
+ Doanh thu	0101		34 117 121 754	29 363 241 824
+ Doanh thu giảm trừ	0102		- 168 333 833	- 82 779 832
+ Chi phí	0110		-24 965 904 767	-19 819 906 103
+ Giảm trừ CP	0111		3 387 359 346	658 441 942
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2 184 325 439	1 641 650 173
- Các khoản dự phòng	03			
+ Các khoản dự phòng hoàn nhập	0301			
+ Các khoản dự phòng đã lập được ghi nhận	0302			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		38 310	
- Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14 554 606 249	11 760 648 004
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		-6 328 667 663	-2 498 197 455
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		- 126 189 027	- 34 860 113
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		- 938 585 448	10 934 223 427
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-1 129 597 877	- 200 375 576
- Tiền lãi vay đã trả	13			
+ Tiền lãi vay đã trả (6354)	1301			
+ Tiền lãi vay đã trả khác	1302			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-2 292 901 322	- 929 626 465
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		64 630 197 371	51 109 543 338
+ Thu do nhận ký cược ký quỹ	1501			
+ Thu hồi các khoản ký cược	1502			
+ Thu từ nguồn kinh phí sự nghiệp	1503			
+ Tiền được các tổ chức cá nhân bên ngoài thường, tăng quỹ DN	1504			
+ Tiền được ghi tăng quỹ do cấp trên hoặc cấp dưới nộp	1505		64 566 417 474	50 952 802 635
+ Thu khác	1598		63 779 897	156 740 703
+ Khác	1599			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-68 403 231 140	-66 381 694 947
+ Tiền đưa đi ký cược ký quỹ	1601			
+ Tiền trả lại các khoản đã nhận ký cược	1602			
+ Tiền chi trực tiếp từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	1603			
+ Tiền chi trực tiếp từ các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1604			
+ Tiền chi trực tiếp bằng nguồn vốn KP sự nghiệp, dự án	1605			
+ Chi khác	1698		-5 056 647 593	-3 491 186 053
+ Khác	1699		-63 346 583 547	-62 890 508 894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		- 34 368 857	3 759 660 213
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm,xdTSCĐ và các TS dài hạn khác	21			- 103 727 273

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
+ Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	2101			- 103 727 273
+ Phải thu người bán	2102			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
+ Số tiền thu	2201			
+ Số tiền chi	2202			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-2 000 000 000	-6 000 000 000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đv khác	24		4 000 000 000	2 000 000 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
+ Thu hồi đầu tư từ phải thu khách hàng (131)	2601			
+ Khác	2602			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1 034 981 071	367 996 747
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3 034 981 071	-3 735 730 526
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ SH	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			4 000 000 000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			-4 000 000 000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-8 181 323 526	-1 309 849 131
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-8 181 323 526	-1 309 849 131
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		-5 180 711 312	-1 285 919 444
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8 407 489 515	9 634 107 799
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			6 286 361
* ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - tăng	6101			7 081 418
* ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - giảm	6102			- 795 057
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	31	3 226 778 203	8 354 474 716

LẬP BẢNG



NGX THỊ THU QUANH

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

Hội An, ngày 24 tháng 06 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ TIẾN DŨNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Du lịch Dịch vụ Hội An theo Quyết định số 51/QĐ-TU ngày 16 tháng 02 năm 2006 của Tỉnh ủy Quảng Nam, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000102418 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 01/10/2006 (thay đổi lần thứ 3 ngày 27 tháng 04 năm 2009). Công ty là Doanh nghiệp hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
- Hình thức Kế toán: Nhật ký chứng từ

4. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính:

4.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển .

Tất cả các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 6 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đều được ghi nhận như khoản tương đương tiền.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND); các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá của những tài sản cố định đầu tư trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được đánh giá lại theo các Quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá, đối với tài sản cố định đầu tư mới sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được phân ánh theo giá thực tế.
- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, đơn vị thực hiện việc trích khấu hao nhanh đối với tất cả các loại tài sản trừ Nhà cửa, vật kiến trúc, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

	<u>Tỷ lệ khấu hao năm (%)</u>
◆ Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
◆ Máy móc thiết bị	10 - 20
◆ Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	10 - 20
◆ Dụng cụ quản lý	20 - 33

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Công ty ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác theo phương pháp giá gốc.

4.5. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản vay chung, tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp.

4.6. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng ước tính.

Đối với công cụ, dụng cụ thì thời gian phân bổ tối đa là 2 năm.

4.7. Ghi nhận Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp được trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính và quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức: Được tính trên cơ sở số vốn góp của cổ đông, thời điểm góp vốn và tỷ lệ chia cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận năm 2011 được phân phối theo Quy chế tài chính và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 02 năm 2011.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính

- Thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định khi đã giao hàng, khách hàng chấp nhận thanh toán và đã phát hành hóa đơn bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đã hoàn thành dịch vụ, được khách hàng chấp nhận thanh toán và đã phát hành hóa đơn.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

4.10. Chính sách thuế và lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng thuế suất 10% đối với tất cả các dịch vụ tại Công ty
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
 - ◆ Áp dụng mức thuế suất 25%.
 - ◆ Thuế tiêu thụ đặc biệt: Áp dụng mức thuế suất 30% đối với dịch vụ massage và tắm hơi.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	302.560.727	841.508.117
Tiền gửi ngân hàng	2.889.118.472	7.415.406.317
Tiền đang chuyển	35.099.004	150.575.081
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống	8.000.000.000	
Cộng	11.226.778.203	8.407.489.515

6. Các khoản đầu tư ngắn hạn

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở lên)	6.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	6.000.000.000	16.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	186.309.000	56.200.000
Phòng vé máy bay	549.654.350	548.308.882
Khác	0	4.987.368
BHXH chưa thanh toán chế độ	28.313.581	25.027.507
Cộng	764.276.931	634.523.757

8. Hàng tồn kho

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	245.607.223	258.981.751
Công cụ, dụng cụ	461.225.453	376.809.968
Hàng hóa	433.631.915	378.483.845
Cộng	1.140.464.591	1.014.275.564

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	84.420.772.613	22.784.764.652	18.668.406.518	1.016.621.047	126.890.564.832
Mua sắm trong năm	207.860.909	33.852.386	0	159.536.274	401.249.569
Đ/tư XDCB h/thành	0	2.254.835.611			2.254.835.611
T/lý, nhượng bán	24.280.000	924.452.416	282.387.891	0	1.231.120.307
Số cuối lý	84.604.353.524	24.149.000.233	18.386.018.627	1.176.157.321	128.315.529.705
Khấu hao					
Số đầu năm	44.188.386.032	12.802.356.412	8.920.927.140	532.076.493	66.443.746.077
Khấu hao trong năm	1.080.668.297	546.949.550	406.680.497	61.886.108	2.096.184.452
T/lý, nhượng bán	24.280.000	923.196.423	282.387.891	0	1.229.864.314
Số cuối năm	45.244.774.329	12.426.109.539	9.045.219.746	593.962.601	67.310.066.215
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	40.232.386.583	9.982.408.240	9.747.479.378	484.544.554	60.446.818.755
Số cuối năm	39.359.579.195	11.722.890.694	9.340.798.881	582.194.720	61.005.463.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	1.176.010.728	1.176.010.728
Tăng trong năm	-		
Giảm trong năm	-		
Số cuối năm	-	1.176.010.728	1.176.010.728
Khấu hao			
Số đầu năm	-	619.714.494	619.714.494
Khấu hao trong năm	-	88.140.987	88.140.987
Thanh lý, nhượng bán	-		
Số cuối năm	-	707.855.481	707.855.481
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	556.296.234	556.296.234
Số cuối năm	-	468.155.247	468.155.247

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Khu du lịch biển 5 sao	6.979.727.758	6.979.727.758
Cải tạo sân KS Biển	0	3.636.364
Xây mới cụm biệt thự 12 phòng tại biển		
Cải tạo Khách sạn Hội an	5.547.792.773	3.203.709.127
Hạng mục cải tạo TTLH –VP làm việc Công ty		
Hệ thống IPTV- KSHA	160.958.072	160.958.072
Cộng	12.688.478.603	10.348.031.321

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	6.025.614.776	5.010.615.168
Cộng	6.025.614.776	5.010.615.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	518.231.235	472.840.179
Thuế tiêu thụ đặc biệt	65.018.566	57.775.778
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	231.000.000	205.184.450
Thuế thu nhập cá nhân	187.364.481	73.058.303
Thuế TNDN	1.599.490.669	3.523.166.669
Cộng	2.601.104.951	5.314.019.682

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	115.075.938	123.689.158
Bảo hiểm y tế	71.285	0
Bảo hiểm thất nghiệp	31.682	0
Phí phục vụ	921.822.345	1.736.056.279
Phải trả, phải nộp khác	83.007.388	99.894.644
Thủ lao HHQT và BKS	308.799.000	138.810.222
Công Ty Zen	52.911.886	98.919.135
Cộng	1.481.719.524	2.197.369.438

15. Vay và Nợ dài hạn

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay dài hạn		
Nợ dài hạn		
- Tiền đặt cược khi nhận xe của các tài xế	72.000.000	72.000.000
Cộng	72.000.000	72.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2010	50.000.000.000	18.231.139.458	529.693.000	22.532.515.175	91.293.347.633
Tăng trong năm	30.000.000.000	4.582.470.752	5.763.432.819	29.188.711.454	69.534.615.025
Giảm trong năm		17.179.230.966		30.310.000.618	47.489.231.584
Số dư tại 31/12/2010	80.000.000.000	5.634.379.244	6.293.125.819	21.411.226.011	113.338.731.074
Số dư tại 01/01/2011	80.000.000.000	5.634.379.244	6.293.125.819	21.411.226.011	113.338.731.074
Tăng trong kỳ		2.134.793.893	426.958.779	15.216.756.231	17.778.508.903
Giảm trong kỳ				26.154.399.281	26.154.399.281
Số dư tại 31/03/2011	80.000.000.000	7.769.173.137	6.720.084.598	10.473.582.961	104.962.840.696

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước	45.202.384.000	45.202.384.000
Vốn góp của các đối tượng khác	34.797.616.000	34.797.616.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý I/2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm (*)		30.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu

	31/03/2011 VND	31/12/2010 VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu thường		
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu thường		
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

e. Lợi nhuận chưa phân phối

	Quý I/2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang		21.411.226.011
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		
Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức		
- Quỹ đầu tư phát triển		2.134.793.893
+ Bổ sung từ thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn		
+ Bổ sung từ lợi nhuận sau thuế		
- Quỹ dự phòng tài chính		426.958.779
- Quỹ phát triển dự án		
- Quỹ trợ cấp hưu trí		213.479.389
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		853.917.557
- Chia nguồn phí phục vụ		
- Chia cổ tức		17.718.789.313
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		63.287.080

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I/2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu	33.055.825.040	108.901.720.993
+ Doanh thu bán hàng		
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.055.825.040	108.901.720.993
Các khoản giảm trừ doanh thu	168.333.833	417.709.917
+ Chiết khấu thương mại		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	168.333.833	417.709.917
Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ	32.887.491.207	108.484.011.076

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Giá vốn hàng bán

	Quý I/2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.404.062.118	67.629.982.047
Cộng	19.404.062.118	67.629.982.047

9. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I/2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	553.644.602	3.007.151.163
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		212.098.084
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư		
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	553.644.602	3.219.249.247

19. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý I/2011 VND	Năm 2010 VND
Lỗ do chênh lệch bán ngoại tệ	4.415.356	
Lãi tiền vay		204.176.666
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		50.109.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		46.676.261
Cộng	4.415.356	300.962.054

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lợi nhuận sau thuế

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.355.194.465
+ Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế TNDN		802.877.102
- Thuế lao Hội đồng Quản trị		728.308.114
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		46.676.261
- Các khoản tiền phạt thuế		27.892.727
+ Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế TNDN		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Tổng thu nhập chịu thuế		36.158.071.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Hoạt động sản xuất kinh doanh	27.879.528.244
- Nguồn thu phí phục vụ	8.278.543.323
Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	9.039.517.893
- Hoạt động sản xuất kinh doanh	
- Nguồn thu phí phục vụ	
Thuế TNDN được miễn (*)	3.484.941.032
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.554.576.861
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	611.906.150
Tổng thuế TNDN phải nộp	6.166.483.011

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		29.188.711.454
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông		8.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3.649



Hội An, ngày 24 tháng 06 năm 2011

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

PHỤ LỤC 4:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 85/NQ-ĐHCĐ ngày 28/02/2010 thông qua việc niêm yết.
- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2011 số 07/2011/NQ-ĐHCĐ ngày 27/02/2011.



CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

--- SDCR ---
Số: 85/NQ - ĐHDĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--- SDCR ---
TP. Hội An, ngày 28 tháng 02 năm 2010

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

(V/v niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM)

- ❖ Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước CHXHCN Việt Nam năm 2005.
- ❖ Căn cứ Điều lệ tổ chức – hoạt động và Quy chế của Công ty.
- ❖ Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28/02/2010 của Công ty.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM trong năm 2010 như sau:

- Giao Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký niêm yết.
- Giao Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban, đơn vị và toàn thể cổ đông có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

Nơi nhận:

- Ban kiểm soát để biết
- Lưu văn thư, HDQT



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Ngô Văn Hùng

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH- DỊCH VỤ HỘI AN

Hôm nay, ngày 27 tháng 02 năm 2011, tại Hội trường Khu Du lịch Biển Hội An – Số 01 Cửa Đại, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam; Công ty Cổ phần Du lịch-Dịch vụ Hội An tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

Tổng số đại biểu cổ đông tham dự: 49 đại biểu, sở hữu và đại diện cho: 7.465.863 cổ phần, chiếm 93,3% tổng số cổ phần có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Sau một buổi làm việc khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, Đại hội đã thống nhất thông qua Nghị quyết, với những nội dung chính như sau:

1- Phê duyệt các báo cáo của năm 2010 (có văn bản kèm theo)

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2010
- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010 của Công ty;
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2010;
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010;

2- Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận trả cổ tức 2010 và 2011:

Đại hội đã thống nhất việc điều chỉnh tỷ lệ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2010 với hướng có lợi hơn cho cổ đông và Công ty; theo đó điều chỉnh từ 25% để lại các Quỹ Công ty còn 17% và từ 75% tăng lên 83% để chia cổ tức cho cổ đông.

Đại hội cũng đã thống nhất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 như sau: 25% để lại các Quỹ Công ty và 75% chia cổ tức, theo đó cổ tức trên một cổ phiếu là 2.866 đồng/cổ phiếu.

3- Về kế hoạch kinh doanh năm 2011:

- Tổng doanh thu: 141.743 triệu đồng, tăng 26,3% so với thực hiện năm 2010.
- Lợi nhuận trước thuế: 41.173 triệu đồng, tăng 35,3% so với năm 2010; tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu 29%, tăng 1,9% so với năm 2010. Lãi suất cơ bản trên cổ phiếu là 3.851 đồng/cổ phiếu, tăng 17,1% so với năm 2010.

4- Về kế hoạch đầu tư, nâng cấp năm 2011:

Đại hội đã thống nhất Kế hoạch đầu tư ngắn hạn năm 2011; giao cho Hội đồng Quản trị lập kế hoạch phân khúc giai đoạn đầu tư, có thứ tự ưu tiên cho từng hạng mục và triển khai thi công phải dứt điểm trong năm 2011.



Về đầu tư dài hạn: Tiếp tục thực hiện chủ trương của Đại hội đồng cổ đông năm 2010, giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty tiếp tục tìm kiếm cơ hội, nghiên cứu các dự án tiềm khả thi để đầu tư mở rộng quy mô, phát triển Công ty.

5- Về thù lao của Hội đồng Quản trị và tiền lương của Ban Điều hành:

Đại hội đã thống nhất báo cáo chi trả thù lao Hội đồng Quản trị năm 2010 và phương án chi trả năm 2011; thống nhất quyết toán lương năm 2010 và Kế hoạch tiền lương năm 2011 của Ban Điều hành Công ty.

6- Về lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2011:

Đại hội thống nhất cao đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty về chọn lựa đơn vị kiểm toán năm 2011; Công ty Kiểm toán A&C- Hà Nội kiểm toán báo cáo tài chính; Công ty Kiểm toán ATAX kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản.

7- Thời gian niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán TP Hồ Chí Minh:

Đại hội thống nhất niêm yết cổ phiếu tại sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2011, thời điểm niêm yết cổ phiếu giao cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định vào thời điểm phù hợp.

8- Bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị Công ty:

- Đại hội thống nhất cho Ông Ngô Văn Hùng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị thôi không tham gia thành viên Hội đồng Quản trị, lý do bản thân nhận công tác khác.

- Đại hội thống nhất giới thiệu Ông Nguyễn Văn Ban, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam là người đại diện quản lý nguồn vốn của Đảng (Tỉnh ủy Quảng Nam) tại Công ty và tham gia thành viên Hội đồng Quản trị.

- Đại hội thống nhất Ban kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị, gồm các ông có tên dưới đây:

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| 1)- Ông Trần Hân | - Trưởng ban kiểm phiếu |
| 2)- Ông Trần Thái Do | - Thành viên |
| 3)- Ông Nguyễn Trọng Tuấn | - Thành viên |

- Đại hội tiến hành bầu cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị bằng hình thức biểu quyết theo , với kết quả cụ thể như sau: Ông Nguyễn Văn Ban, với số phiếu 7.465.863 cổ phiếu.

Đại hội kết thúc vào lúc 12 giờ 30 cùng ngày.



THƯ KÝ

TRẦN PHƯỚC